

NGÂN HÀNG TMCP  
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 4864./2023/CV-VB  
No.: .../...

Sóc Trăng, ngày 25. tháng 12. năm 2023  
..., day ... month ... year ...

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: VBB

- Địa chỉ/*Address*: 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: (079) 3621454

Fax: (079) 3621858

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Nghị quyết HĐQT số 186/2023/NQ-HĐQT ngày 25/12/2023 về thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và một số nội dung liên quan khác.

- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN – UBCK ngày 19/12/2023.

- Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Bản cáo bạch.

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/12/2023 tại đường dẫn: <https://www.vietbank.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-khac> .../This information was published on the company's website on .../.../..... (date), as in the link ....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Nghị quyết HĐQT số 186/2023/NQ-HĐQT ngày 25/12/2023.
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN – UBCK ngày 19/12/2023.
- Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Bản cáo bạch.
- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TRẦN TUẤN ANH**



Số: 1.8.6./2023/NQ – HĐQT

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 12 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

V/v: thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và một số nội dung liên quan khác

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Vietbank;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2023;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2023;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 153/2023/BBH-HĐQT ngày 25/12/2023.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và một số nội dung liên quan khác, cụ thể như sau:**

- Ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông: 09/01/2024.
- Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 16/01/2024 đến ngày 21/02/2024.
- Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 16/01/2024 đến ngày 28/02/2024.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng HĐQT, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban, Văn phòng tại Hội sở và các đơn vị liên quan Vietbank có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2.
- Sao kính gửi:
- Ban Kiểm soát (để biết).
- Lưu Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ   
CHỦ TỊCH  
  
ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN



Số: 437 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK;

- Tên công ty viết tắt: VIETBANK;

- Trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 28 tháng 8 năm 2023;

- Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).



**Điều 2.** Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 100.313.360 cổ phiếu (Một trăm triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm sáu mươi cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu;
4. Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu): 1.003.133.600.000 đồng (Một nghìn không trăm lẻ ba tỷ một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

**Điều 3.** Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản gốc: 01 bản gửi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thu



Số: 4862./2023/CV-VB

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 12 năm 2023

## THÔNG BÁO

### Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2023)

#### I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ chức phát hành: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
- Tên viết tắt: **VIETBANK**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
- Số điện thoại: (0299) 3621454 Số fax: (0299) 3621858 Website: vietbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: VBB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước  
Số hiệu tài khoản: 120146
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023
  - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác  
Mã ngành: 6419
  - Sản phẩm/dịch vụ chính: Huy động vốn, cấp tín dụng, mở tài khoản thanh toán, cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng các dịch vụ thanh toán và các hoạt động khác theo quy định pháp luật.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần số 05/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 24/02/2023.



## II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 26/04/2022 và được Hội đồng quản trị Vietbank (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) thông qua tại Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/6/2022 và Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/6/2022 đồng thời được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc tiếp tục triển khai Phương án theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023.

## III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 100.313.360 cổ phiếu, trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 100.313.360 cổ phiếu;
  - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động: 1.003.133.600.000 đồng, trong đó:
  - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 1.003.133.600.000 đồng;
  - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
6. Phương thức phân phối:
  - Phương thức phân phối: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tỷ lệ 100:21 Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền được mua 21 cổ phiếu mới.
  - Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.



- Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 208 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông A sẽ được nhận 208 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:21, cổ đông A sẽ được quyền mua thêm 43,68 cổ phiếu. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông sẽ được quyền mua 43 cổ phiếu mới.*

- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được phân phối hết (do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua và/hoặc do các nguyên nhân khác) và số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) sẽ được HĐQT chào bán cho các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng (theo danh sách cổ đông chốt để thực hiện nhận quyền mua cổ phiếu) với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu).

- ✓ Trường hợp chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán và/hoặc chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên: HĐQT sẽ thực hiện lấy kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua Danh sách Nhà đầu tư dự kiến phân phối.

- ✓ Trường hợp chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dưới 10% vốn điều lệ: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:

- + Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm lực về tài chính.
- + Có tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không có.

8. Thời gian nhận đăng ký mua:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 09/01/2024.



- Thời gian đăng ký mua và nộp tiền: từ ngày 16/01/2024 đến ngày 28/02/2024.  
Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua: từ ngày 16/01/2024 đến ngày 21/02/2024.

9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:

- Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại Văn Phòng ở Thành phố Hồ Chí Minh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (62A Cách Mạng Tháng 8, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh).

10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: từ ngày 16/01/2024 đến ngày 28/02/2024.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: NH TMCP VIET NAM THUONG TIN (VIETBANK)
- Số tài khoản: 1029958509
- Mở tại: Vietcombank Chi nhánh Đông Sài Gòn - TP.HCM

12. Các tổ chức liên quan:

❖ Tổ chức tư vấn: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

- Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 6299 2006 Fax: (028) 6291 7986 Website: <https://vdsc.com.vn>

❖ Tổ chức kiểm toán:

**BCTC NĂM 2021 VÀ BCTC NĂM 2022: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG**

- Lầu 10, Tòa nhà Sunwah Tower, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267 Website: <https://www.kpmg.com/>

**BCTC NĂM 2023: CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

- Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



- Điện thoại: (028) 3824 5252      Fax: (028) 3824 5250      Website:  
<https://www.ey.com/>

13. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

❖ **NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK)**

- Địa chỉ: 47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng  
- Điện thoại: (0299) 362 1454      Fax: (0299) 362 1858      Website:  
[www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

- Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
- Điện thoại: (028) 6299 2006      Fax: (028) 6291 7986      Website:  
<https://vdsc.com.vn>

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN TUẤN ANH**



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA NGÂN HÀNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## BẢN CÁO BẠCH

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

### VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

*(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023)*

## CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 437/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2023)*

(Cuốn 1/2)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 19/12/2023 tại:

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK)

- Địa chỉ: 47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại: (0299) 362 1454      Fax: (0299) 362 1858      Website: [www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

##### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

- Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84.28) 6299 2006      Fax: (84.28) 6291 7986      Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Bà TRẦN TUẤN ANH

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Tel: (0299) 3621 454

Fax: (0299) 3621 858

Website: [www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK)

47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Tel: (0299) 3621 454

Fax: (0299) 3621 858

Website: [www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

*(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023)*

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 100.313.360 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.003.133.600.000 đồng.

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂM 2021, NĂM 2022

##### CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115, Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.28) 3821 9266      Fax: (028) 3821 9267      Website: [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NĂM 2023

##### CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

- Địa chỉ: Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 3824 5252      Fax: (028) 3824 5250      Website: <https://www.ey.com/>

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

##### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

- Địa chỉ: Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84.28) 6299 2006      Fax: (84.28) 6291 7986      Website: [www.vdsc.com.vn](http://www.vdsc.com.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Bà TRẦN TUẤN ANH

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 47 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Tel: (0299) 3621 454

Fax: (0299) 3621 858

Website: [www.vietbank.com.vn](http://www.vietbank.com.vn)





## MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	5
1.	Tổ chức phát hành .....	5
2.	Tổ chức tư vấn phát hành.....	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế .....	6
2.	Rủi ro về luật pháp .....	7
3.	Rủi ro đặc thù.....	9
4.	Rủi ro của đợt chào bán .....	15
5.	Rủi ro pha loãng.....	16
6.	Rủi ro quản trị Công ty.....	17
7.	Rủi ro khác.....	18
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	19
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	20
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	21
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành .....	22
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành .....	26
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	27
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành.....	48
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành .....	49
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác .....	55
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	55
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	58
10.	Hoạt động kinh doanh .....	58
11.	Chính sách đối với người lao động.....	116
12.	Chính sách cổ tức .....	118
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	119
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành .....	121
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào	

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán .....	124
16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	124
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH .</b>	<b>124</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	125
2. Tình hình tài chính.....	128
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG .....</b>	<b>145</b>
1. Thông tin cổ đông sáng lập .....	145
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	145
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng .	145
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>184</b>
<b>VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>	<b>191</b>
<b>IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>191</b>
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>192</b>
<b>XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>193</b>
<b>XII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>1934</b>



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN****I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THƯƠNG TÍN (VIETBANK)**

- Ông Dương Nhất Nguyên Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Trần Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ chức tư vấn phát hành****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền Chức vụ: Tổng Giám đốc

*(Theo Quyết định số 09/2023/QĐ-CT.HĐQT ngày 01/08/2023 của CTCP Chứng khoán Rồng Việt)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 36/2022/HĐ-NHĐT ngày 01/07/2022 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cung cấp.

*[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]*



## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

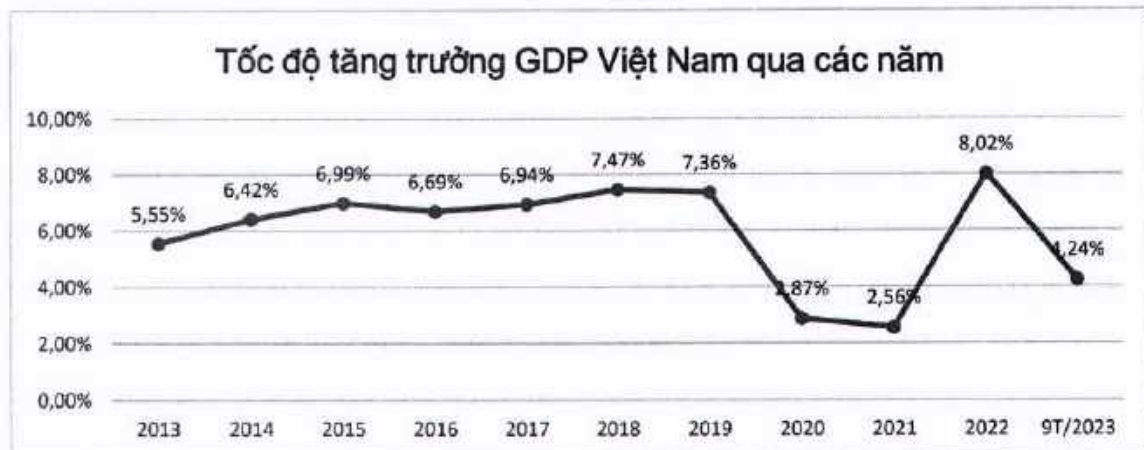
### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế: khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân của Việt Nam trong 10 năm gần đây (giai đoạn 2013 - 2022) đạt 5,87%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%, đóng góp 9,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,41%, đóng góp 22,27%; khu vực dịch vụ tăng 6,32%, đóng góp 68,57%.



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Vietbank.

#### 1.2. Rủi ro về lạm phát

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 05 năm gần nhất



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(giai đoạn 2018 – 2022) tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân các năm so với năm trước có xu hướng giảm và duy trì ở mức dưới 4%.

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

Tháng 9/2023, CPI tăng 1,08% so với tháng trước. Theo đó, CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 2,89% so với cùng kỳ năm 2022. Lạm phát cơ bản tháng 9/2023 tăng 0,26% so với tháng trước, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,49% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,16%).

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiềm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

Để ngăn ngừa rủi ro về luật pháp, Vietbank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản luật hiện hành, nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời Vietbank có Phòng Pháp lý và Tuân Thủ với các chức năng quản lý rủi ro pháp lý trong toàn bộ hoạt động của Ngân hàng, thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Điều hành về các hoạt động của Ngân hàng, nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

Ngoài ra, Vietbank là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở GDCK Hà Nội (UpCom), hoạt động của Vietbank chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản,...



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen, phức tạp, khiến cho hoạt động của các Ngân hàng thương mại cổ phần như Vietbank tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong ngắn hạn. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.
- Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác, bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất với luật, pháp lệnh, Thông tư không thống nhất với Nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng của các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm soát) đối với một số vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp nội dung hướng dẫn vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp có thể chưa thống nhất, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.
- Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.
- Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách, pháp luật trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của Vietbank. Tuy nhiên để chủ động hạn chế rủi ro này, Vietbank luôn cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật mới nhất đến toàn thể các phòng ban



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

và đơn vị kinh doanh trong hệ thống. Đồng thời Ngân hàng cũng xây dựng một hệ thống các văn bản nội bộ gồm các chính sách, quy định, quy trình và bộ phận pháp chế là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tham gia biên soạn và kiểm soát các chính sách, quy định, quy trình nội bộ,...đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và luôn được cập nhật theo những quy định mới của pháp luật.

Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những thay đổi quy định và chính sách nêu trên sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

Nhằm mục đích quản lý rủi ro tín dụng, về cơ bản Vietbank đáp ứng đầy đủ các quy định về quản lý rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn Basel II theo quy định của NHNN. Theo đó Vietbank cơ cấu tổ chức quản lý theo 3 tuyến phòng thủ. Vietbank xây dựng khẩu vị rủi ro, thiết lập các hạn mức theo đối tượng khách hàng, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, theo sản phẩm tín dụng, theo tài sản bảo đảm; thường xuyên giám sát giới hạn đã thiết lập; thực hiện phân loại nợ trích lập dự phòng theo đúng quy định của NHNN. Ngoài ra, Vietbank cũng đã xây dựng quy trình cảnh báo nợ sớm để sớm phát hiện các khoản nợ có vấn đề để có phương án xử lý phù hợp.

Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến khả năng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ trả nợ của khách hàng. Một đợt suy thoái chung của nền kinh tế hoặc sự sụt giảm kết quả kinh doanh của khách hàng đều có thể phát sinh rủi ro tín dụng, gây ảnh hưởng bất lợi đến khả năng thu hồi vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của Vietbank.

#### 3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỷ giá. Trong phạm vi hoạt động tự doanh của Vietbank, Vietbank chỉ phát sinh rủi ro lãi suất, tỷ giá. Vietbank hiện không phát sinh rủi ro giá vàng, giá chứng khoán và hàng hóa do không phát sinh hoạt động tự doanh vàng, chứng khoán, hàng hóa.

Rủi ro lãi suất phát sinh do biến động của bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với danh mục Sổ kinh doanh của Ngân hàng.

Rủi ro về ngoại hối phát sinh do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi Vietbank có trạng thái ngoại tệ.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

### 3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh khi có sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo biến động bất lợi của lãi suất sẽ dẫn đến thu nhập sụt giảm, giảm giá trị tài sản, tăng giá trị nợ phải trả và tăng giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng.

Tại Vietbank, việc quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được thực hiện thông qua phân tích chênh lệch giữa tài sản và nợ nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VND, USD,... Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng được đo lường và theo dõi thông qua sự kết hợp giữa Khối Quản lý rủi ro, Khối Tài chính và các Khối Kinh doanh. Căn cứ vào việc theo dõi hàng ngày và nhận định diễn biến, xu hướng biến động lãi suất trên thị trường, các cuộc họp định kỳ hàng tháng của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) được tổ chức nhằm đưa ra các quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietbank đã áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất như sau:

- Áp dụng các công cụ quản lý rủi ro, bao gồm: Mô hình chênh lệch kỳ hạn tái điều chỉnh lãi suất (repricing gap); thay đổi thu nhập lãi thuần NII ( $\leq 12$  tháng) khi lãi suất biến động.
- Thực hiện tốt việc điều hành lãi suất cho toàn hệ thống, sử dụng tốt nhất các nguồn vốn huy động, xây dựng các mô hình, chỉ số quản lý rủi ro nhằm phát hiện và cảnh báo kịp thời những rủi ro lãi suất tiềm tàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo xuyên suốt và khoa học từ từng phòng ban tại Hội sở đến hệ thống các chi nhánh. Do vậy, mỗi biến động về lãi suất trên thị trường tài chính ngân hàng đều được Ngân hàng nắm bắt và xử lý kịp thời.
- Nghiên cứu thực hiện áp dụng các dịch vụ được cho phép theo quy định của pháp luật trong hoạt động lãi suất như: hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai về lãi suất. Đây là các giải pháp giúp cho Ngân hàng ngăn ngừa được biến động về lãi suất cũng như bù đắp các rủi ro về lãi suất.

Các biện pháp hạn chế rủi ro vừa đề cập nêu trên chỉ nhằm mục đích hạn chế rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Vietbank, không đảm bảo việc rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng sẽ không phát sinh tại Vietbank.

### 3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Vietbank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

Theo đó, tại mảng quản lý rủi ro hoạt động, năm 2021, Khối QLRR rà soát Chính sách quản lý rủi ro trong đó bao gồm nội dung của chính sách quản lý rủi ro hoạt động và đã ban hành quyết định số 33/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/04/2021 - Chính sách Quản lý rủi ro.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Năm 2022, Khối QLRR đã rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro hoạt động và trình Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 67/2022/QĐ-HĐQT ngày 14/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 33/2021/QĐ-HĐQT ngày 14/4/2021.

Năm 2023, Khối QLRR tiếp tục rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, Khối QLRR đã tiến hành rà soát và ban hành Quy định quản lý rủi ro hoạt động số 2769/2023/QĐ-QLRRVH ngày 18/8/2023. Vietbank đã và đang triển khai các chính sách quản lý rủi ro hoạt động:

- i. Vietbank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đôn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- ii. Vietbank đã triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
  - Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố, sự kiện rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành trên toàn hệ thống;
  - Sử dụng kết quả của Kiểm toán nội bộ, kết hợp công tác giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất/ kiến nghị các biện pháp xử lý, phòng ngừa gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời Vietbank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
  - Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, Vietbank có đơn vị kiểm tra, xác minh, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan (nếu có) gửi Ban Lãnh đạo;
  - Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại Vietbank đều phải được đánh giá rủi ro đối với những nội dung chưa phù hợp/chưa có chốt chặn kiểm soát/ rủi ro pháp lý trước khi ban hành.
- iii. Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm:

Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ,... Vietbank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe ô tô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).
- iv. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:

Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, Vietbank đã ban hành quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Năm 2020, để ứng phó với tình hình dịch bệnh Covid-19, Vietbank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 – trong đó Chủ tịch HĐQT làm Chủ tịch Ban chỉ đạo. Năm 2022, căn cứ vào tình hình dịch bệnh thực tế phát sinh, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, liên tục, Vietbank đã rà soát, điều chỉnh và thay thế kịch bản ứng phó khủng hoảng dịch bệnh Covid 19 thành Phương án ứng phó khi Ngân hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Đồng thời, Vietbank cũng thường xuyên nắm bắt tình hình biến động/ ảnh hưởng của dịch bệnh, để trình Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng để có biện pháp ứng phó, xử lý kịp thời, phù hợp tình hình thực tiễn trong từng thời kỳ.

v. **Tính vốn cho rủi ro hoạt động:**

Vietbank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Mặc dù Vietbank đã có nhiều chính sách quản lý rủi ro hoạt động, tuy nhiên với những biến động của thị trường như hiện nay, Vietbank không đảm bảo rằng sẽ không có phát sinh rủi ro hoạt động tại Vietbank.

### 3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh khoản đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của Ngân hàng khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, để cập đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Phòng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALM) thuộc Khối Tài chính và Phòng Quản lý rủi ro thị trường thuộc Khối Quản lý rủi ro thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng, trình Hội đồng ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Vietbank luôn tuân thủ các quy định sau:

- Duy trì tỷ lệ dự trữ thanh khoản (ngay tức thì) tối thiểu là 10% trên tổng nợ phải trả theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (tiếp theo) tối thiểu là 50% trên dòng tiền đến hạn rông trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đồng Việt Nam; Và tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

(tiếp theo) tối thiểu là 10% trên dòng tiền đến hạn ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo đối với đô la Mỹ và các ngoại tệ khác quy đô la Mỹ;

- Duy trì tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi tối đa là 85% theo đồng Việt Nam, bao gồm đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam;
- Duy trì tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn tối 34% kể từ 01/10/2022 đến 30/09/2023 và tối đa 30% kể từ 01/10/2023;
- Duy trì tỷ lệ mua, đầu tư Trái Phiếu Chính phủ, Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh tối đa là 30% trên Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó.

Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, Vietbank vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn thanh khoản, dự trữ bắt buộc, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Tuy nhiên, mặc dù Vietbank đã có nhiều biện pháp hạn chế rủi ro thanh khoản tại Vietbank như đề cập nêu trên, rủi ro thanh khoản vẫn tồn tại trong hoạt động kinh doanh của Vietbank và có thể sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Vietbank khi người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn nhưng tại thời điểm đó Vietbank chưa đảm bảo tiền mặt của tại Ngân hàng để đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng.

### 3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của Vietbank tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), một đối tác, sản phẩm, giao dịch, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Tại Vietbank, việc quản lý rủi ro tập trung thông qua việc xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tập trung của Ngân hàng; Xây dựng tiêu chí xác định người có liên quan của khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật; Thiết lập, theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung.

Các hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập tại Khẩu vị rủi ro, định hướng tín dụng và các quy định nội bộ có liên quan của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Hạn mức rủi ro tập trung được thiết lập theo khách hàng/nhóm khách hàng có liên quan, đối tác giao dịch, sản phẩm, loại tiền giao dịch, lĩnh vực/ngành kinh tế nhằm kiểm soát rủi ro tập trung trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như:

- Hạn mức cấp tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng;
- Hạn mức giao dịch đối với một đối tác;
- Hạn mức cấp tín dụng/giao dịch đối với một sản phẩm;
- Hạn mức giao dịch đối với một đồng tiền;

Định kỳ hàng ngày, Vietbank thực hiện theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro tập trung nhằm cảnh báo sớm các khoản dư nợ, các giao dịch gần vượt hạn mức rủi ro tập trung và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Mặc dù Vietbank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về giới hạn cho vay theo ngành và có nhiều chiến lược quản lý rủi ro, tuy nhiên với những biến động của thị trường, Vietbank không đảm bảo rằng sẽ không phát sinh rủi ro tập trung tại Vietbank cũng như gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

### 3.7. Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh,...). Khi đó, Vietbank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

### 3.8. Rủi ro đặc thù khác

#### ❖ Rủi ro liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)

Căn cứ theo quy định của Luật Phòng chống rửa tiền số 14/2022/QH15 của Quốc hội ký ngày 15/11/2022: Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có. Vietbank là một tổ chức tín dụng, vì vậy Vietbank sẽ đối mặt với rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, rủi ro liên quan đến rửa tiền/tài trợ khủng bố là một thách thức với hệ thống ngân hàng nói chung và Vietbank nói riêng. Nhằm mục đích hạn chế rủi ro nêu trên, Vietbank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả các quy định và yêu cầu của pháp luật, NHNN về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, chống tội phạm tài chính và tuân thủ báo cáo theo Đạo luật FATCA.

Quy định nội bộ Vietbank về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là "kim chỉ nam" cho toàn thể CBNV tuân thủ theo.

#### ❖ Rủi ro về ngành

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành Ngân hàng. Việc phát triển các sản phẩm tài chính tối ưu góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển dòng vốn trong nền kinh tế. Đồng thời, khách hàng cũng có cơ hội được sử dụng các dịch vụ tài chính hiện đại, phù hợp nhất. Cùng với sự phát triển của ngành Ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các Ngân hàng thương mại



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch...

### ❖ Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác như: Vietbank phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng,...

## 4. Rủi ro của đợt chào bán

### 4.1. Rủi ro từ đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu này được chào bán cho các cổ đông hiện hữu của Vietbank và không có bảo lãnh phát hành nên tiềm ẩn rủi ro đợt chào bán không thành công. Trong trường hợp Vietbank không chào bán hết lượng cổ phiếu, trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng (theo danh sách cổ đông chốt để thực hiện nhận quyền mua cổ phiếu) để phân phối tiếp số lượng cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

### 4.2. Rủi ro từ mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu năm 2022 là 1.003.133.600.000 đồng được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc kinh doanh, đầu tư trái phiếu và duy trì các tỷ lệ bảo đảm tuân thủ cho các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lời cho hoạt động kinh doanh của Vietbank.

Căn cứ tình hình thị trường hiện nay cũng như nhu cầu thực tế của Ngân hàng, ngày 08/8/2023, HĐQT Vietbank đã họp và thông qua Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐQT về việc thông qua kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, toàn bộ số tiền dự kiến thu được là 1.003.133.600.000 đồng, sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
A	Đầu tư trái phiếu	350.000.000.000	Tháng 12/2023 – Quý I/2024
B	Cho vay và duy trì các tỷ lệ bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn tài chính trong hoạt động Ngân hàng	653.133.600.000	
1	Cho vay sản xuất kinh doanh, đầu tư	350.000.000.000	Tháng 12/2023 -
2	Cho vay nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200.000.000.000	Quý I/2024



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
3	Cho vay nhà, đất	50.000.000.000	
4	Cho vay khác	53.133.600.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.003.133.600.000</b>	

*Nguồn: Nghị quyết HĐQT số 97/2023/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023 của Vietbank*

Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

### 5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt tăng vốn lần này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

#### 5.1. Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Công thức tính:	EPS (cơ bản)	=	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$
- Số lượng cổ phần đang lưu hành:	(1)		477.682.669
- Số lượng cổ phần chào bán đợt này:	(2)		100.313.360
- SLCP lưu hành sau khi chào bán:	(3)=(1)+(2)		577.996.029
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (triệu VND):	(4)		522.627
- EPS trước khi chào bán (VND/cổ phiếu):	(5)=(4)/(1)		1.094
- EPS sau khi chào bán (VND/cổ phiếu):	(6)=(4)/(3)		904

Tuy nhiên, rủi ro từ việc pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS sẽ được hạn chế nếu Vietbank sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

#### 5.2. Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

- Công thức tính:	Giá trị sổ sách trên mỗi CP	=	$\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$
-------------------	-----------------------------	---	---

- Tại ngày 31/12/2022, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán là 13.119 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành (với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Rủi ro từ việc pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ được hạn chế nếu Vietbank sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

### 5.3. Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

### 5.4. Pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Giá cổ phiếu VBB sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành cổ phiếu để chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua (tỷ lệ 100 : 21). Giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

Trong đó:

- $P_{tc}$ : là giá tham chiếu của cổ phiếu VBB trong ngày giao dịch không hưởng quyền.
- $P_{t-1}$ : là giá cổ phiếu VBB phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- $I$ : là tỷ lệ vốn tăng.
- $I_R$ : là tỷ lệ vốn tăng liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- $P_R$ : là giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

#### Ví dụ:

Giả sử giá cổ phiếu VBB vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu ( $P_{t-1}$ ). Tỷ lệ tăng vốn cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành lần này là 100 : 21 hoặc 21%. Giá chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu VBB tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{tc} = \frac{12.000 + (21\% \times 10.000)}{1 + 21\%} = 11.653 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

## 6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông Ngân hàng.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 7. Rủi ro khác

#### 7.1. Vietbank là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

Vietbank hoạt động theo mô hình ngân hàng TMCP đa dạng hóa về hình thức sở hữu và không phụ thuộc vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tháng 07/2019, Vietbank có cổ phiếu chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VBB.

Vietbank chịu áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác (bao gồm cả ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, ngân hàng TMCP, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng ngày càng tăng.

#### 7.2. Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

Vietbank lập các BCTC hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Các thông tin được thể hiện trong Bản Công Bố Thông Tin này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Do Vietbank hoạt động trong ngành ngân hàng là ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và quy định cụ thể tại Việt Nam.

#### 7.3. Các trường hợp bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Vietbank như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố,... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, Tổ chức là khách hàng của Vietbank.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

Bản Cáo bạch	Bản công bố thông tin của Ngân hàng về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Ngân hàng.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
Điều lệ	Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín thông qua. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
Vốn điều lệ	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
Tổ chức kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH KPMG Việt Nam – là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và năm 2022 của Vietbank Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam – là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Vietbank

**Các từ hoặc nhóm từ viết tắt**

Vietbank, Tổ chức phát hành, Ngân hàng	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Rồng Việt	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TGD	Tổng Giám đốc
BKS	Ban kiểm soát
CNTT	Công nghệ Thông tin
ISO	Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
ATM	Máy rút tiền tự động



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

CTCP	Công ty Cổ phần
NHTM	Ngân hàng Thương mại
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TMCP	Thương mại Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TCTD	Tổ chức tín dụng
TCKT	Tổ chức kinh tế
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
USD	Đồng đô la Mỹ
VND	Việt Nam Đồng
VPĐD	Văn phòng đại diện
ALCO	Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Tài Sản Có
HĐTD	Hội Đồng Tín Dụng
L/C	Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
CBNV	Cán bộ nhân viên
QLRR	Quản lý rủi ro
TTKD	Trung tâm Kinh doanh
GTCG	Giấy tờ có giá
KHCN	Khách hàng Cá nhân
KHDN	Khách hàng Doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất Kinh doanh
TSCĐ	Tài sản cố định
BCTC	Báo cáo tài chính
KPI	Key Performance Indicator (chỉ số hiệu suất công việc)

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành**

Tên đầy đủ:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
Tên Tiếng Anh:	VIETNAM THƯƠNG TÍN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên giao dịch viết tắt:	Vietbank
Mã cổ phiếu:	VBB
Sàn giao dịch:	UpCOM
Trụ sở:	Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại:	(0299) 362 1454
Fax:	(0299) 362 1858
Website:	<a href="http://www.Vietbank.com.vn">www.Vietbank.com.vn</a>

Biểu tượng (logo):



Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn Anh – Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023.

Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006.

Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của Vietbank số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023.

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác – Mã ngành 6419. Chi tiết cụ thể như sau:

- (1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- (2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
  - a) Cho vay;
  - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
  - c) Bảo lãnh ngân hàng;
  - d) Phát hành thẻ tín dụng;
  - đ) Bao thanh toán trong nước.
- (3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
- (4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
  - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- (5) Mở tài khoản:
  - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- (6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- (7) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- (8) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- (9) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- (10) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- (11) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
- (12) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (13) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (14) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (15) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (16) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (17) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- (18) Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
- (19) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- (20) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006, Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Vietbank số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 28, ngày 28 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước (cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ); mở tài khoản tại NHNN, tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tài cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; kinh doanh mua, bán vàng miếng; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của Vietbank:

<b>Năm 2022</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng tài sản trên 110.000 tỷ đồng;</li><li>- Nguồn nhân lực chuyên nghiệp và nhiệt huyết 2.600 CBNV;</li><li>- Mạng lưới hoạt động 118 Trung tâm Kinh doanh trên toàn quốc;</li><li>- Hàng trăm sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp;</li><li>- Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022, Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022, Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022; Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022</li></ul>
-----------------	--



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

Năm 2021	- Tăng vốn điều lệ lên 4.777 tỷ đồng.
Năm 2020	- Mở mới thành công 5 chi nhánh trong điều kiện khó khăn của dịch Covid-19. - Liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Ngân hàng triển khai công nghệ ngân hàng lõi tốt nhất năm 2020, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020, Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dùng Việt Nam
Năm 2019	- Tăng vốn điều lệ lên 4.190 tỷ đồng; - Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi; - Mở mới 18 Trung tâm Kinh doanh tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước;
Năm 2018	- Tăng vốn điều lệ lên 4.105 tỷ đồng, triển khai nhiều dự án nhằm phát triển Vietbank theo hướng Digital Banking.
Năm 2017	- Kỷ niệm 10 năm thành lập; - Chuyển đổi các Quỹ tiết kiệm thành Phòng giao dịch; - Triển khai dự án Corebanking.
Năm 2016	- Tăng vốn điều lệ lên 3.249 tỷ đồng; - Vinh dự nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”
Năm 2015	- Liên tiếp được công nhận các giải thưởng uy tín: ✓ Thương Hiệu Uy Tín ✓ Doanh Nghiệp Phát triển Bền Vững 2015 - Hệ thống mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại 11 tỉnh thành trên toàn quốc.
Năm 2010	- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.
Năm 2009	- Khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh đầu tiên của Vietbank tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.
Năm 2008	- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
Năm 2007	- Vietbank chính thức được thành lập, trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới trên toàn quốc; đồng thời Vietbank cũng khai trương hoạt động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của Vietbank; - Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
Năm 2006	- Thành lập với vốn điều lệ 200 tỷ đồng.

---

Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay, Vietbank đã đạt được những giải thưởng, danh hiệu và thành tích tiêu biểu như sau:

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	Thương hiệu uy tín – Doanh nghiệp phát triển bền vững 2015	Viện DN Việt Nam
2016	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2018	Vietbank xếp thứ 399/500 VNR 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, xếp thứ 209/500 VNR 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2018.	Vietnamnet
2018	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2018.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2019	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2019.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2020	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 (VNR500)	
	Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tín và Dùng Việt Nam Năm 2020 - "Ngân hàng bán lẻ uy tín"	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2022	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022	Viet Research và Báo Đầu tư
	Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy – Vietnam Economic Times
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet

Ngoài các giải thưởng nêu trên, Vietbank còn nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu và thành tích tiêu biểu khác.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



*Nguồn: Vietbank*

Tính đến 30/09/2023, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng phát hành bao gồm:

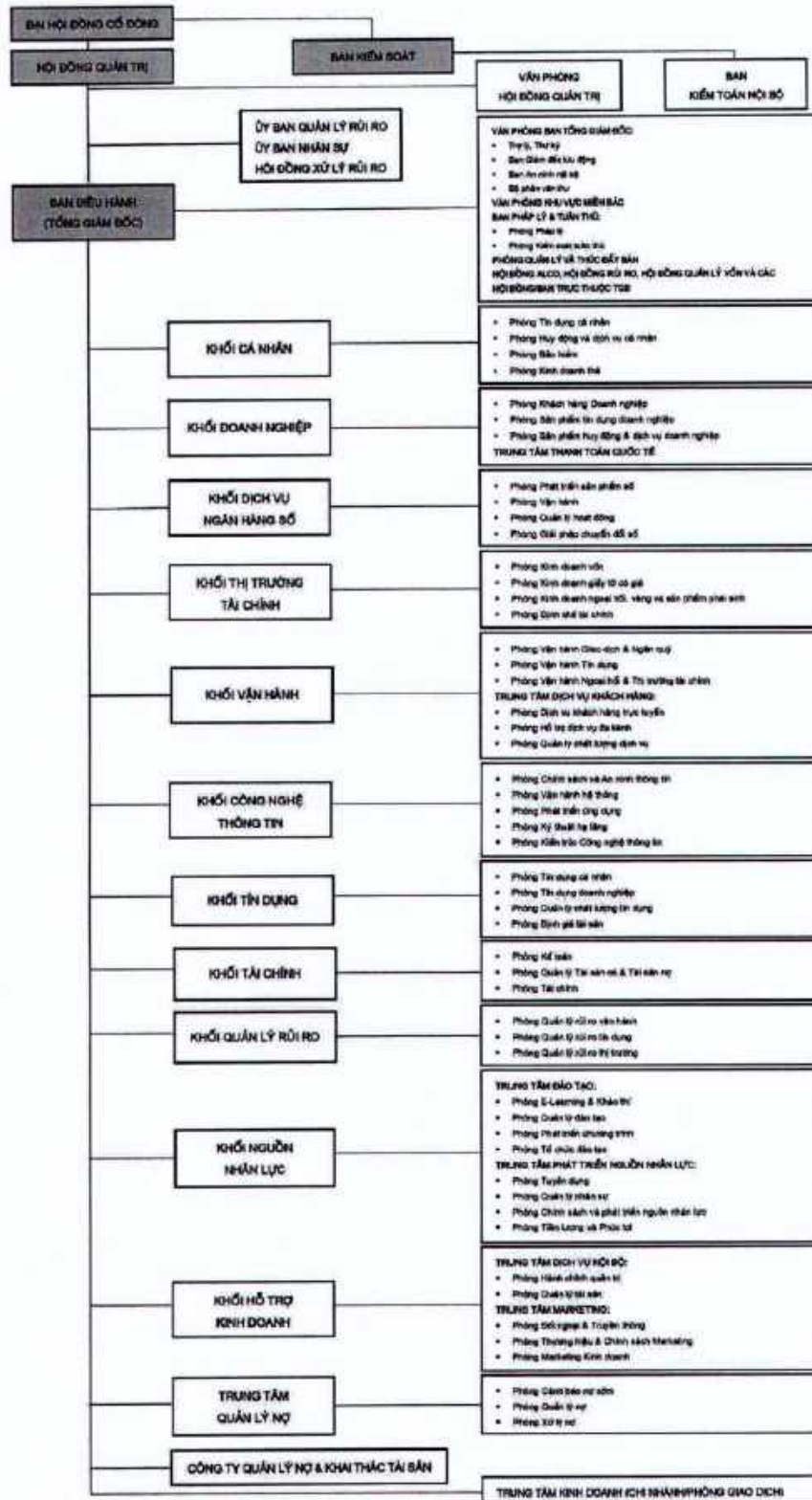
- Trụ sở chính đặt tại 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Việt Nam
- Mạng lưới hoạt động gồm hai mươi lăm (25) chi nhánh, chín mươi ba (93) phòng giao dịch được phân bố ở hầu hết các tỉnh và thành phố trên cả nước
- Ngân hàng có một (01) Công ty con sở hữu trực tiếp: Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.

*Nguồn: Vietbank*

*[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Cơ cấu quản trị của tổ chức phát hành



Nguồn: Vietbank



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Vietbank, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng; Quyết định đầu tư, bán tài sản của Ngân hàng; Quyết định việc xây dựng và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Vietbank.

### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Vietbank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Vietbank.

### 4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Kiểm soát là Ban Kiểm toán nội bộ, có chức năng sau:

- Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.
- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Vietbank.
- Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
- Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm Vietbank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước, nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; Là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 4.4. Ban điều hành

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Đứng đầu Ban Điều hành của Ngân hàng là Tổng Giám đốc, sau đó là các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của Vietbank.

Hiện nay, Vietbank có 08 (tám) Phó Tổng giám đốc là thành viên trong Ban Điều hành và 01 (một) Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

Các Đơn vị trực thuộc Ban Điều hành bao gồm:

- (i) Văn phòng Ban Tổng Giám đốc;
- (ii) Văn phòng Khu vực miền Bắc;
- (iii) Ban Pháp lý và Tuân thủ:
  - Phòng Pháp lý: Có chức năng quản lý và tổ chức thực hiện công tác pháp chế, tư vấn pháp lý trong toàn hệ thống Vietbank; Quản lý và tổ chức thực hiện công tác lập quy của Vietbank; Quản lý và tổ chức thực hiện chức năng tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của Vietbank; Chức năng khác.
  - Phòng Kiểm soát tuân thủ: Có chức năng kiểm soát, giám sát cán bộ nhân viên và các Đơn vị trong toàn hệ thống tin tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Vietbank; Đề xuất biện pháp xử lý rủi ro tuân thủ, hành vi vi phạm và theo dõi giám sát việc khắc phục; Chức năng khác.
- (iv) Phòng Quản lý và Thúc đẩy bán: Có chức năng quản lý, đánh giá các chỉ tiêu, hiệu quả kinh doanh của từng mảng kinh doanh bao gồm cho vay, huy động, bảo hiểm, thẻ, phí và các dịch vụ khác của Vietbank; Phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ xây dựng, quản lý kế hoạch kinh doanh, phân bổ chỉ tiêu kinh doanh; Đánh giá, quản lý kết quả kinh doanh của Vietbank theo từng Vùng/Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh; Xây dựng các chương trình thúc đẩy bán hàng và thi đua nội bộ; Phối hợp tuyển dụng, đề xuất, đánh giá đội ngũ kinh doanh nhằm đảm bảo nguồn nhân lực phát triển kinh doanh; Xây dựng hệ thống báo cáo, đánh giá kết quả kinh doanh, KPIs, chương trình thi đua nội bộ và thúc đẩy bán hàng; Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh, hệ thống phân bổ kinh doanh, báo cáo kết quả và hiệu suất kinh doanh theo các Vùng/Khu vực, từng Đơn vị kinh doanh, từng nhân sự kinh doanh; Chức năng khác.
- (v) Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn và các Hội đồng/Ban khác trực thuộc Tổng Giám đốc.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị/Thường trực Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị (trừ Hội đồng tín dụng) trong việc thực hiện chức năng quản trị Vietbank và các Công ty con.

Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:

- Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị;
- (Các) Phó Chánh Văn phòng;
- Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng;
- Thư ký Hội đồng quản trị;
- Thư ký Ngân hàng;
- Các Chuyên viên;
- Các nhân viên.

### 4.6. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT

#### 4.6.1. Ủy ban quản lý rủi ro

Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, quy định, quy trình thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Vietbank.

Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Vietbank trước những nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy định, quy trình quản trị hiện hành của Vietbank để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy định chính sách, chiến lược hoạt động.

Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị giao.

Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

#### 4.6.2. Ủy ban nhân sự

Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Vietbank.

Thay mặt HĐQT quyết định những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự trong phạm vi được HĐQT uỷ quyền.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 4.6.3. Hội đồng xử lý rủi ro

Quản lý chính sách dự phòng rủi ro tín dụng:

- Phê duyệt chính sách dự phòng rủi ro tín dụng;
- Quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;
- Phê duyệt báo cáo tổng hợp về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt.

Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp xử lý và thu hồi đối với nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro:

- Miễn, giảm lãi vay, khoanh nợ (tạm dừng thu gốc, tạm dừng tính lãi), xóa nợ gốc từng phần hoặc toàn phần theo Quy chế miễn, giảm lãi của Vietbank và các quy định có liên quan.
- Mua, bán nợ (kể cả trong trường hợp bán nợ mà không thu đủ nợ gốc);
- Nhận tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ và bán lại tài sản bảo đảm đã nhận cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- Các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm khác để thu hồi nợ (kể cả trong trường hợp không thu đủ nợ gốc);
- Sử dụng dịch vụ thu hồi nợ;
- Các biện pháp thu hồi nợ khác theo chính sách của Vietbank trong từng thời kỳ.

### 4.7. Các khối chức năng tại Hội sở chính

Đối với các Khối nghiệp vụ tại Hội sở: bao gồm 11 Khối và 01 Trung tâm như sau:

#### 4.7.1. Khối cá nhân

Đơn vị trực thuộc Khối Cá nhân bao gồm:

##### ❖ Phòng Huy động và Dịch vụ cá nhân

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Cá nhân về chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ Khách hàng Cá nhân (SPHĐ&DV KHCN).
- Nghiên cứu, xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục SPHĐ&DV KHCN theo định hướng của Vietbank trong từng kỳ.
- Quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng SPHĐ&DV KHCN từ đơn vị kinh doanh đến toàn hàng.
- Tham mưu ý kiến, trình đề xuất phê duyệt các vấn đề phát sinh ngoại lệ, điều kiện khác biệt về chính sách giá theo quy định.
- Xây dựng kế hoạch quảng bá truyền thông đối với các SPHĐ&DV KHCN thuộc quản lý của P. SPHĐ&DV CN, triển khai chương trình/sự kiện theo từng phân khúc khách hàng.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến SPHĐ&DV KHCN.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ liên quan đến SPHĐ&DV KHCN đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
  - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển SPHĐ&DV KHCN.
  - Chức năng khác
- ❖ **Phòng Tín dụng cá nhân**
- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Cá nhân về chiến lược, định hướng phát triển Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân (SPTD/DVTD KHCN).
  - Nghiên cứu, xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục SPTD/DVTD KHCN theo định hướng của Vietbank trong từng thời kỳ.
  - Quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng SPTD/DVTD KHCN từ đơn vị kinh doanh đến toàn hàng.
  - Tham mưu ý kiến, trình đề xuất phê duyệt các vấn đề phát sinh ngoại lệ, điều kiện khác biệt về chính sách giá theo quy định.
  - Xây dựng kế hoạch quảng bá truyền thông đối với các SPTD/DVTD KHCN.
  - Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.
  - Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng đến đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
  - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng Khách hàng Cá nhân.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Bảo hiểm**
- Quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).
  - Tìm kiếm đối tác bảo hiểm, phân tích và đánh giá cơ hội liên kết.
  - Xây dựng mô hình/chính sách, triển khai hợp tác nghiệp vụ Bancassurance.
  - Huấn luyện và đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng mềm tư vấn bảo hiểm.
  - Xử lý thông tin và phản hồi của khách hàng về sản phẩm, chất lượng dịch vụ, bồi thường...
  - Tổ chức, phối hợp tổ chức cùng đơn vị đối tác các chương trình, chiến dịch bán hàng, thu hút khách hàng, thúc đẩy bán bảo hiểm.
  - Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh, đối chiếu số liệu từ các nguồn.
  - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm dịch vụ bảo hiểm (bao gồm Nhân thọ và Phi nhân thọ).
  - Chức năng khác.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### ❖ Phòng Kinh doanh thẻ

- Quản lý và phát triển kinh doanh thẻ và các sản phẩm số.
- Quản lý, phát triển kênh phân phối.
- Quản lý và phát triển, quản lý Đơn vị Chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT).
- Quản lý hình ảnh, thương hiệu.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực kiến thức sản phẩm dịch vụ thẻ và sản phẩm số đến Đơn vị kinh doanh, đội ngũ bán hàng.
- Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thẻ.
- Chức năng khác.

### 4.7.2. Khối doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp bao gồm:

#### ❖ Phòng Khách hàng Doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển KHDN.
- Xây dựng và triển khai các chính sách chăm sóc và phát triển KHDN.
- Quản lý các hoạt động liên kết, bao gồm cả các hoạt động liên kết đối tác phi ngân hàng.
- Cung cấp giải pháp hiệu quả tài chính cung cấp trọn gói cho KHDN.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chăm sóc và phát triển KHDN.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Sản phẩm tín dụng doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng KHDN.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng KHDN.
- Quản lý và phát triển sản phẩm tài trợ thương mại: tài trợ xuất nhập khẩu, bảo lãnh quốc tế.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng KHDN.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm tín dụng, dịch vụ tín dụng đến TTKD, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển Sản phẩm tín dụng và dịch vụ tín dụng doanh nghiệp.
- Chức năng khác.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### ❖ Phòng Sản phẩm huy động và dịch vụ doanh nghiệp

- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển sản phẩm huy động, dịch vụ KHDN.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục sản phẩm huy động, dịch vụ tài khoản/tài chính KHDN.
- Hướng dẫn nghiệp vụ, soạn thảo, quản lý hệ thống văn bản nội bộ liên quan đến sản phẩm huy động, dịch vụ KHDN.
- Phối hợp với Trung tâm Đào tạo đào tạo nghiệp vụ, Sản phẩm huy động, dịch vụ đến TTKD, đội ngũ bán hàng, đội ngũ tác nghiệp.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển Sản phẩm huy động và dịch vụ KHDN.
- Chức năng khác.

### ❖ Trung tâm thanh toán quốc tế

- Tham mưu cho Ban Lãnh đạo Khối Doanh nghiệp về chiến lược, định hướng phát triển thanh toán quốc tế.
- Xây dựng quy trình nghiệp vụ thanh toán quốc tế, thanh toán chuyển tiền trong nước.
- Đầu mối kiểm tra và thực hiện các giao dịch thanh toán quốc tế.
- Quản lý hoạt động thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng hệ thống Swift tại Trung tâm thanh toán quốc tế.
- Quản lý việc sử dụng tài khoản Nostro quốc tế.
- Xây dựng, triển khai, quản lý hệ thống danh mục sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán quốc tế
- Hỗ trợ tư vấn khách hàng xuất nhập khẩu của TTKD đối với các nghiệp vụ liên quan.
- Tư vấn bán hàng FX sales.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thanh toán quốc tế.
- Chức năng khác.

### 4.7.3. Khối dịch vụ ngân hàng số

Đơn vị trực thuộc Khối Dịch vụ Ngân hàng số bao gồm:

#### ❖ Phòng Phát triển sản phẩm số

- Đầu mối nghiên cứu sản phẩm chuyển đổi số tại Khối Dịch vụ Ngân hàng số; tiếp nhận các yêu cầu sản phẩm, dịch vụ truyền thống sang sản phẩm số.
- Xây dựng mô tả thiết kế giao diện người dùng theo chuẩn (UI/UX) trên nền tảng Mobile app, website và Internet banking; khác...giúp người dùng dễ dàng thao tác.
- Triển khai công cụ phát triển khách hàng mới qua kênh digital (mạng xã hội) song song kênh phân phối truyền thống Vietbank.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Hợp tác và liên kết các tổ chức trung gian thanh toán, các Công ty Fintech trong và ngoài nước để gia tăng tiện ích sản phẩm, dịch vụ thanh toán số đa dạng, tăng khai thác khách hàng bán chéo, tiết kiệm chi phí và nguồn lực của Vietbank.
  - Phối hợp với Trung tâm Marketing xây dựng công cụ truyền thông số phù hợp với nhu cầu của khách hàng khi ra mắt sản phẩm công nghệ mới.
  - Nghiên cứu và triển khai thanh toán thẻ công nghệ cao (như giao dịch rút tiền bằng QR Code, Passcode) thay cho rút tiền từ thẻ vật lý hiện nay; thanh toán thẻ công nghệ cao dựa trên nền tảng công nghệ thanh toán như Apple Pay, Google Pay, Android Pay;... và thanh toán các dịch vụ công như thẻ không tiếp xúc, thẻ thanh toán NFC, thẻ thanh toán Mitare, v.v...
  - Tập trung nghiên cứu phát triển các giải pháp chuyển đổi số hóa các sản phẩm và dịch vụ trên kênh Mobile app, và Internet dành cho khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp đồng nhất (Omni channel). Tập trung cung cấp trải nghiệm người dùng và thu hút khách hàng mới phát triển Smart Account (mở tài khoản Online), Smart eSaving (gửi tiết kiệm Online), Smart Loan (vay tiêu dùng nhỏ lẻ, thẻ Online), Smart card (thẻ ảo), Smart Payment (thanh toán thông minh), Digital Marketing (tiếp thị số).
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển sản phẩm số.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Vận hành**
- Quản lý phát triển dịch vụ Thẻ trên core thẻ.
  - Phối hợp giám sát hệ thống Thẻ, Camera ATM.
  - Sản xuất thẻ.
  - Vận hành Ngân hàng số liên quan đến Digital Channel/ Agency Banking/v.v...
  - Đầu mối trao đổi và phối hợp với Khối CNTT, các Đơn vị khác của Ngân hàng, các đối tác cung cấp hệ thống thẻ, các Tổ chức chuyển mạch thẻ, các Tổ chức trung gian thanh toán thực hiện việc kết nối, tích hợp hệ thống.
  - Phối hợp các đối tác/ phòng ban liên quan, thực hiện triển khai, cài đặt và lắp đặt thiết bị chấp nhận thanh toán (ATM, CDM, Kios, POS/mPOS) theo kế hoạch trên toàn hệ thống.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành Ngân hàng số.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Quản lý hoạt động**
- Xây dựng, kiểm soát công tác hạch toán, kế toán các hoạt động nghiệp vụ Thẻ và ngân hàng số của Khối Dịch vụ Ngân hàng số.
  - Kiểm soát giao dịch Thẻ và Ngân hàng số.
  - Quản lý nghiệp vụ phát hành và giao nhận thẻ và PIN.
  - Kiểm soát nghiệp vụ xử lý yêu cầu về hoạt động thẻ/NHS trên toàn hệ thống.
  - Đề xuất cải tiến các quy trình vận hành truyền thống qua quy trình số hóa.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- Hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo và hỗ trợ.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý hoạt động Thẻ, ngân hàng số.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Giải pháp chuyển đổi số**
- Tham mưu cho Ban Giám đốc Khối hoạch định kế hoạch phát triển giải pháp Ngân hàng số hàng năm trên cơ sở phù hợp với định hướng và chiến lược chung của Vietbank trên nền tảng Digital Transformation: Digital In, Digital Out và Digital Hub dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại như: AI, RPA, eKYC, Robotic, Blockchain, Cloud, Chatbox.
  - Phát triển Front-end Mobile app/Web/Internet/Agency banking/v.v... theo tiêu chuẩn UI/UX giúp người dùng trải nghiệm các sản phẩm và dịch vụ được mượt mà, nhanh chóng.
  - Phát triển Back-end quản trị vận hành Mobile app/Web/Internet/Agency banking/v.v...: Thiết kế quản lý và kết nối giữa front-end với hệ thống cơ sở dữ liệu thông qua phối hợp cùng Khối CNTT.
  - Quản lý, phát triển và vận hành tất cả các nền tảng số trên nền tảng Mobile app, Web, và Internet banking,...
  - Phối hợp cùng các bên thứ ba và Khối CNTT nghiên cứu xây dựng cấu trúc phân tích cơ sở dữ liệu, phân tích hành vi người dùng để phân loại khách hàng, phân loại người dùng sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng trên các kênh Ngân hàng số, để giúp các Khối kinh doanh chào bán sản phẩm phù hợp đúng đối tượng.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác chuyển đổi số.
  - Chức năng khác.

### 4.7.4. Khối thị trường tài chính

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính bao gồm:

- ❖ **Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá**
- Kinh doanh và Đầu tư (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp).
  - Kinh doanh và đầu tư giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng.
  - Phát hành Giấy tờ có giá gồm: Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu thường và các giấy tờ có giá khác của Vietbank.
  - Kinh doanh và đầu tư các sản phẩm phái sinh liên quan đến các sản phẩm thuộc chức năng của Phòng Kinh doanh giấy tờ có giá.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh và đầu tư các loại Trái phiếu chính phủ và Giấy tờ có giá của các TCTD.
  - Chức năng khác.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN****❖ Phòng Kinh doanh vốn**

- Điều hòa thanh khoản thực tế trong ngày (không bao gồm quản lý các tỷ lệ đảm bảo theo quy định Ngân hàng nhà nước).
- Kinh doanh vốn trên thị trường Liên ngân hàng.
- Kiểm soát độc lập tất cả các giao dịch Khối Thị trường tài chính liên quan đến các rủi ro đã nhận biết được (Rủi ro đối tác, rủi ro tín dụng); nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xây dựng các sản phẩm tài chính, bao gồm không giới hạn các loại sản phẩm tài chính thuộc chức năng nghiệp vụ Khối Thị trường tài chính.
- Thực hiện tính toán phân bổ hạn mức rủi ro đối tác và các hạn mức rủi ro liên quan khác cho các nghiệp vụ kinh doanh trong Khối, đảm bảo duy trì tổng hạn mức trong giới hạn cho phép được phân bổ và phối hợp với các Khối/Phòng/Ban Hội sở (Phòng Quản lý tài sản nợ, tài sản có; Phòng Quản lý rủi ro thị trường; Phòng Quản lý chất lượng tín dụng,...) để đảm bảo duy trì hệ số CAR toàn hàng định kỳ theo quy định.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh vốn.
- Chức năng khác.

**❖ Phòng Kinh doanh ngoại hối, Vàng & Sản phẩm phái sinh**

- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng.
- Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.
- Quản lý và kinh doanh vàng theo quy định của NHNN.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng, kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng, trên thị trường tài chính.
- Chức năng khác.

**❖ Phòng Định chế tài chính**

- Xác định và xây dựng kế hoạch phát triển đối tác định chế tài chính (FI) ngân hàng và phi ngân hàng trong nước và ngoài nước.
- Thiết lập và Triển khai các hoạt động hợp tác và liên kết với đối tác FI.
- Quản lý các hạn mức đã cấp cho và được cấp bởi các đối tác FI.
- Đánh giá hiệu quả hợp tác.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển đối tác định chế tài chính (FI) ngân hàng và phi ngân hàng.
- Nâng cao hình ảnh và thương hiệu Vietbank trên thị trường trong và ngoài nước thông qua việc mở rộng và phát triển mối quan hệ hợp tác với các định chế tài chính quốc tế và khu vực.
- Chức năng khác.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 4.7.5. Khối vận hành

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành bao gồm:

**a) Phòng Vận hành Giao dịch & Ngân quỹ**

- Quản lý hoạt động giao dịch và ngân quỹ tại tất cả các kênh.
- Thực hiện mô hình thanh toán tập trung; Sử dụng, theo dõi, đối chiếu, xử lý sai biệt (nếu có), giao nhận số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Vietbank tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác trong nước; Quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của tổ chức tín dụng khác trong nước tại Vietbank.
- Thực hiện dịch vụ thu chi hộ với các đối tác lớn.
- Kiểm soát các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.
- Điều chuyển vốn nội bộ (tiền mặt, chuyển khoản) và quản lý giao nhận tiền mặt với NHNN và các TCTD khác; quản lý công tác an toàn kho quỹ.
- Báo cáo nội bộ và cơ quan Nhà nước.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động ngân quỹ và giao dịch.
- Chức năng khác.

**b) Phòng Vận hành Tín dụng**

- Xây dựng quy định, quy trình nghiệp vụ để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Đào tạo, hướng dẫn kênh phân phối thực hiện thống nhất các quy định, quy trình để quản lý các giao dịch về tiền trong công tác tín dụng.
- Thực hiện giải ngân đối với tất cả các khoản vay hoặc các khoản vay có giá trị do Tổng Giám đốc quyết định trong từng thời kỳ; kiểm soát việc phát hành tất cả thư bảo lãnh.
- Tổ chức thực hiện, kiểm soát nghiệp vụ quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo.
- Tổ chức thực hiện nghiệp vụ pháp lý chứng từ.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành tín dụng.
- Chức năng khác.

**c) Phòng Vận hành Ngoại hối & Thị trường tài chính**

- Xây dựng quy định, quy trình nghiệp vụ để xử lý giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính.
- Xử lý các giao dịch tiền tệ.
- Kiểm soát các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.
- Quản lý hồ sơ giao dịch.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Quản lý, theo dõi, đối chiếu, giao nhận sổ phụ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Vietbank tại các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của các tổ chức tín dụng khác trong và ngoài nước tại Vietbank.
  - Báo cáo nội bộ và báo cáo NHNN.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kiểm soát, xử lý các giao dịch về ngoại hối và thị trường tài chính.
  - Chức năng khác.
- d) **Trung tâm Dịch vụ khách hàng**
- ❖ **Phòng Dịch vụ khách hàng trực tuyến**
    - Tổ chức, quản lý, vận hành tổng đài đa kênh (Hotline, email, webchat, messenger facebook, zalo,...) của Vietbank.
    - Tổ chức giao tiếp Khách hàng qua tổng đài đa kênh (Hotline, email, webchat, messenger facebook, zalo,...) của Vietbank.
    - Tổ chức và xử lý các nghiệp vụ qua tổng đài đa kênh (Hotline, email, webchat, messenger facebook, zalo,...) của Vietbank theo quy trình và theo yêu cầu của Khách hàng.
    - Triển khai hoạt động bán hàng chủ động qua tổng đài đa kênh (Hotline, email, webchat, messenger facebook, zalo,...) của Vietbank.
    - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành hệ thống tổng đài đa kênh (Hotline, email, webchat, messenger facebook, zalo,...) của Vietbank.
    - Chức năng khác.
  - ❖ **Phòng Hỗ trợ dịch vụ đa kênh**
    - Xây dựng và tổ chức kiểm soát chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng qua tổng đài đa kênh (Hotline, email, webchat, messenger facebook, zalo,...) của Vietbank.
    - Hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên của Trung tâm Dịch vụ khách hàng.
    - Phân tích dữ liệu nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng.
    - Xây dựng, cải tiến, giám sát hệ thống tổng đài đa kênh nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.
    - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác hỗ trợ dịch vụ đa kênh.
    - Chức năng khác.
  - ❖ **Phòng Quản lý chất lượng dịch vụ**
    - Quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng.
    - Quản lý việc thực hiện 5S trên toàn hệ thống.
    - Xây dựng, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo các yêu cầu của ISO 9001.
    - Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ.
    - Chức năng khác.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### 4.7.6. Khối Công nghệ thông tin

#### ❖ Phòng Chính sách và An ninh thông tin

- Xây dựng, quản lý, giám sát các chính sách, quy định liên quan đến công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn NHNN và thông lệ quốc tế.
- Công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Vận hành hệ thống

- Vận hành Corebanking.
- Vận hành hệ thống Thẻ và ngân hàng số.
- Quản lý vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu.
- Hỗ trợ CNTT.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành Corebanking, vận hành hệ thống thẻ và ngân hàng số, quản lý vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Phát triển ứng dụng

- Nghiên cứu và tư vấn giải pháp.
- Phát triển ứng dụng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Kỹ thuật hạ tầng

- Triển khai hạ tầng.
- Trung tâm dữ liệu.
- Công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác triển khai hạ tầng, quản trị hệ thống tại trung tâm dữ liệu, công tác an toàn và bảo mật thông tin toàn Ngân hàng.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Kiến trúc công nghệ thông tin

- Nghiên cứu và tư vấn giải pháp.
- Quản lý các dự án công nghệ thông tin.
- Kiểm soát chất lượng.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác nghiên cứu và tư vấn giải pháp CNTT, quản lý các dự án công nghệ thông tin.
- Chức năng khác.

### 4.7.7. Khối tín dụng

#### ❖ Phòng Định giá tài sản

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản đảm bảo.
- Tuyển dụng và đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá cho toàn hệ thống Vietbank.
- Thẩm định và phê duyệt kết quả định giá tài sản.
- Đầu mối hợp tác với các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng thẩm định giá tài sản.
- Quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động thẩm định giá tài sản trong toàn hệ thống Vietbank.
- Chịu trách nhiệm kiểm soát, quản lý rủi ro hoạt động của Phòng và đảm bảo mọi nghiệp vụ của Phòng phải tuân thủ quy định pháp luật.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác định giá tài sản trong toàn hệ thống.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Tín dụng doanh nghiệp

- Thẩm định các hồ sơ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng theo quy định của Vietbank để tham mưu cho cấp có thẩm quyền.
- Thẩm định các hồ sơ liên quan đến hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Vietbank để tham mưu cho cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng quy định/quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định.
- Chịu trách nhiệm kiểm soát, quản lý rủi ro hoạt động của Phòng và đảm bảo mọi nghiệp vụ của Phòng phải tuân thủ quy định pháp luật.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Tín dụng cá nhân

- Thẩm định các hồ sơ liên quan đến hoạt động cấp tín dụng theo quy định của Vietbank để tham mưu cho cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng quy định, quy trình liên quan đến hoạt động thẩm định/tái thẩm định.
- Tổ chức các phiên họp, lập biên bản phán quyết cấp tín dụng ghi nhận ý kiến của Hội đồng tín dụng cấp cao/Hội đồng tín dụng/Ban tín dụng Hội sở/Chuyên gia phê duyệt về các hồ sơ tín dụng.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- Chịu trách nhiệm kiểm soát, quản lý rủi ro hoạt động của Phòng và đảm bảo mọi nghiệp vụ của Phòng phải tuân thủ quy định pháp luật.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác thẩm định/tái thẩm định/phê duyệt các hồ sơ liên quan đến khách hàng.
- Chức năng khác.

### ❖ Phòng Quản lý chất lượng tín dụng.

- Rà soát, xây dựng, cập nhật các chính sách tín dụng, quy trình, quy định về cấp tín dụng phù hợp theo quy định của Vietbank và NHNN trong từng thời kỳ.
- Đánh giá chất lượng phê duyệt của các cấp được phân quyền phán quyết cấp tín dụng, tình hình ĐVKD tuân thủ phê duyệt sau cho vay.
- Kiểm soát chất lượng tín dụng của khoản vay lớn.
- Xây dựng, cải tiến các chương trình phần mềm đáp ứng nhu cầu quản lý chất lượng tín dụng, xem xét cấp tín dụng tại Vietbank.
- Xây dựng, cải tiến chương trình xếp hạng tín dụng làm căn cứ để xem xét cấp tín dụng theo quy định Vietbank và NHNN trong từng thời kỳ.
- Chịu trách nhiệm kiểm soát, quản lý rủi ro hoạt động của Phòng và đảm bảo mọi nghiệp vụ của Phòng phải tuân thủ quy định pháp luật.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý chất lượng hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.
- Chức năng khác.

### 4.7.8. Khối tài chính

#### ❖ Phòng Kế Toán

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán tài chính của Ngân hàng.
- Quản lý các tài khoản tiền gửi của Hội sở tại NHNN và các TCTD khác trong nước.
- Kiểm tra việc thực hiện hệ thống, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán theo đúng quy định.
- Kiểm soát và đánh giá lãi/lỗ hoạt động kinh doanh ngoại hối, kinh doanh vốn, hoạt động khác Khối thị trường tài chính
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán.
- Chức năng khác.

#### ❖ Phòng Quản lý Tài sản có và Tài sản nợ

- Quản lý vốn tự có, kế hoạch vốn
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý và giám sát hiệu quả bằng cân đối kế toán.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- Thực hiện công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.
  - Xây dựng và vận hành hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ (FTP).
  - Phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính tiền tệ; phân tích dữ liệu, mô hình tài chính; phân tích ngành ngân hàng, đánh giá tác động các thay đổi chính sách của Ngân hàng Nhà nước; dự báo chiến lược.
  - Thư ký Hội đồng ALCO.
  - Thư ký Hội đồng Quản lý vốn.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản Có - tài sản Nợ.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Tài chính**
- Kế hoạch tài chính, ngân sách: xây dựng kế hoạch ngân sách tài chính hàng năm phù hợp với chiến lược phát triển của Vietbank trong từng thời kỳ.
  - Xây dựng chính sách, quy định, quy trình để quản lý, hướng dẫn công tác kế toán quản trị và công tác kế hoạch của Ngân hàng.
  - Quản lý kiểm soát chi phí, kiểm soát an toàn tài chính.
  - Thực hiện công tác kế toán quản trị, công tác kế hoạch của Ngân hàng.
  - Xây dựng, hướng dẫn hạch toán, hướng dẫn lập báo cáo kế toán quản trị cho các Khối kinh doanh, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn các Khối kinh doanh; Tham mưu điều tiết kế hoạch kinh doanh Vietbank theo định hướng, đảm bảo hiệu quả và an toàn.
  - Quản lý BSM, tối ưu NIM, ROA, ROE; Quản trị tài chính, chính sách, dự án.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kế toán quản trị của Vietbank.
  - Chức năng khác.

### 4.7.9. Khối quản lý rủi ro

- ❖ **Phòng Quản lý rủi ro vận hành**
- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro vận hành/rủi ro hoạt động.
  - Tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro về quản lý rủi ro vận hành.
  - Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm, ghi nhận và theo dõi chỉnh sửa, khắc phục lỗi tác nghiệp đối với các mảng hoạt động phát sinh nhiều rủi ro vận hành.
  - Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro vận hành.
  - Đầu mối thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Quản lý rủi ro tín dụng**
- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro tín dụng.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- Đề xuất, tham mưu cho Hội đồng rủi ro và Ban Điều hành liên quan đến chính sách quản lý rủi ro tín dụng của Ngân hàng.
  - Theo dõi trạng thái rủi ro tín dụng.
  - Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động quản lý rủi ro tín dụng.
  - Tham mưu trong việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro theo quy định của Pháp luật.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Quản lý rủi ro thị trường**
- Xây dựng và triển khai bộ khung quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
  - Tham mưu cho Ban Điều hành, Hội đồng rủi ro về quản lý rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động tự doanh, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.
  - Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm đối với hoạt động có yếu tố rủi ro thị trường.
  - Thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản.
  - Tham mưu trong việc xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro theo quy định của Pháp luật.
  - Chức năng khác.
- 4.7.10. Khối nguồn nhân lực
- a) **Trung tâm đào tạo**
- ❖ **Phòng E-learning & khảo thí**
- Thiết kế và xây dựng bài giảng E-learning.
  - Vận hành hệ thống E-learning và học Online.
  - Quản lý ngân hàng đề thi.
  - Quản lý hệ thống sát hạch và vận hành các kỳ thi.
  - Quản lý phòng máy tính.
  - Quản lý và xử lý các phần mềm, phần cứng và công nghệ phục vụ cho công tác đào tạo.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác vận hành hệ thống E-learning và khảo thí.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Quản lý đào tạo**
- Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt.
  - Quản lý hợp đồng đào tạo nội bộ.
  - Quản lý hồ sơ học viên.
  - Quản lý dữ liệu về kết quả học tập, thi của học viên.
  - Phối hợp với Phòng Nhân sự đánh giá năng lực nhân viên.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

- Giải quyết thủ tục bồi hoàn liên quan đào tạo.
  - Quản lý tài sản của Trung tâm đào tạo.
  - Kế toán thu chi.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý đào tạo.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Phát triển chương trình**
- Xây dựng kế hoạch đào tạo ngắn, trung và dài hạn.
  - Phân tích nhu cầu đào tạo.
  - Thiết kế chương trình, thẩm định, đánh giá và chỉnh sửa hoàn thiện chương trình.
  - Giảng dạy tại lớp.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển chương trình đào tạo.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Tổ chức đào tạo**
- Tổ chức lớp học.
  - Quản lý lớp học.
  - Liên lạc giảng viên và học viên.
  - Phụ trách các công tác hậu cần phục vụ cho lớp học.
  - Thống kê phiếu đánh giá, lập báo cáo về khóa học.
  - Thực hiện bản tin nội bộ.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác tổ chức đào tạo.
  - Chức năng khác.
- b) **Trung tâm phát triển nguồn nhân lực**
- ❖ **Phòng Tuyển dụng**
- Tìm và quản lý nguồn tuyển.
  - Tuyển dụng nhân sự.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Quản lý nhân sự**
- Quản lý nhân sự.
  - Đánh giá nhân sự.
  - Quan hệ lao động.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Chính sách và phát triển nguồn nhân lực**
- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

- Xây dựng và quản lý hồ sơ tổ chức toàn hàng.
- Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Tiền lương và Phúc lợi**
  - Xây dựng và triển khai quy chế lương, thưởng, phúc lợi.
  - Xây dựng chính sách đãi ngộ nhân sự.
  - Chức năng khác.
- 4.7.11. Khối Hỗ trợ kinh doanh
- a) **Trung tâm dịch vụ nội bộ**
- ❖ **Phòng Hành chính quản trị**
  - Công tác Lễ tân, khánh tiết.
  - Công tác Hành chính Quản trị.
  - Công tác An ninh - An Toàn.
  - Công tác Mua sắm - Quản lý hợp đồng.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác hành chính quản trị.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Quản lý tài sản**
  - Công tác Phát triển mạng lưới.
  - Công tác Xây dựng cơ bản.
  - Công tác Quản lý tài sản cố định (không phải bất động sản).
  - Công tác Quản lý bất động sản và văn phòng.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý tài sản, xây dựng cơ bản và phát triển mạng lưới.
  - Chức năng khác.
- b) **Trung tâm Marketing**
- ❖ **Phòng Đối ngoại và truyền thông**
  - Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của Vietbank.
  - Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thống tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...
  - Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.
  - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
  - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho Vietbank.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của Vietbank trên mọi kênh tương tác.
  - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các sự kiện cấp ngân hàng của Vietbank.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác truyền thông và quan hệ công chúng.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Thương hiệu và Chính sách Marketing**
- Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của Vietbank.
  - Quản lý hình ảnh, thương hiệu Vietbank trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
  - Thiết kế hình ảnh, thương hiệu Vietbank.
  - Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.
  - Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
  - Tổ chức thực hiện kế hoạch Marketing tổng thể và quản lý kế hoạch chi phí Marketing của Trung tâm.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác phát triển thương hiệu và hoạt động Marketing của Vietbank.
  - Chức năng khác.
- ❖ **Phòng Marketing kinh doanh**
- Tổ chức công tác Nghiên cứu thị trường và Thấu hiểu khách hàng.
  - Tổ chức công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của Vietbank.
  - Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp... đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng.
  - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
  - Phối hợp với các khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách khách hàng thân thiết.
  - Tổ chức hoạt động Marketing kỹ thuật số trên toàn hệ thống.
  - Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác Marketing trên toàn hệ thống nhằm hỗ trợ kinh doanh.
  - Chức năng khác.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN****4.7.12. Trung tâm quản lý nợ****❖ Phòng Cảnh báo nợ sớm**

- Thực hiện công tác Cảnh báo nợ sớm, nhận diện các khoản nợ có vấn đề và theo dõi việc khắc phục nợ quá hạn.
- Rà soát pháp lý và cảnh báo rủi ro đối với các khoản nợ quá hạn.
- Phối hợp đánh giá và tái thẩm định các khoản nợ quá hạn.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác cảnh báo nợ sớm.
- Chức năng khác.

**❖ Phòng Quản lý nợ**

- Tham gia xây dựng các hướng dẫn về quản lý nợ, xử lý và thu hồi nợ.
- Thực hiện quản lý nợ, xử lý và thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu.
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình liên quan đến công tác quản lý nợ.
- Phối hợp đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét miễn, giảm lãi cho khách hàng.
- Thực hiện các thủ tục mua bán nợ cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), các đối tác khác và hoạt động cản trở nợ cho Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác quản lý, xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.
- Chức năng khác.

**❖ Phòng xử lý nợ**

- Xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống thông qua các biện pháp: Thực hiện nhắc nợ khách hàng thanh toán nợ trong hạn, quá hạn thông qua các công cụ nhắc nợ; Đơn đốc, tìm các giải pháp để xử lý, yêu cầu khách hàng trả nợ; Công tác thu giữ, xử lý tài sản bảo đảm; Khởi kiện và tham gia tố tụng tại tòa án; Tham gia thi hành án nhằm xử lý tài sản bảo đảm theo bản án; Công tác tham mưu các giải pháp mua bán nợ, ủy thác nợ quá hạn, nợ xấu theo quy định pháp luật; Các biện pháp khác.
- Chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xử lý, thu hồi nợ quá hạn trong toàn hệ thống.
- Xây dựng, góp ý các quy trình quy định liên quan đến nghiệp vụ xử lý nợ.
- Chức năng khác.

*[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]*

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Công ty con của Tổ chức phát hành

Hiện nay, Vietbank chỉ có 01 (một) công ty con sở hữu trực tiếp với thông tin như sau:

### Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310898270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 12/06/2021
- Địa chỉ: 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực: 5.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 100%
- Hoạt động kinh doanh: Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

5.3. Danh sách các Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức Phát Hành

Không có.

5.4. Danh sách các Công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Hiện nay, Vietbank đang nắm quyền kiểm soát 01 (một) công ty là Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín. Thông tin về Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín đã được đề cập tại Mục IV.5.2 của Bản Cáo bạch này

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:



**Bảng 1: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng**

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/2006	0	200.000.000.000	200.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ cho một số nhà đầu tư bên ngoài - Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 v/v khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm và Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 v/v cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Không có
2	24/04/2007	200.000.000.000	500.000.000.000	300.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 300.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2017 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
3	30/12/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	500.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 500.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có
4	30/12/2010	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN.	Không có



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
5	31/12/2016	3.000.000.000.000	3.249.000.000.000	249.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 249.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN.	Không có
6	2018-2019	3.249.000.000.000	4.190.199.040.000	941.199.040.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên Vietbank theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP). Trong đó, Vietbank đã phát hành cho tổng cộng 225 cổ đông, trong đó 52 Cổ đông hiện hữu, 173 Cổ đông ESOP. - Số lượng phát hành: 94.119.904 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018; - Công văn 8460/UBCK - QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Công văn 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/03/2019.	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.</li> </ul>	
7	2021	4.190.199.040.000	4.776.826.690.000	586.627.650.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 2074/NHNN-TTGSNH ngày 30/03/2021 về việc chấp thuận việc tăng vốn điều lệ thêm 586.627.856.600 đồng của Vietbank;</li> <li>- Công văn số 2339/UBCK-CLCB ngày 26/5/2021 về việc thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo</li> </ul>	Không có



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị chấp thuận	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 của Vietbank. - Công văn số 3138/UBCK – QLCB ngày 25/6/2021 về việc Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019. - Quyết định 1495/QĐ-NHNN Về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.	

Nguồn: Vietbank

[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác**

Không có.

**8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**
**8.1. Cổ phiếu phổ thông**
**Bảng 2: Thông tin về cơ cấu cổ đông của Ngân hàng tại ngày 30/09/2023**

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	1.351	477.660.545	99,995%
	Cá nhân	1.332	145.807.682	30,524%
	Tổ chức	19	331.852.863	69,471%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	8	22.124	0,005%
	Cá nhân	8	22.124	0,005%
	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,000%
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	0	0	0,000%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.359</b>	<b>477.682.669</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông của Vietbank tại ngày 30/09/2023 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp.*

**8.2. Cổ phiếu ưu đãi**

Không có.

**8.3. Các loại chứng khoán khác**

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**Bảng 3: Tổng hợp các trái phiếu đang lưu hành của Ngân hàng tại 30/09/2023**

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBBL2128002	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	255.340	05 năm đầu: 7,80%/năm 02 năm cuối: 8,83%/năm	29/09/2021	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128003	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	224.550	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	29/10/2021	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128004	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	11/11/2021	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128005	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	140.980	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	26/11/2021	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2128006	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	200.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 7,0%/năm	20/12/2021	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBBL2128010	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	90.300	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	28/12/2021	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229001	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	300.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	09/02/2022	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBBL2229002	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	18/02/2022	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBB122033	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	100.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	16/09/2022	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành
VBB123034	Trái phiếu tính vào vốn cấp 2	1.900.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	30/06/2023	7 năm	Vietbank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Vietbank



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

- Căn cứ theo công văn số 2294/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 25/05/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: tối đa 30% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Ngân hàng (nếu có): Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0,005%

Nguồn: Vietbank

**10. Hoạt động kinh doanh**
**10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh**
**10.1.1. Loại sản phẩm dịch vụ**

**Bảng 4: Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		9T/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.086.498	86,43%	7.117.428	90,57%	7.068.232	94,64%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	147.804	2,10%	201.718	2,57%	138.737	1,86%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	1,67%	198.804	2,53%	115.233	1,54%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	499.327	7,09%	63.287	0,81%	43.377	0,58%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	190.909	2,71%	277.187	3,53%	103.064	1,38%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.041.944</b>	<b>100%</b>	<b>7.858.424</b>	<b>100%</b>	<b>7.468.643</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank

Nhìn chung hoạt động kinh doanh năm 2022 của Vietbank theo BCTC năm 2022 hợp nhất ngày càng lành mạnh, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh Thu có xu hướng tăng là Thu nhập từ hoạt động dịch vụ (2,57%), Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (2,53%) và Thu nhập từ hoạt động khác (3,53%) đều tăng so với năm 2021 (2,10%, 1,67% và 2,71%). Tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 86% (cụ thể 31/12/2022 là 90,57%, chỉ tiêu này tăng 14,48% so với năm 2021). Trong khi đó, tỷ trọng Thu nhập từ mua bán chứng khoán (MBCK) đầu tư năm 2022 là 0,81%, giảm so với năm 2021 (7,09%).

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Kết thúc 9 tháng năm 2023, doanh thu hợp nhất của Vietbank tăng trưởng tích cực 24,22% so với cùng kỳ năm 2022, đạt gần 7.469 tỷ đồng. Cụ thể, so với thời điểm 30/09/2022, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự đạt hơn 7.068 tỷ đồng (tăng 27,48%), thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt gần 139 tỷ đồng (giảm 0,68%) và thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đạt khoảng 115 tỷ đồng (giảm 13,43%).

**Bảng 5: Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Stt	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		9T/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.086.498	86,43%	7.117.428	90,57%	7.068.232	94,64%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	147.954	2,10%	201.719	2,57%	138.737	1,86%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	1,67%	198.804	2,53%	115.233	1,54%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	499.327	7,09%	63.287	0,81%	43.377	0,58%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	190.909	2,71%	277.188	3,53%	103.064	1,38%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.042.094</b>	<b>100%</b>	<b>7.858.426</b>	<b>100%</b>	<b>7.468.643</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Theo BCTC năm 2022 riêng lẻ của Vietbank, tỷ trọng các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh thu ngày càng lành mạnh, các chỉ tiêu thu nhập trong Tổng Doanh Thu có xu hướng tăng đáng kể là Thu từ dịch vụ, Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Thu nhập từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2021, với mức tăng lần lượt là 26,65%, 40,94% và 31,13%. Tỷ trọng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn duy trì ở mức trên 85% (cụ thể 31/12/2022 là 90,57%, tương ứng 7.117 tỷ đồng, tăng 14,48% so với năm 2021). Trong khi đó, tỷ trọng Thu nhập từ MBCK đầu tư năm 2022 là 0,18%, có sự sụt giảm so với năm 2021 (7,09%).

Cập nhật đến 30/09/2023, doanh thu riêng lẻ của Vietbank tăng trưởng tích cực, đạt gần 7.469 tỷ đồng. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng trưởng, chiếm tỷ trọng 94,64% tổng doanh thu, với giá trị đạt 7.068 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2022 tăng 27,48%.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**Bảng 6: Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		9T/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	1.486.208	65,83%	1.810.880	77,90%	1.276.083	82,39%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	94.808	4,20%	121.714	5,24%	77.808	5,02%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,39%	57.453	3,71%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,06%	61.667	2,65%	42.462	2,74%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,39%	274.699	11,82%	95.008	6,13%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.257.681</b>	<b>100%</b>	<b>2.324.570</b>	<b>100%</b>	<b>1.548.814</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Theo BCTC Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, nhìn chung tỷ trọng của mỗi hoạt động trên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Vietbank có sự biến động như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 77,90% tương ứng, tăng 17,93% so với năm 2021. Ngược lại, tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đầu tư năm 2022 (2,65%) giảm mạnh so với tỷ trọng năm 2021 (21,06%).
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Lãi thuần từ hoạt động khác năm 2022 đều tăng so với năm 2021, với mức tăng lần lượt là 22,11%, 78,84% và 31,08%.

Theo BCTC hợp nhất 9T/2023 của Vietbank, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Vietbank đạt 1.549 tỷ, giảm 12,34% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Thu nhập lãi thuần, Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và Lãi thuần từ hoạt động khác đạt giá trị lần lượt 1.276 tỷ, 78 tỷ, 57 tỷ, 42 tỷ và 95 tỷ, tương ứng giảm lần lượt 4,67%, 5,03%, 8,80%, 46,24% và 108,34% so với cùng kỳ năm ngoái.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**Bảng 7: Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		9T/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	1.486.190	65,98%	1.810.864	78,02%	1.276.039	82,62%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	89.722	3,98%	118.237	5,09%	73.442	4,76%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,40%	57.453	3,72%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,11%	61.667	2,66%	42.462	2,75%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,40%	274.700	11,84%	95.008	6,15%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.252.577</b>	<b>100%</b>	<b>2.321.078</b>	<b>100%</b>	<b>1.544.404</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Theo BCTC riêng lẻ năm 2022 đã được kiểm toán, cơ cấu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Vietbank có sự thay đổi khá tương đồng với biến động trên BCTC hợp nhất, cụ thể như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 78,02%, về giá trị đạt 1.811 tỷ đồng, tăng 17,93% so với năm 2021. Ngược lại, tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đầu tư năm 2022 (2,66%) giảm mạnh so với tỷ trọng năm 2021 (21,11%) do chịu ảnh hưởng từ những biến động lớn của nền kinh tế thế giới.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2020 tăng lần lượt 59,38% và 7,7%, tăng trưởng so với 2019 là 95,11% và 17,03%.

Theo BCTC riêng lẻ quý 3/2023 của Vietbank, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Vietbank hơn 1.544 tỷ, giảm 12,45% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Thu nhập lãi thuần, Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và Lãi thuần từ hoạt động khác đạt giá trị lần lượt 1.276 tỷ, 73 tỷ, 57 tỷ, 42 tỷ và 95 tỷ, tương ứng giảm lần lượt 4,67%, 6,78%, 8,80%, 46,24% và 108,34% so với cùng kỳ năm ngoái.

#### 10.1.2. Huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của Vietbank tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động của Vietbank đến ngày 31/12/2022 đạt 102,8 nghìn tỷ đồng, tăng 6,82% so với năm 2021. Trong năm 2022, Vietbank tập trung tăng cường huy động vốn bằng phát hành chứng chỉ tiền gửi. Điều này giúp



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Vietbank bớt phụ thuộc vào nguồn vốn từ phát hành trái phiếu và nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng.

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống của Vietbank nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2022, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng 73,95%; 19,84% và 4,98%.

Vietbank chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của Vietbank.

**Bảng 8: Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>I. Loại hình</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	0,01%	1.266.389	1,23%	9.311	0,01%
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	21.353.634	22,30%	20.384.708	19,84%	19.337.007	16,77%
Tiền gửi của khách hàng	66.755.406	69,71%	75.988.224	73,95%	85.847.982	74,45%
Phát hành GTCG	7.635.170	7,97%	5.122.170	4,98%	10.111.170	8,77%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.755.873</b>	<b>100%</b>	<b>102.761.491</b>	<b>100%</b>	<b>115.305.470</b>	<b>100%</b>
<b>II. Trong nước/Ngoài nước</b>						
Trong nước	95.691.909	99,93%	102.493.051	99,74%	115.013.955	99,75%
Ngoài nước	63.964	0,07%	268.440	0,26%	291.515	0,25%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.755.873</b>	<b>100%</b>	<b>102.761.491</b>	<b>100%</b>	<b>115.305.470</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng luôn duy trì ở mức 70%-74%, tại ngày 31/12/2022 là 73,95% tăng 12,15% so với năm 2021, tại ngày 30/09/2023 tỷ trọng đạt là 74,45%.
- Tỷ trọng Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 20%-22%, tại ngày 31/12/2022 là 19,84% giảm 4,75% so với năm 2021 và tại ngày 30/09/2023 tỷ trọng đạt là 16,77%.
- Tỷ trọng Phát hành GTCG tại thời điểm 31/12/2022 là 4,98%, và tại ngày 30/09/2023 tỷ trọng đạt là 8,77%.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Tại thời điểm 31/12/2022, Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng rất thấp là 1,23%, và tại thời điểm 30/09/2023, tỷ trọng chỉ còn 0,01%.

**Bảng 9: Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>I. Loại hình</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	0,01%	1.266.389	1,23%	9.311	0,01%
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	21.353.634	22,30%	20.384.708	19,84%	19.337.007	16,77%
Tiền gửi của khách hàng	66.757.140	69,71%	75.988.810	73,95%	85.850.827	74,45%
Phát hành GTCG	7.635.170	7,97%	5.122.170	4,98%	10.111.170	8,77%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.757.607</b>	<b>100%</b>	<b>102.762.077</b>	<b>100%</b>	<b>115.308.315</b>	<b>100%</b>
<b>II. Trong nước/Ngoài nước</b>						
Trong nước	95.693.643	99,94%	100.493.637	99,74%	115.016.800	99,75%
Ngoài nước	63.964	0,07%	268.440	0,26%	291.515	0,25%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.757.607</b>	<b>100%</b>	<b>102.762.077</b>	<b>100%</b>	<b>115.308.315</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng luôn duy trì ở mức 70%-74%, tại ngày 31/12/2022 là 73,95% tăng 12,15% so với năm 2021, tại ngày 30/09/2023 tỷ trọng đạt là 74,45%.
- Tỷ trọng Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 20%-22%, tại ngày 31/12/2022 là 19,84% giảm 4,75% so với năm 2021 và tại ngày 30/09/2023 tỷ trọng đạt là 16,77%.
- Tỷ trọng Phát hành GTCG tại thời điểm 31/12/2022 là 4,98%, và tại ngày 30/09/2023 tỷ trọng đạt là 8,77%.
- Tại thời điểm 31/12/2022, Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng rất thấp là 1,23%, và tại thời điểm 30/09/2023, tỷ trọng chỉ còn 0,01%.

*[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]*



Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Phân theo khách hàng</b>							
1	Tổ chức kinh tế	8.405.561	12,59%	12.138.579	15,97%	9.115.264	10,62%
	Cá nhân	58.349.845	87,41%	63.849.645	84,03%	76.732.718	89,38%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>66.755.406</b>	<b>100%</b>	<b>75.988.224</b>	<b>100%</b>	<b>85.847.982</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo kỳ hạn</b>							
2	Tiền gửi không kỳ hạn	3.091.184	4,63%	5.181.225	6,82%	5.675.873	6,61%
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.602.517	11,39%	9.421.655	12,40%	8.029.943	9,35%
	Tiền gửi tiết kiệm	55.930.474	83,78%	61.273.532	80,64%	72.044.716	83,92%
	Tiền gửi kỳ quỹ	107.062	0,16%	95.490	0,13%	95.838	0,11%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	24.169	0,04%	16.322	0,02%	1.612	0,00%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>66.755.406</b>	<b>100%</b>	<b>75.988.224</b>	<b>100%</b>	<b>85.847.982</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo loại tiền</b>							
3	VND	66.445.545	99,54%	75.175.946	98,93%	85.269.139	99,33%
	Ngoại tệ	309.861	0,46%	812.278	1,07%	578.843	0,67%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>66.755.406</b>	<b>100%</b>	<b>75.988.224</b>	<b>100%</b>	<b>85.847.982</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank

Về kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2022, tiền gửi tiết kiệm của khách hàng đạt 61,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,72% so với thời điểm 31/12/2021.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của Vietbank. Tại 31/12/2022, tổng tiền gửi nội tệ là 75,2 nghìn tỷ đồng, tương ứng 98,93% tổng tiền gửi khách hàng.

Cập nhật đến tháng 9/2023, tiền gửi của khách hàng đạt 85.848 tỷ đồng, tăng 11,49% so với cuối năm 2022 và tăng 18,30% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tiền gửi bằng VND vẫn chiếm tỷ trọng cao, đạt 99,33% tổng tiền gửi, củng cố sự ổn định về nguồn vốn của Vietbank. Nếu phân theo kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của khách hàng chiếm tỷ trọng cao nhất (83,92%) và đạt 72.045 tỷ đồng. Đối với giá trị tiền gửi không kỳ hạn đạt giá trị 5.676 tỷ đồng, tăng 8,71% so với năm 2022, chiếm tỷ trọng 6,61%.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Trong khi đó, giá trị tiền gửi có kỳ hạn đạt 8.030 tỷ đồng, giảm 17,33% so với năm 2022 và chiếm tỷ trọng là 9,35%.

**Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Phân theo khách hàng</b>							
1	Tổ chức kinh tế	8.407.295	12,59%	12.139.165	15,97%	9.118.109	10,62%
	Cá nhân	58.349.845	87,41%	63.849.645	84,03%	76.732.718	89,38%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>66.757.140</b>	<b>100%</b>	<b>75.988.810</b>	<b>100%</b>	<b>85.850.827</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo kỳ hạn</b>							
2	Tiền gửi không kỳ hạn	3.092.918	4,63%	5.181.811	6,82%	5.678.718	6,61%
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.602.517	11,39%	9.421.655	12,40%	8.029.943	9,35%
	Tiền gửi tiết kiệm	55.930.474	83,78%	61.273.532	80,63%	72.044.716	83,92%
	Tiền gửi kỳ quỹ	107.062	0,16%	95.490	0,13%	95.838	0,11%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	24.169	0,04%	16.322	0,02%	1.612	0,00%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>66.757.140</b>	<b>100%</b>	<b>75.988.810</b>	<b>100%</b>	<b>85.850.827</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo loại tiền</b>							
3	VND	66.447.279	99,54%	75.176.532	98,93%	85.271.984	99,33%
	Ngoại tệ	309.861	0,46%	812.278	1,07%	578.843	0,67%
<b>Tổng tiền gửi khách hàng</b>		<b>66.757.140</b>	<b>100%</b>	<b>75.988.810</b>	<b>100%</b>	<b>85.850.827</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2022, tiền gửi tiết kiệm của khách đạt 61,3 nghìn tỷ đồng, tương ứng mức tăng 8,72% so với thời điểm 31/12/2021.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của Vietbank. Tại 31/12/2022, tổng tiền gửi nội tệ là 75,2 nghìn tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 11,61% so với thời điểm 31/12/2021.

Cập nhật đến tháng 9/2023, tiền gửi của khách hàng đạt 85.851 tỷ đồng, tăng 11,49% so với cuối năm 2022 và tăng 18,30% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tiền gửi bằng VND vẫn chiếm tỷ trọng



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

cao, đạt 99,33% tổng tiền gửi, củng cố sự ổn định về nguồn vốn của Vietbank. Nếu phân theo kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của khách hàng chiếm tỷ trọng cao nhất (83,92%) và đạt 72.045 tỷ đồng. Đối với giá trị tiền gửi không kỳ hạn đạt giá trị 5.679 tỷ đồng, tăng 8,75% so với năm 2022, chiếm tỷ trọng 6,61%. Trong khi đó, giá trị tiền gửi có kỳ hạn đạt 8.030 tỷ đồng, giảm 17,33% so với năm 2022 và chiếm tỷ trọng là 9,35%.

**10.1.3. Hoạt động tín dụng**
**➤ Tổng dư nợ cho vay**

Vietbank cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được Vietbank kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của Vietbank có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 63,6 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 20,59% so với năm 2021.

**Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.805.562	43,15%	32.096.231	50,44%	42.342.965	59,44%
Nợ trung hạn	11.673.335	23,10%	9.280.998	14,59%	11.762.010	16,51%
Nợ dài hạn	17.051.259	33,74%	22.255.737	34,98%	17.136.498	24,05%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.805.562	43,15%	32.096.231	50,44%	42.342.965	59,44%
Nợ trung hạn	11.673.335	23,10%	9.280.998	14,59%	11.762.010	16,51%
Nợ dài hạn	17.051.259	33,74%	22.255.737	34,98%	17.136.498	24,05%
<b>Tổng dư nợ cho vay</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay của Vietbank tại các kỳ hạn trong 2 năm gần đây nhìn chung tương đối đồng đều khi các khoản vay trung và dài hạn đều chiếm khoảng 50% tổng dư nợ.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Tính đến ngày 31/12/2022, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của Vietbank chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 50,44%, 14,59% và 34,98%.

Tại ngày 30/09/2023, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của Vietbank chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 59,44%, 16,51% và 24,05%. Danh mục dư nợ của Vietbank tập trung chủ yếu ở các khoản cho vay kỳ hạn ngắn (chiếm hơn 50%) đảm bảo cho ngân hàng có thể sử dụng vốn linh hoạt, giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình sử dụng vốn dài hạn, đáp ứng tỷ lệ an toàn của ngân hàng nhà nước.

**Bảng 14: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	21.715.931	42,98%	29.307.435	46,06%	35.172.633	49,37%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.910.343	21,59%	13.105.257	20,60%	13.212.681	18,55%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.337.407	10,56%	5.639.993	8,86%	6.546.564	9,19%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.072.484	8,06%	3.885.496	6,11%	2.996.187	4,21%
Xây dựng	3.215.480	6,36%	2.675.746	4,20%	3.004.057	4,22%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.483.739	2,94%	2.498.980	3,93%	1.528.979	2,15%
Các ngành nghề khác	3.794.772	7,51%	6.520.059	10,25%	8.780.372	12,32%
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	21.715.931	42,98%	29.307.435	46,06%	35.172.633	49,37%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.910.343	21,59%	13.105.257	20,60%	13.212.681	18,55%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.337.407	10,56%	5.639.993	8,86%	6.546.564	9,19%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.072.484	8,06%	3.885.496	6,11%	2.996.187	4,21%
Xây dựng	3.215.480	6,36%	2.675.746	4,20%	3.004.057	4,22%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.483.739	2,94%	2.498.980	3,93%	1.528.979	2,15%
Các ngành nghề khác	3.794.772	7,51%	6.520.059	10,25%	8.780.372	12,32%
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Phân theo ngành kinh tế, các khoản cho vay hoạt động phục vụ hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của Vietbank. Điều này cho thấy Vietbank vẫn đang ưu tiên nguồn vốn cho vay mảng cá nhân và dịch vụ hộ gia đình.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của Vietbank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

❖ **Đối với nhóm khách hàng cá nhân:** Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, Vietbank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho Vietbank. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: Vietbank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
- Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD,...
- ❖ **Đối với Khách hàng Doanh nghiệp:** Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, Vietbank không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:
- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
  - Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
  - Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu,... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
    - Bảo lãnh dự thầu.
    - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
    - Bảo lãnh thanh toán.
    - Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
    - Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
    - Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.

**Bảng 16: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Stt	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I	<b>Phân theo khách hàng</b>						
1	Tổ chức kinh tế	28.815.225	57,03%	34.325.531	53,94%	36.068.840	50,63%
	Công ty TNHH	15.563.028	30,80%	20.236.627	31,80%	20.610.162	28,93%
	Công ty cổ phần	11.219.265	22,20%	12.309.588	19,34%	14.176.361	19,90%
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.471.023	2,91%	1.360.424	2,14%	921.411	1,29%



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Stt	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	435.858	0,86%	329.161	0,52%	229.920	0,32%
	Doanh nghiệp tư nhân	21.500	0,04%	-	0,00%	0	0,00%
	Tổ chức kinh tế khác	104.551	0,21%	89.731	0,14%	130.986	0,18%
2	<b>Cá nhân</b>	<b>21.714.931</b>	<b>42,97%</b>	<b>29.307.435</b>	<b>46,06%</b>	<b>35.172.633</b>	<b>49,37%</b>
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	21.714.931	42,97%	29.307.435	46,06%	35.172.633	49,37%
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>		<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>
II	<b>Phân theo loại tiền</b>						
1	VND	48.525.084	96,03%	61.587.195	96,79%	70.036.330	98,31%
2	Ngoại tệ	2.005.072	3,97%	2.045.771	3,21%	1.205.143	1,69%
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>		<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Stt	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I	<b>Phân theo khách hàng</b>						
1	<b>Tổ chức kinh tế</b>	<b>28.815.225</b>	<b>57,03%</b>	<b>34.325.531</b>	<b>53,94%</b>	<b>36.068.840</b>	<b>50,63%</b>
	Công ty TNHH	15.563.028	30,80%	20.236.627	31,80%	20.610.162	28,93%
	Công ty cổ phần	11.219.265	22,20%	12.309.588	19,34%	14.176.361	19,90%
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.471.023	2,91%	1.360.424	2,14%	921.411	1,29%
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	435.858	0,86%	329.161	0,52%	229.920	0,32%
	Doanh nghiệp tư nhân	21.500	0,04%	-	0,00%	0	0,00%
	Tổ chức kinh tế khác	104.551	0,21%	89.731	0,14%	130.986	0,18%



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Stt	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
2	Cá nhân	21.714.931	42,97%	29.307.435	46,06%	35.172.633	49,37%
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	21.714.931	42,97%	29.307.435	46,06%	35.172.633	49,37%
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>		<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>
II	<b>Phân theo loại tiền</b>						
1	VND	48.525.084	96,03%	61.587.195	96,79%	70.036.330	98,31%
2	Ngoại tệ	2.005.072	3,97%	2.045.771	3,21%	1.205.143	1,69%
<b>Tổng cho vay khách hàng</b>		<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank

**➤ Chất lượng nợ tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**
**Bảng 18: Chất lượng nợ tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi) (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	47.541.836	94,09%	59.512.330	93,52%	67.001.188	94,05%
Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	1.143.269	2,26%	1.796.347	2,82%	1.349.499	1,89%
Nợ dưới tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	331.042	0,66%	182.284	0,29%	443.080	0,62%
Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	592.140	1,17%	327.442	0,51%	539.842	0,76%
Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	921.869	1,82%	1.814.563	2,85%	1.907.864	2,68%
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>
Tổng dư nợ theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN	81.823.230		93.923.766		105.628.214	
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ theo thông tư 11/2021/TT-NHNN	2.25%		2,47%		2,74%	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, BCTC hợp nhất soát Quý 3 năm 2023 của Vietbank và số liệu do Vietbank cung cấp



**Bảng 19: Chất lượng nợ tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi) (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ đủ tiêu chuẩn (Nợ nhóm 1)	47.541.836	94,09%	59.512.330	93,52%	67.001.188	94,05%
Nợ cần chú ý (Nợ nhóm 2)	1.143.269	2,26%	1.796.347	2,82%	1.349.499	1,89%
Nợ dười tiêu chuẩn (Nợ nhóm 3)	331.042	0,66%	182.284	0,29%	443.080	0,62%
Nợ nghi ngờ (Nợ nhóm 4)	592.140	1,17%	327.442	0,51%	539.842	0,76%
Nợ có khả năng mất vốn (Nợ nhóm 5)	921.869	1,82%	1.814.563	2,85%	1.907.864	2,68%
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.530.156</b>	<b>100%</b>	<b>63.632.966</b>	<b>100%</b>	<b>71.241.473</b>	<b>100%</b>
Tổng dư nợ theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN	81.823.230		93.923.766		105.628.214	
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ theo thông tư 11/2021/TT-NHNN	2.25%		2,47%		2,74%	

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank và số liệu do Vietbank cung cấp*

Vietbank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 11 của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 "Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"

- Tính đến 31/12/2022, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của Vietbank (nợ nhóm 5) được kiểm soát tại mức 2,85% trên tổng dư nợ cho vay (tổng nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5) Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 625,9 tỷ đồng.
- Tính đến 30/09/2023, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của Vietbank (nợ nhóm 5) xấp xỉ 2,68% trên tổng dư nợ cho vay (tổng nợ từ nhóm 1 đến nhóm 5), giảm nhẹ so với mức 2,85% tại ngày 31/12/2022, dự phòng tại thời điểm này là 751,3 tỷ đồng.

Vietbank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng; thực hiện các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng dụng xử lý tín dụng, chất lượng nợ.

#### ⚡ Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Rủi ro lãi suất được Vietbank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro,



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Vietbank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động thị trường.

**❖ Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

**Bảng 20: Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Dự phòng cụ thể	545.629	162.291	231.284
Dự phòng chung	372.063	463.638	520.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>917.692</b>	<b>625.929</b>	<b>751.285</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 21: Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Dự phòng cụ thể	545.629	162.291	231.284
Dự phòng chung	372.063	463.638	520.001
<b>Tổng cộng</b>	<b>917.692</b>	<b>625.929</b>	<b>751.285</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Vietbank luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.

**✚ Tỷ lệ an toàn vốn**
**Bảng 22: Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tỷ lệ an toàn vốn*	10,05%	10,24%	10,72%

*Nguồn: Vietbank*

*[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]*



**Bảng 23: Tỷ lệ an toàn vốn (Riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tỷ lệ an toàn vốn*	10,05%	10,24%	10,72%

Nguồn: Vietbank

(\*) Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của Vietbank được tính toán theo thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN và luôn tuân thủ theo quy định của NHNN (trên 8%).

**10.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán**
**Bảng 24: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	9T/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	198.804	115.233
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(105.639)	(143.194)	(57.780)
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>11.767</b>	<b>55.610</b>	<b>57.453</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	49.065	68.595	106.992
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(8.289)	(12.955)	(57.667)
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>40.776</b>	<b>55.640</b>	<b>49.325</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank

**Bảng 25: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	9T/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	198.804	115.233
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(105.639)	(143.194)	(57.780)
<b>Lãi thuần kinh doanh ngoại hối</b>	<b>11.767</b>	<b>55.610</b>	<b>57.453</b>
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	49.065	68.595	106.992
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(8.289)	(12.955)	(57.667)
<b>Lãi thuần từ hoạt động thanh toán</b>	<b>40.776</b>	<b>55.640</b>	<b>49.325</b>

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của Vietbank đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### ❖ Hoạt động kinh doanh ngoại hối:

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Vietbank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- Giao dịch ngoại tệ giao ngay:  
Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc: Mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:  
Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:  
Hỗ trợ khách hàng trong việc: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2022 của Vietbank đạt 55,61 tỷ đồng, tăng mạnh 372,6% so với năm 2021 nhờ vào tập trung trọng tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc. Tại 30/09/2023, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của Vietbank đạt 57,453 tỷ đồng.

### ❖ Hoạt động thanh toán:

Vietbank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của Vietbank (Internet banking, Mobile banking, ...).

Vietbank luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

#### Sản phẩm Tài trợ thương mại:

- Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.

- Tài trợ nhập khẩu: Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hoá nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Chiết khấu Hồi phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho doanh nghiệp sau khi giao hàng trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu. Hình thức tài trợ: mua có truy đòi hồi phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu trước khi đến hạn thanh toán.
- UPAS L/C: L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

**Sản phẩm Thanh toán quốc tế:**

- Sản phẩm mang ngoại tệ/chuyển tiền vãng lai một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài dành cho KHCN: quy định về chứng từ, hạn mức mua/mang/chuyển ngoại tệ dành cho khách hàng cá nhân khi thực hiện giao dịch tại Vietbank
- Sản phẩm chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài dành cho tổ chức: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài của tổ chức liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ
- Sản phẩm chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến giao dịch vốn: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển vốn, lợi nhuận, nguồn thu hợp pháp từ các giao dịch vốn, trả nợ gốc, lãi & cho vay ra nước ngoài của khách hàng cá nhân & tổ chức
- Sản phẩm liên kết chuyển tiền vãng lai: tạo công cụ bán hàng giữa Vietbank & các tổ chức cung ứng các sản phẩm liên quan đến giao dịch vãng lai nhằm tăng cường bán chéo/bán trọn gói sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng cá nhân
- Sản phẩm chuyển tiền mua bán, thuê mua căn hộ dự án Vietbank tài trợ: cung cấp dịch vụ bảo có nước ngoài (nhận tiền đặt cọc quyền mua/thuê mua căn hộ, tiền mua/thuê mua căn hộ (thuộc dự án được Vietbank tài trợ) của cá nhân nước ngoài cho chủ đầu tư & chuyển tiền ra nước ngoài (hoàn trả tiền đặt cọc, tiền chuyển nhượng căn hộ & các khoản tiền khác liên quan đến việc mua bán /thuê mua căn hộ (thuộc dự án được Vietbank tài trợ) của cá nhân nước ngoài
- Sản phẩm chuyển tiền dịch vụ hàng hải: đáp ứng nhu cầu chuyển tiền ra nước ngoài để thanh toán các chi phí liên quan đến dịch vụ hàng hải dành cho khách hàng tổ chức hoạt động trong lĩnh vực hàng hải.

Năm 2022, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 55,64 tỷ đồng, tăng 36,45% so với năm 2021. Tính đến ngày 30/09/2023, Lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 49,325 tỷ đồng.

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Vietbank nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cải tiến, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, nâng cấp và cải tiến hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

### 10.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Vietbank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 30/09/2023, Vietbank có quan hệ đại lý với 196 ngân hàng ở 38 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, Vietbank tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của Vietbank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

### 10.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

#### ❖ Hoạt động đầu tư tài chính

Các dịch vụ đầu tư tăng trưởng tốt, tập trung phát triển về số lượng và chất lượng nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cao cho Vietbank và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng. Các hoạt động đầu tư tại Vietbank bao gồm: trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá do các TCTD khác phát hành, trái phiếu Doanh nghiệp.

**Bảng 26: Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
<b>Tổng đầu tư chứng khoán</b>	<b>29.191.604</b>	<b>100%</b>	<b>23.480.203</b>	<b>99,99%</b>	<b>19.959.458</b>	<b>99,99%</b>
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	10.941.516	37,48%	9.864.740	42,01%	12.606.626	63,16%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	4.551.734	15,59%	4.802.630	20,45%	3.351.676	16,79%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	6.148.224	21,06%	3.907.660	16,64%	-	0,00%



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	7.550.130	25,86%	4.905.173	20,89%	4.001.156	20,05%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.400	0,00%	1.400	0,01%	1.400	0,01%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,00%	1.400	0,01%	1.400	0,01%
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.193.004</b>	<b>100%</b>	<b>23.481.603</b>	<b>100%</b>	<b>19.960.858</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 27: Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng đầu tư chứng khoán	29.191.604	99,98%	23.480.203	99,97%	19.959.458	99,97%
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	10.941.516	37,47%	9.864.740	42,00%	12.606.626	63,14%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	4.551.734	15,59%	4.802.630	20,45%	3.351.676	16,79%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	6.148.224	21,06%	3.907.660	16,64%	-	0,00%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	7.550.130	25,86%	4.905.173	20,88%	4.001.156	20,04%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	6.400	0,02%	6.400	0,03%	6.400	0,03%
Đầu tư vào Công ty con	5.000	0,02%	5.000	0,02%	5.000	0,03%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,00%	1.400	0,01%	1.400	0,01%
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.198.004</b>	<b>100%</b>	<b>23.486.603</b>	<b>100%</b>	<b>19.965.858</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Quy mô hoạt động đầu tư của Vietbank trong năm 2022 đạt 23,48 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 21,10% tổng tài sản, giảm hơn 5,7 nghìn tỷ đồng so với số dư cuối năm 2021. Năm 2022, quy mô hoạt động đầu tư chứng khoán đạt hơn 23,48 nghìn tỷ đồng chiếm 99,97% tổng đầu tư tài chính. Danh mục đầu tư liên

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

tục được điều chỉnh theo hướng tối đa khả năng sinh lời, nhưng vẫn đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống và tuân thủ theo quy định của NHNN.

Trong 9 tháng năm 2023, quy mô hoạt động đầu tư của Vietbank đạt 19,96 nghìn tỷ đồng, bao gồm tổng đầu tư chứng khoán chiếm tỷ trọng lớn 99,99% và 0,01% giá trị khoản góp vốn và đầu tư dài hạn.

### 10.2. Tài sản

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



Bảng 28: Chi tiết tài sản cố định (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 30/09/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.012.332</b>	<b>556.195</b>	<b>1.138.986</b>	<b>622.994</b>	<b>1.120.054</b>	<b>582.917</b>
<b>1</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>631.384</b>	<b>407.923</b>	<b>676.260</b>	<b>428.856</b>	<b>655.160</b>	<b>411.595</b>
	Nhà 70-72 Bà Triệu, Hà Nội	363.441	297.893	363.441	290.628	363.441	285.179
	Nhà 47 Trần Hưng Đạo, Sóc Trăng	25.887	20.965	25.887	20.440	25.887	20.047
	Nhà 26-28 Hòa Bình, Cần Thơ	25.418	22.343	25.418	21.835	25.418	21.453
	Nhà cửa, vật kiến trúc khác	216.638	66.722	261.514	95.953	240.414	84.916
<b>2</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>187.984</b>	<b>107.132</b>	<b>263.280</b>	<b>155.470</b>	<b>266.599</b>	<b>137.137</b>
	Phần cứng Corebanking	43.824	31.270	43.824	25.792	43.824	21.684
	Hệ thống mạng WAN, Coreswitching, tường lửa Corebanking	17.967	12.820	17.967	10.574	17.967	8.890
	Phần cứng Core thẻ	12.974	7.455	12.974	5.833	12.974	4.617
	Máy chủ Intel Synergy 12000	10.010	8.493	10.010	7.242	10.010	6.303
	Hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ	8.962	4.885	8.962	3.764	8.962	2.924
	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	94.247	42.209	169.543	102.265	172.862	92.719
<b>3</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>160.518</b>	<b>35.628</b>	<b>166.694</b>	<b>32.970</b>	<b>166.210</b>	<b>29.409</b>
<b>4</b>	<b>Tài sản khác</b>	<b>32.446</b>	<b>5.512</b>	<b>32.752</b>	<b>5.698</b>	<b>32.085</b>	<b>4.776</b>

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 30/09/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>II</b>	<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>375.874</b>	<b>256.994</b>	<b>385.228</b>	<b>230.177</b>	<b>386.629</b>	<b>204.261</b>
<b>1</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>50.246</b>	<b>50.246</b>	<b>59.600</b>	<b>59.600</b>	<b>59.600</b>	<b>59.600</b>
	QSDĐ Nhà 70-72 Bà Triệu, Hà Nội	24.509	24.509	24.509	24.509	24.509	24.509
	QSDĐ Nhà 26-28 Hòa Bình, Cần Thơ	16.469	16.469	16.469	16.469	16.470	16.470
	QSDĐ Nhà 47 Trần Hưng Đạo	9.268	9.268	9.268	20.440	9.268	9.268
	QSDĐ Nhà 109-111 Lê Đại Hành	0	0	6.737	6.737	6.737	6.737
	QSDĐ Nhà 11B Hùng Vương	0	0	1.921	1.921	1.921	1.921
	QSDĐ Nhà 35 Núi Thành	0	0	696	696	696	696
<b>2</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>326.628</b>	<b>206.748</b>	<b>325.628</b>	<b>170.577</b>	<b>327.029</b>	<b>144.661</b>
	Bản quyền Corebanking	204.362	147.214	208.253	123.219	208.253	103.825
	Bản quyền phần mềm TCBS	35.100	4.654	35.100	3.491	35.100	2.618
	Phần mềm Corebanking	16.587	11.836	16.587	9.762	16.587	8.207
	Phần mềm tích hợp ESB	13.049	9.998	13.049	8.366	13.049	7.143
	Phần mềm máy vi tính khác	57.530	33.046	52.639	25.739	54.040	22.868
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.388.206</b>	<b>813.189</b>	<b>1.524.214</b>	<b>853.171</b>	<b>1.506.683</b>	<b>787.178</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3/2023 và thông tin do Vietbank cung cấp

[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]



Bảng 29: Chi tiết tài sản cố định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 30/09/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	1.012.332	556.195	1.138.986	622.994	1.120.054	582.917
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923	676.260	428.856	655.160	411.595
	Nhà 70-72 Bà Triệu, Hà Nội	363.441	297.893	363.441	290.628	363.441	285.179
	Nhà 47 Trần Hưng Đạo, Sóc Trăng	25.887	20.965	25.887	20.440	25.887	20.047
	Nhà 26-28 Hòa Bình, Cần Thơ	25.418	22.343	25.418	21.835	25.418	21.453
	Nhà cửa, vật kiến trúc khác	216.638	66.722	261.514	95.953	240.414	84.916
2	Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.984	107.132	263.280	155.470	266.599	137.137
	Phần cứng Corebanking	43.824	31.270	43.824	25.792	43.824	21.684
	Hệ thống mạng WAN, Coreswitching, tường lửa Corebanking	17.967	12.820	17.967	10.574	17.967	8.890
	Phần cứng Core thẻ	12.974	7.455	12.974	5.833	12.974	4.617
	Máy chủ Intel Synergy 12000	10.010	8.493	10.010	7.242	10.010	6.303
	Hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ	8.962	4.885	8.962	3.764	8.962	2.924
	Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	94.247	42.209	169.543	102.265	172.862	92.719
3	Phương tiện vận tải	160.518	35.628	166.694	32.970	166.210	29.409
4	Tài sản khác	32.446	5.512	32.752	5.698	32.085	4.776

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 30/09/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
II	TSCĐ vô hình	375.874	256.994	385.228	230.177	386.629	204.261
1	Quyền sử dụng đất	50.246	50.246	59.600	59.600	59.600	59.600
	QSDĐ Nhà 70-72 Bà Triệu, Hà Nội	24.509	24.509	24.509	24.509	24.509	24.509
	QSDĐ Nhà 26-28 Hòa Bình, Cần Thơ	16.469	16.469	16.469	16.469	16.470	16.470
	QSDĐ Nhà 47 Trần Hưng Đạo	9.268	9.268	9.268	20.440	9.268	9.268
	QSDĐ Nhà 109-111 Lê Đại Hành	0	0	6.737	6.737	6.737	6.737
	QSDĐ Nhà 11B Hùng Vương	0	0	1.921	1.921	1.921	1.921
	QSDĐ Nhà 35 Núi Thành	0	0	696	696	696	696
2	Phần mềm máy vi tính	326.628	206.748	325.628	170.577	327.029	144.661
	Bản quyền Corebanking	204.362	147.214	208.253	123.219	208.253	103.825
	Bản quyền phần mềm TCBS	35.100	4.654	35.100	3.491	35.100	2.618
	Phần mềm Corebanking	16.587	11.836	16.587	9.762	16.587	8.207
	Phần mềm tích hợp ESB	13.049	9.998	13.049	8.366	13.049	7.143
	Phần mềm máy vi tính khác	57.530	33.046	52.639	25.739	54.040	22.868
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.388.206</b>	<b>813.189</b>	<b>1.524.214</b>	<b>853.171</b>	<b>1.506.683</b>	<b>787.178</b>

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3/2023 và thông tin do Vietbank cung cấp

[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]



### 10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

#### 10.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và công ty con.

Ngân hàng và công ty con thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

- UBQLRR chịu trách nhiệm:
  - Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng và công ty con;
  - Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;
  - Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
  - Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
  - UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 6 tháng phải họp một lần.
- ❖ **Quản lý rủi ro tín dụng**
- Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh.
  - Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng và công ty con đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống phân loại nợ, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này được thiết lập phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
  - Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng.
- ❖ **Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng**
- Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh do sự chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.
  - Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Ngân hàng và công ty con tiến hành phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế.
  - Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.
  - Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:
    - ✓ Tiền mặt; Góp vốn, đầu tư dài hạn; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định, các khoản phải thu và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
    - ✓ Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng.
    - ✓ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán.
    - ✓ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Các khoản phải thu từ bán nợ; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
      - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.



- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính hoặc thời gian đáo hạn còn lại của các khoản mục, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

❖ **Quản lý rủi ro tiền tệ**

- Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.
- Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của Ngân hàng và công ty con lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập

❖ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải chịu chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, dự trữ một lượng tài sản có tính thanh khoản cao hợp lý, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt. Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt, tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Rủi ro thanh khoản được quản lý thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro; Tiền gửi tại NHNN; Các khoản tiền gửi, cho vay TCTD khác và các loại Giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.
- Thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- ✓ Tiền mặt, Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
  - ✓ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
  - ✓ Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
  - ✓ Thời gian đến hạn của góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
  - ✓ Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Tiền gửi của khách hàng; Phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
  - ✓ Thời gian đến hạn của tài sản cố định và tài sản Có khác được xác định dựa vào thời gian thu hồi ước tính của các tài sản.
- ❖ **Quản lý cam kết ngoại bảng**
- Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).
  - Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp Vietbank phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã cam kết.
  - Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, Vietbank đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.
  - Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yếu tố sau:
    - ✓ Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với Vietbank trong nhiều lĩnh vực hoạt động;
    - ✓ Phương án kinh doanh khả thi;
    - ✓ Tỷ lệ ký quỹ an toàn;
    - ✓ Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường;
    - ✓ Vay thanh toán L/C có tài sản bảo đảm.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.
- ❖ **Quản lý rủi ro luật pháp**
  - Cụ thể, NHNN đã ban hành Thông tư mới số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 về việc quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 01"), thay thế cho Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Thông tư 01 đã quy định một cách rõ ràng hơn các quy định về phát hành giấy tờ có giá trong nước của các tổ chức tín dụng, cũng như xoá bỏ đi một số hạn chế của các văn bản trước đó, nhằm mục tiêu phát triển thị trường giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng nói riêng cũng như thị trường trái phiếu, thị trường giấy tờ có giá ở Việt Nam nói chung.
  - Bên cạnh đó, không có yêu cầu cụ thể nào về lãi suất của các Trái Phiếu. Thông tư 01 quy định rằng, lãi suất Trái Phiếu được xác định bởi Tổ Chức Phát Hành và phải "phù hợp với thị trường và các quy định liên quan về lãi suất được công bố bởi NHNN trong từng thời kỳ". Trong thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải điều chỉnh lãi suất cho phù hợp với mức lãi suất được quy định bởi NHNN trong từng thời kỳ. Tại thời điểm này, NHNN không quy định các hạn chế về lãi suất của các giấy tờ có giá dài hạn do các tổ chức tín dụng phát hành theo Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 03 năm 2014 quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND của các đơn vị, cá nhân tại tổ chức tín dụng có hiệu lực từ ngày 18 tháng 03 năm 2014 và Quyết định số 2173/QĐ-NHNN về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014.
  - Trong thời gian cuối năm 2020 và đầu năm 2021, Chính phủ và Bộ Tài chính cũng đã ban hành một số các Nghị Định mới về hướng dẫn chi tiết Luật chứng khoán 2019 ("Hiệu lực ngày 01/01/2021), trong đó có liên quan đến thị trường Trái phiếu doanh nghiệp. Trong đó,



liên quan đến chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước, Chính phủ đã ban hành Nghị định 153/2020/NĐ-CP ("Nghị định 153") ngày 31/12/2020. Nghị định 153 đã giới hạn lại đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không chuyển đổi không kèm chứng quyền chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Văn bản cũng giới hạn việc chỉ cho phép giao dịch trái phiếu giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp sẽ tạo ra rào cản đối với các đối tượng có nhu cầu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và theo đó tạo ra động lực cho quá trình "chuyên nghiệp hóa" và chọn lọc đối tượng nhà đầu tư trên thị trường. Đây tiếp tục được xem là biện pháp nhất quán của nhà lập pháp nhằm thiết lập sự phát triển bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

- Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

#### ❖ **Quản lý rủi ro hoạt động**

- Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Vietbank (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.
- Ngày 30/01/2019, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Định kỳ hằng năm, Vietbank tổ chức rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro, và có điều chỉnh Chính sách phù hợp với thực tế của Vietbank.
- Vietbank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đơn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: Vietbank tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
  - ✓ Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
  - ✓ Sử dụng kết quả của KTNB, kết giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời Vietbank cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
  - ✓ Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, Vietbank có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
  - ✓ Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại Vietbank đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm: Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ..., Vietbank đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe Ôtô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).
  - Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:
    - ✓ Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, Vietbank đã ban quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.
    - ✓ Năm 2020, để ứng phó với tình hình dịch bệnh Covid-19, Vietbank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng dịch bệnh Covid-19 – trong đó chủ tịch HĐQT làm Chủ tịch Ban chỉ đạo. Năm 2022, căn cứ vào tình hình dịch bệnh thực tế phát sinh, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn, liên tục, Vietbank đã rà soát, điều chỉnh và thay thế kịch bản ứng phó khủng hoảng dịch bệnh Covid 19 thành Phương án ứng phó khi Ngân hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Đồng thời, Vietbank cũng thường xuyên nắm bắt tình hình biến động/ ảnh hưởng của dịch bệnh, để trình Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng và có biện pháp ứng phó, xử lý kịp thời, phù hợp tình hình thực tiễn trong từng thời kỳ.
  - Tính vốn cho rủi ro hoạt động: Vietbank tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- ❖ **Quản lý rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB)**
- Vietbank đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả quy định của pháp luật, NHNN, đạo luật FATCA, về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.
  - Vietbank xây dựng mô hình PCRT/TTKB theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng TTKD với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT đại diện Ban Điều hành. Quy định nội bộ về PCRT/TTKB luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là "kim chỉ nam" cho toàn thể CBNV tuân thủ theo. Nắm bắt được xu hướng thời đại công nghệ số, bên cạnh việc không ngừng xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, gia tăng tiện ích hơn đến khách hàng, Vietbank cũng không ngừng cải tiến nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro an ninh mạng, bảo mật thông tin đặc biệt là rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hệ thống rà soát và định danh thông tin khách hàng/ giao dịch được phát triển theo hướng tự động hóa hoàn toàn với nguồn danh sách cảnh báo, hạn chế giao dịch toàn diện World-Check List được liên tục cập nhật từ đối tác Refinitiv – sở hữu nền tảng từ một trong



những nhà cung cấp lớn nhất thế giới về dữ liệu và cơ sở hạ tầng của thị trường tài chính Thomson Reuters. Hệ thống giám sát và báo cáo giao dịch không ngừng được cải thiện, tối ưu. Việc đào tạo nghiệp vụ PCRT/TTKB được nghiêm túc triển khai hàng năm từ nền tảng trực tuyến cho đến đào tạo tại chỗ trên toàn hệ thống nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất đi kèm các tình huống minh họa thực tiễn giúp nâng cao nhận thức, hiểu biết và tinh tự giác tuân thủ của CBNV.

❖ **Quản lý rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ**

- Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, Vietbank đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn mực này dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của Vietbank. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của Vietbank và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.
- Vietbank xây dựng và ban hành Nội quy lao động, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp công khai trên toàn hệ thống
- Vietbank ban hành bộ tiêu chí rủi ro trong tác nghiệp, có ghi nhận đánh giá rủi ro cho CBNV để áp dụng trong trường hợp điều chuyển, tái bổ nhiệm, hoặc tăng tiến trong công việc.

❖ **Quản lý rủi ro hệ thống CNTT**

Vietbank đã phối hợp với Finastra để xây dựng hệ thống Core banking và các hệ thống ngân hàng chuyên dụng khác (hay còn gọi The Transformer – Vietbank Prime) hoàn toàn mới với đầy đủ các chức năng. Finastra là Công ty hàng đầu thế giới về công nghệ đã triển khai thành công các dự án Core cho rất nhiều ngân hàng lớn trên thế giới. Ngày 16/09/2019, Vietbank công bố chính thức vận hành hệ thống Core banking và các hệ thống hiện đại như thanh toán quốc tế, nguồn vốn. Vietbank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn hệ thống và đồng thời triển khai nhiều giải pháp kiểm soát rủi ro như sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng;
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Cục CNTT hay các đối tác tổ chức;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên toàn thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi theo khuyến nghị của các nhà cung cấp giải pháp phần cứng và phần mềm;



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật trong hệ thống CNTT Vietbank để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật riêng lẻ nhằm phát hiện sớm nguy cơ để ngăn chặn kịp thời;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống chính tại trung tâm dữ liệu chính sang hệ thống dự phòng tại trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi có thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn chương trình an ninh khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT; hàng năm gia hạn các chứng chỉ về chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán (PCIDSS) cho hệ thống thẻ;
- Cung cấp cho khách hàng các giải pháp xác thực giao dịch điện tử an toàn và hiện đại;
- Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp nhằm chủ động phát hiện các giao dịch có dấu hiệu gian lận;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho toàn Ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật trong các dịch vụ của Ngân hàng.

**❖ Tình hình bảo toàn vốn**

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, Vietbank đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin...nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

Đến thời điểm hiện nay, Vietbank cơ bản đã triển khai xong 3 trụ cột Basel II theo quy định tại Thông tư 13/2019/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN:

- ✓ Từ tháng 11/2019, Vietbank là một trong số 14 ngân hàng được NHNN chấp thuận cho áp dụng quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn.
- ✓ Từ năm 2021, Vietbank đã triển khai thực hiện Đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP) theo quy định tại Thông tư 13/2019/TT-NHNN.
- ✓ Tháng 6/2021, Vietbank và đã thực hiện kiểm toán độc lập đánh giá mức độ tuân thủ việc triển khai 3 trụ cột của Basel II và kết quả đánh giá là "Hoàn toàn tuân thủ".

Việc tuân thủ theo chuẩn Basel II đã giúp cho Vietbank nâng cao năng lực quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, đồng nghĩa với việc Vietbank đã đáp ứng các quy định nghiêm khắc về quản trị và công nghệ.

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, Vietbank đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin...nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

### 10.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Ý thức rằng QLRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, Vietbank đã xây dựng chính sách và hệ thống QLRR dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo hài hòa mục tiêu QLRR với mục tiêu phát triển kinh doanh về trung, dài hạn.
- Thực hiện quản lý rủi ro theo hướng tập trung (tập trung về Hội sở chính) và theo hướng thống nhất (trong toàn hệ thống, kể cả tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh).
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào các tài sản có rủi ro.
- Tiến tới mục tiêu là mọi loại rủi ro đều phải được đo lường thông qua các mô hình, công cụ đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp và xác thực.
- Các khoản dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định của NHNN và chính sách QLRR của Vietbank.

Tương ứng với các nguyên tắc nêu trên, hệ thống QLRR của Ngân hàng đã được tổ chức với ba phòng tuyến để phòng thủ và kiểm soát rủi ro:

- Phòng tuyến thứ nhất là các đơn vị phát sinh rủi ro như các đơn vị kinh doanh (Các Trung tâm Kinh doanh, Khối thị trường Tài chính, Khối vận hành), các cá nhân là Chuyên viên khách hàng có nhiệm vụ xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác.
- Phòng tuyến thứ hai là các đơn vị phụ trách về quản lý rủi ro, bao gồm UBQLRR, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng thuộc HĐQT; Ủy ban ALCO, Ban Tín dụng, Khối QLRR thuộc Ban Điều hành.
- Phòng tuyến thứ ba là Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập với Ban Điều hành.

Từ đây, bộ máy tổ chức và nhân sự QLRR của Ngân hàng đã được cơ cấu như sau: HĐQT, UBQLRR, Hội đồng Xử lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng, Tổng Giám đốc, ALCO, Ban Tín dụng, Khối QLRR và Trưởng các Đơn vị kinh doanh, Khối/Trung tâm/Phòng/Ban tại Hội sở. Trách nhiệm và quyền hạn của từng thành phần trong bộ máy này, được quy định cụ thể trong Chính sách và các quy định nội bộ của Vietbank.

Mặt khác, cũng để đáp ứng các yêu cầu QLRR nêu trên, Ngân hàng đã thiết lập một hệ thống các giới hạn kiểm soát rủi ro, thể hiện bằng các chỉ số, hạn mức cụ thể, đối với từng loại rủi ro (bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động); từng loại hoạt động kinh doanh; từng Đơn vị kinh doanh; cũng như đối với từng cá nhân tham gia vào các giao dịch có khả năng phát sinh rủi ro. Hệ thống các giới hạn kiểm soát rủi ro này, theo định kỳ, ít nhất 01 lần/năm hoặc các trường hợp đột xuất khi cần thiết, được Tổng Giám đốc chỉ đạo việc xây dựng để trình HĐQT phê duyệt.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Bên cạnh đó Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống thông tin quản lý về QLRR, nhằm mục đích để thông tin đầy đủ, kịp thời trong nội bộ, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu liên quan đến công tác QLRR của Ngân hàng.

**10.4. Thị trường hoạt động**
**10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện**

Trải qua 14 năm xây dựng và phát triển, hiện tại Vietbank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với địa hình kinh doanh và mạng lưới hoạt động được phân bố khắp cả nước. Cụ thể tại ngày 30/09/2023, Ngân hàng có:

- 01 Trụ sở chính: 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- 25 Chi nhánh: trải dài trên khắp các tỉnh thành phố;
- 93 Phòng Giao dịch;
- 01 công ty con.

**Bảng 30: Số lượng Chi nhánh/Phòng giao dịch Vietbank**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
1.	VIETBANK CN Sóc Trăng	47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
2.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Ngô Gia Tự	107-109 Ngô Gia Tự, Phường 6, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
3.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
4.	VIETBANK Sóc Trăng - PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.
5.	VIETBANK CN TP.HCM	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM
6.	VIETBANK TP.HCM - PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Tp.HCM
7.	VIETBANK TP.HCM - PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, Quận 1, TPHCM.
8.	VIETBANK TP.HCM - PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, Phường 3, Quận 4, Tp.HCM
9.	VIETBANK TP.HCM - PGD Bình Đăng	246-248 Liên Tỉnh 5, phường 6, quận 8, TP Hồ Chí Minh
10.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
11.	VIETBANK TP.HCM - PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng – H5, Khu A, TT-ĐTMT-NTP, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
12.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nguyễn Tri Phương	335-337 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, Tp.HCM
13.	VIETBANK TP.HCM - PGD Lý Thường Kiệt	428-430 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp.HCM
14.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Tp.HCM (Do thay đổi số nhà theo QĐ của UBND Gò Vấp)
15.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM
16.	VIETBANK TP.HCM - PGD Bình Chánh	A11/5-A11/6 QL1A, Ấp 1, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
17.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, TP Thủ Đức, TPHCM
18.	VIETBANK TP.HCM - PGD Trần Nãi	129 Trần Nãi, Phường An Khánh, TP Thủ Đức, Tp.HCM
19.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
20.	VIETBANK TP.HCM - PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM
21.	VIETBANK TP.HCM - PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, TP Thủ Đức, Tp.HCM
22.	VIETBANK TP.HCM - PGD Hàng Xanh	171 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
23.	VIETBANK TP.HCM - PGD Quang Trung	635 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
24.	VIETBANK TP.HCM - PGD Lê Trọng Tấn	143 -145 Lê Trọng Tấn và Số 78 Sơn Kỳ . Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp.HCM
25.	VIETBANK TP.HCM - PGD Củ Chi	880 Quốc lộ 22, KP8, TT Củ Chi, Huyện Củ Chi, Tp.HCM
26.	VIETBANK TP.HCM - PGD Phố Quang	Khu GM - Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
27.	VIETBANK TP.HCM - PGD Cộng Hòa	135 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp.HCM
28.	VIETBANK TP.HCM - PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
29.	VIETBANK TP.HCM - PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
30.	VIETBANK TP.HCM - PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
31.	VIETBANK CN Sài Gòn	11A-11B Hùng Vương, Phường 4, Quận 5, Tp.HCM
32.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Bình Tân	70-72 đường số 17A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Tp.HCM
33.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Trần Hưng Đạo	874-876 Trần Hưng Đạo, Phường 7, Quận 5, Tp.HCM
34.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Âu Cơ	528 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, Tp.HCM
35.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Bàu Cát	96-98-100 Bàu Cát, Phường 25, Quận Tân Bình, Tp.HCM
36.	VIETBANK Sài Gòn - PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM
37.	VIETBANK CN Chợ Lớn	36 - 38 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6, TPHCM.
38.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp.HCM
39.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, Phường 5, Quận 8, Tp.HCM
40.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Lê Đại Hành	109-111 Lê Đại Hành, Phường 6, Quận 11, Tp.HCM
41.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Chương Dương	520 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp.HCM
42.	VIETBANK Chợ Lớn - PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hà, ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP HCM
42.	VIETBANK CN Tây Sài Gòn	Một phần tầng 1 và một phần tầng 2 số 346-348-350 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
44.	VIETBANK Tây Sài Gòn - PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
45.	VIETBANK Tây Sài Gòn - PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, Phường Thới An, Quận 12, Tp.HCM

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
46.	VIETBANK CN Bắc Sài Gòn	299 Nguyễn Văn Trỗi, phường 1, quận Tân Bình, TPHCM
47.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
48.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Đinh Tiên Hoàng	Tầng trệt, lũng và lầu 1 số 96 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
49.	VIETBANK Bắc Sài Gòn - PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, Phường Phước Long, TP Thủ Đức, TPHCM
50.	VIETBANK CN Hà Nội	70-72 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
51.	VIETBANK Hà Nội - PGD Gia Lâm	01SH15 ô đất B2-CT04, tòa nhà L26M (S2.18) Dự án Khu Đô Thị Gia Lâm - Vinhomes Ocean Park, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, Tp.Hà Nội
52.	VIETBANK Hà Nội - PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành Phố Xanh, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
53.	VIETBANK Hà Nội - PGD Đội Cấn	279B-279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP Hà Nội
54.	VIETBANK Hà Nội - PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Tp.Hà Nội
55.	VIETBANK Hà Nội - PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TPHCM
56.	VIETBANK Hà Nội - PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
57.	VIETBANK Hà Nội - PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
58.	VIETBANK Hà Nội - PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
59.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
60.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lò Đúc	110 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
61.	VIETBANK Hà Nội - PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
62.	VIETBANK Hà Nội - PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
63.	VIETBANK Hà Nội - PGD Trung Hòa	Số 3 lô 11B Khu đô thị mới Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
64.	VIETBANK Hà Nội - PGD Nguyễn Khánh Toàn	48 Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
65.	VIETBANK Hà Nội - PGD Tây Hồ	Số LKC08, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
66.	VIETBANK Hà Nội - PGD Đền Lừ	58 Lô 7 Đền Lừ, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
67.	VIETBANK Hà Nội - PGD Hoàng Mai (Kim Đồng cũ)	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
68.	VIETBANK Hà Nội - PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP.Hà Nội
69.	VIETBANK Hà Nội - PGD Hà Đông	SH-16,SH-19,SH-20 thuộc CC cao cấp H-CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.
70.	VIETBANK CN Hải Phòng	05 Lý Tự Trọng, P.Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng
71.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Trần Nguyên Hãn	268B Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Tp.Hải Phòng
72.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Bạch Đằng	199 Bạch Đằng, P.Thượng Lý, Q.Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
73.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Ngô Quyền	25 Đà Nẵng, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng
74.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Lê Hồng Phong	05 Lô 22B Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng
75.	VIETBANK Hải Phòng - PGD Lê Chân	309-311 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP Hải Phòng.
76.	VIETBANK CN Nghệ An	Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
77.	VIETBANK Nghệ An - PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
78.	VIETBANK Nghệ An - PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
79.	VIETBANK Nghệ An - PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, Phường Hồng Sơn, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
80.	VIETBANK Nghệ An - PGD Hưng Dũng	85 Nguyễn Phong Sắc, P Hưng Dũng, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An
81.	VIETBANK CN Quảng Ngãi	473-475 Quang Trung, Phường Nguyễn Nghiêm, Tp.Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
82.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Trạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
84.	VIETBANK Quảng Ngãi - PGD Bình Sơn	450 Phạm Văn Đồng, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
85.	VIETBANK CN Đà Nẵng	119-121 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
86.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
87.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
88.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
89.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
90.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Đống Đa	265 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
91.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng
92.	VIETBANK Đà Nẵng - PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Tp.Đà Nẵng
93.	24 Yersin, Phường Vạn Thắng, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	
94.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Vĩnh Phước	Số 530 Đường 2 tháng 4, Phường Vĩnh Phước, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
95.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hòa – Tỉnh Khánh Hòa
96.	VIETBANK Khánh Hòa - PGD Vạn Ninh	18 Nguyễn Huệ, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
97.	VIETBANK CN Bà Rịa Vũng Tàu	93 Nguyễn Thái Học, Phường 3, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
98.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Đông Xuyên	502-504 Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
99.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
100.	VIETBANK Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, TT Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
101.	VIETBANK CN Cần Thơ	26-28 Hòa Bình, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
102.	VIETBANK Cần Thơ - PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
103.	VIETBANK Cần Thơ - PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
104.	VIETBANK Cần Thơ - PGD Bình Thủy	202 Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
105.	VIETBANK CN Long An	292-294-296 Hùng Vương, Phường 3, Tp.Tân An, Tỉnh Long An
106.	VIETBANK Long An - PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 3, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
107.	VIETBANK Long An - PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, tổ 14, khu phố 2, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
108.	VIETBANK Long An - PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, tổ 1, ấp Bình Tiền 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
109.	VIETBANK CN Đắk Lắk	160-162-164 Lê Hồng Phong, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắklak
110.	VIETBANK CN Đồng Nai	381 Phạm Văn Thuận, khu phố 4, phường Tam Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
111.	VIETBANK CN Bình Dương	376 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
112.	VIETBANK CN An Giang	95 Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chi nhánh/PGD	Vị trí địa lý
113.	VIETBANK CN Vĩnh Phúc	289 Mê Linh, phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
114.	VIETBANK CN Đồng Tháp	12 Âu Cơ, P2, TP Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
115.	VIETBANK CN Quảng Ninh	131 Đường 25/4, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
116.	VIETBANK CN Quảng Nam	592 Hai Bà Trưng, P Cẩm Phô, TP Hội An, Quảng Nam
117.	VIETBANK CN Kiên Giang	164-166-168 Trần Phú, P. Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
118.	VIETBANK CN Bình Định	112 Trần Phú, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

*Nguồn: Vietbank*

**10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**
**❖ Mạng lưới khách hàng**

Vietbank có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Cùng với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của Vietbank tăng lên nhanh chóng. Trong danh mục Khách hàng chính hiện nay của Ngân hàng bao gồm các cá nhân có tiềm lực tài chính rất tốt và các tổ chức là các Tổng Công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, Vietbank xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước.

**❖ Dịch vụ cho khách hàng cá nhân**
**i. Ngân hàng số**

Dịch vụ ngân hàng số của Vietbank giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, hỗ trợ dễ dàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất kỳ địa điểm có thiết bị kết nối Internet.

- **Mobile Vietbank Digital:** Ứng dụng Mobile banking dành cho Khách hàng cá nhân. Ứng dụng được sử dụng trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS và Android có Mobile Vietbank Digital cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính ngân hàng nhanh chóng, an toàn, bảo mật như: Thông tin tài khoản; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; Chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán QR code (QRPay); Thanh toán hóa đơn dịch vụ (điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Đặt vé máy bay, tàu xe.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- **Internet Banking:** Dịch vụ cung cấp cho KHCN thông qua máy tính kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...).
- **SMS Banking:** Thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn SMS, cập nhật tức thì, hỗ trợ khách hàng quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi.
- **Ứng dụng công nghệ vào định danh Khách hàng trực tuyến (eKYC):** Vietbank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (OCR, Face matching, Liveness detection) vào định danh Khách hàng trực tuyến thay thế cho các thủ tục tại quầy giao dịch: Phát hành thẻ trực tuyến, Mở tài khoản trực tuyến, ...

### ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của Vietbank bao gồm:

- **Sản phẩm "Tiết kiệm truyền thống":** Có nhiều kỳ hạn, và kỳ lĩnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm "Tiết kiệm Linh hoạt vốn":** giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi khách hàng phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- **Sản phẩm "Tiết kiệm online":** Giải pháp giúp những Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được hưởng thêm Lãi suất tại các kỳ hạn cao hơn truyền thống hiện tại.
- **Sản phẩm "Tiết kiệm quyền chọn":** Khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- **Sản phẩm "Đa tiện ích" (VND):** Sản phẩm trung dài hạn nhiều tiện ích và có nhiều ưu đãi như: giảm 50% phí thanh toán quốc tế, phí giao dịch tại quầy, phí giao dịch qua Ngân hàng điện tử, ưu đãi vay...
- **Sản phẩm tiết kiệm Đa Lộc (VND):** Sản phẩm trung dài hạn có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- **Sản phẩm tiết kiệm "Lĩnh lãi trước":** Là sản phẩm có kỳ hạn gửi từ 1-13 tháng. Khách hàng được nhận tiền lãi ngay khi gửi với mức lãi suất ưu đãi.

### iii. Thẻ

Hiện nay Vietbank đã cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế cho Khách hàng cá nhân, gồm:

- **Thẻ tín dụng quốc tế Visa:** My Style (Hạng chuẩn), Luxury (Hạng Platinum) với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ, với các hình thức cấp hạn mức tín dụng tín chấp hoặc thế chấp Tài sản đảm bảo. Thẻ tín dụng Visa Vietbank là



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

- công cụ hỗ trợ khách hàng thanh toán, rút tiền, thanh toán trực tuyến (E-com) trên mạng lưới VISA toàn cầu.
- **Thẻ thanh toán nội địa Vietbank:** Là thẻ ghi nợ nội địa cho phép Khách hàng sử dụng Tài khoản thanh toán tại Vietbank, thông qua Thẻ để thực hiện rút tiền, thanh toán, vấn tin số dư, sao kê tài khoản, ... trên mạng lưới ATM/POS Vietbank và tất cả các ngân hàng trong NAPAS.
- **Thẻ trả trước quốc tế Visa:** Vietbank phát hành thẻ trả trước quốc tế Visa mà không cần Khách hàng phải mở Tài khoản thanh toán tại Vietbank. Khách hàng nạp tiền vào thẻ (Top-up) và thực hiện thanh toán, rút tiền trên số dư thẻ trả trước một cách thuận tiện.
- **Thẻ thanh toán giao thông công cộng:** Vietbank ứng dụng phát hành Thẻ trả trước sử dụng cho việc thanh toán thí điểm phí giao thông công cộng (vé xe Bus) tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Khách hàng vẫn có thể dùng thẻ để thực hiện các giao dịch tài chính như thẻ ngân hàng.
- Mạng lưới chấp nhận thanh toán Thẻ của Vietbank hiện đã có 25 máy ATM, 300 máy POS và đang được mở rộng nhanh chóng trên toàn quốc.
- Việc đầu tư cho an toàn, bảo mật thông tin cũng được Vietbank chú trọng. Vietbank hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Vietnam đáp ứng tiêu chuẩn thanh toán thông minh qua công nghệ Chip Contactless (Chip không tiếp xúc) cả phát hành thẻ (100% thẻ Vietbank phát hành đã sử dụng công nghệ Chip contactless) và chấp nhận thanh toán thẻ (ATM/POS) của Tổ chức thẻ quốc tế Visa. Vietbank đã được Tổ chức Control Case cấp chứng chỉ đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ PCI – DSS Level 1 (3.2.1) ở cấp độ cao nhất.

### iv. Cho vay

Các sản phẩm cho vay đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, đặc biệt đối với KHCN.

- **Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống:** Vietbank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao, ...
- **Cho vay Sản xuất kinh doanh:** Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng: Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng số dư tiền gửi, số thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD, ...

### v. Bảo hiểm

- **Bảo hiểm phi nhân thọ:** Vietbank đang liên kết với nhiều công ty Bảo hiểm phi nhân thọ nhằm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của của KHCN (bảo hiểm Bảo Việt, bảo hiểm Hàng Không, bảo hiểm Bảo Long, bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, bảo hiểm Petrolimex, bảo hiểm Toàn Cầu, bảo hiểm Bưu Điện). Các sản



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

phẩm bảo hiểm như: bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhà chung cư...

- **Bảo hiểm nhân thọ:** Vietbank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential cung cấp các gói sản phẩm ưu việt, toàn diện (Pru - Cuộc sống bình an, Pru - Tương lai tươi sáng, Pru - An tâm trọn đời, Pru - Đầu tư linh hoạt). Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo tương lai học vấn cho con, các sản phẩm Bảo vệ giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với các sản phẩm đính kèm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe nâng cao cho Khách hàng và cả gia đình. Đặc biệt, Khách hàng sẽ được ưu đãi lãi suất gửi tiết kiệm hoặc vay vốn khi tham gia bảo hiểm tại Vietbank.

### ❖ Dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp

#### i. Tiền gửi

Vietbank cung cấp đa dạng dịch vụ tiền gửi phục vụ cho nhu cầu của KHDN:

- **Sản phẩm Tiền gửi truyền thống:** Có nhiều kỳ hạn và kỳ linh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm "Tiền gửi Linh hoạt":** giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- **Sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Online:** Kỳ hạn gửi tiền linh hoạt, giao dịch mọi lúc, mọi nơi 24/7 Khách hàng không phải đến quầy giao dịch, không lo mất hoặc thất lạc Hợp đồng tiền gửi. Thao tác thực hiện giao dịch đơn giản, an toàn và bảo mật với phương thức xác thực thông minh Soft OTP.
- **Tài khoản tiền gửi ký quỹ:** Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với Vietbank hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.
- **Sản phẩm chi hộ lương:** Khách hàng thực hiện chi hộ lương tại Vietbank với nhiều ưu đãi hấp dẫn, giúp Khách hàng tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự quản lý.
- **Dịch vụ Trung gian thanh toán:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch mua bán/chuyển nhượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ, ... Đảm bảo quyền lợi trong giao dịch mua bán/chuyển nhượng: Người bán/chuyển nhượng nhận đầy đủ tiền, Người mua/nhận chuyển nhượng thì nhận đủ tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- **Dịch vụ giao dịch qua Email:** Doanh nghiệp đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch qua Email với Vietbank. Với hạn mức giao dịch trên mỗi chứng từ tối đa 10 tỷ đồng và hạn mức giao dịch trong ngày tối đa 50 tỷ đồng. Thủ tục đơn giản Khách hàng chỉ cần scan chứng từ gốc gửi email đến Vietbank để thực hiện giao dịch với địa chỉ email đã được đăng ký.

**ii. Tín dụng**

Vietbank cam kết đem lại những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn, trung dài hạn cũng như phát hành các loại bảo lãnh trong nước của doanh nghiệp như:

- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết, ...
- Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới, ...
- Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, ... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
  - o Bảo lãnh dự thầu.
  - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
  - o Bảo lãnh thanh toán.
  - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
  - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
  - o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
- Ngoài ra, để hỗ trợ Khách hàng Doanh Nghiệp Vietbank cũng chủ động có những gói cho vay ưu đãi như sau: Tiếp bước cùng Doanh nghiệp SME, Tăng tốc kinh doanh Vietbank đồng hành, Gói ưu đãi 8.9%, ... để mở rộng tệp Khách Hàng cũng như phục vụ nhu cầu Khách Hàng tốt hơn.

**iii. Dịch vụ thanh toán**

Vietbank cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của Vietbank (Internet banking, Mobile banking, ...).

**iv. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)**

Vietbank luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

- Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.

- **Tài trợ nhập khẩu:** Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hoá nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- **UPAS L/C:** L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

**v. Kinh doanh ngoại tệ và phái sinh**

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Vietbank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- **Giao dịch ngoại tệ giao ngay:** Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- **Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- **Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:** Hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

**vi. Dịch vụ ngân hàng điện tử**

Dịch vụ ngân hàng điện tử do Vietbank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...).

**vii. Bảo hiểm**

**Bảo hiểm nhân thọ:** Vietbank đem đến những giải pháp phù hợp và tối ưu dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

**Bảo hiểm phi nhân thọ:** Các sản phẩm bảo hiểm dành cho KHDN với chi phí hợp lý như: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ - hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không; Bảo hiểm tài sản và thiệt hại; Bảo hiểm kỹ thuật; bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu; Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt..

### 10.4.3. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngànhRV

Vietbank đã thực hiện khảo sát các báo cáo tài chính đến ngày 30/09/2023 của 27 ngân hàng trong tổng số 35 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử của các ngân hàng hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam, trong đó có 03 Ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước (Vietcombank, VietinBank, BIDV) và 24 ngân hàng Thương mại cổ phần (VPBank, MBBank, Techcombank, ACB, SHB, HDBank, Sacombank, OCB, VIB, TPBank, LienViet Post Bank, MSB, Nam A Bank, EximBank, ABBank, NCB, VietCapital Bank, PGBank, KienLongBank, SaiGonBank, Vietbank, Bac A Bank, SeaBank, Viet A Bank).

- **Về quy mô hoạt động:** Tại thời điểm 30/09/2023, quy mô Tổng tài sản, Số dư huy động, cho vay, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ, Vietbank có quy mô không lớn so với các Ngân hàng khác:
  - + Tổng tài sản đạt 125.079 tỷ đồng, xếp hạng 21/27 TCTD khảo sát.
  - + Dư nợ cho vay khách hàng đạt 71.241 tỷ đồng xếp hạng 21/27 TCTD khảo sát. Trong đó tỷ lệ nợ xấu đạt 4,31% xếp thứ 25/27 TCTD. Tăng trưởng dư nợ cho vay VietBank so với cuối 2022 đạt 10.78% xếp hạng 5/27 TCTD có mức tăng trưởng cho vay lớn nhất.
  - + Huy động vốn từ khách hàng VietBank đạt 85.847 tỷ đồng, xếp hạng 22/27 TCTD. Huy động vốn và phát hành GTCG VietBank đạt 95.959 tỷ đồng, xếp hạng 21/27 TCTD.
  - + Vốn chủ sở hữu Vietbank đạt 6.578 tỷ đồng xếp thứ 22/27 TCTD.
- **Về năng lực tài chính:** Vốn chủ sở hữu Vietbank nằm trong nhóm có năng lực tài chính thấp, tuy nhiên vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định.
- **Về tính thanh khoản:** Vietbank đáp ứng tốt chỉ tiêu an toàn về thanh khoản của NHNN với tỷ lệ LCR luôn đạt trên 10% theo quy định của NHNN
- **Về hiệu quả kinh doanh:**
  - + Lợi nhuận trước thuế (LNTT) Quý III 2023 đạt 49,6 tỷ đồng xếp vị trí 24/27 các TCTD. LNTT lũy kế đến hết Quý III 2023 VietBank đạt 418.552 tỷ xếp 23/27 TCTD.
  - + Biên lợi nhuận ròng (NIM) của VietBank năm 2023 là 1,75% ở mức tương đương so với cuối năm 2022 là 1.87%, NIM VietBank xếp hạng 26/27 TCTD. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của VietBank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng.
- **Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch:** Trong khi Vietbank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 25 chi nhánh, nhưng lại có 93 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của Vietbank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- **Về mạng lưới và số lượng lao động:** Vietbank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Tính đến 30/09/2023, VietBank có 2.557 nhân viên.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- **Về chất lượng tài sản:** Vietbank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cẩn trọng, chủ động đẩy mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.
- **Về hình ảnh và thương hiệu:** Vietbank đang cố gắng xây dựng và củng cố hình ảnh cũng như thương hiệu của mình đối với khách hàng nhằm nâng cao vị thế và tạo sự tin tưởng đối với khách hàng.

Trên cơ sở những chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, Vietbank đang thuộc nhóm các ngân hàng có quy mô và năng lực tài chính chưa lớn, có mạng lưới hạn chế và số lượng lao động thấp, các đơn vị kinh doanh có quy mô hoạt động nhỏ. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh đã có nhiều sự cải thiện, quy mô ngân hàng mở rộng đem lại nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển cho Vietbank.

*Nguồn dữ liệu tổng hợp: Các báo cáo tài chính đến ngày 30/09/2023 của 27 NHTM của Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử của các ngân hàng hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam*

**10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh**

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, Vietbank đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng số, quản trị rủi ro, CNTT, quản trị nguồn nhân lực...

**Bảng 31: Một số dự án tiêu biểu của Vietbank**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank
<b>Năm 2019</b>			
1	Triển khai Digital Channel (DC)	Triển khai nền tảng giao dịch ngân hàng số đồng bộ Internet Banking, Mobile banking (Omni – channel), tích hợp Khách hàng cá nhân, Khách hàng SME để thay thế cho các kênh giao dịch đơn lẻ, độc lập hiện nay.	Gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank
2	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking)	Phối hợp với Finastra triển khai dự án The Transformer – Vietbank Prime nhằm xây dựng hệ thống Core Banking hoàn toàn mới và hiện đại	Vietbank là một trong những ngân hàng tiên phong đầu tư mô hình Core Banking hiện đại này, với nhiều tính năng và tiện ích vượt trội, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.
3	Chương trình tự động tính hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 “Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”	Hoàn thành chương trình tự động tính hệ số an toàn vốn (CAR) theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng trước thời hạn từ tháng 12/2019	Nâng cao về năng lực an toàn vốn, tuân thủ nghiêm ngặt quy định của NHNN và tăng tính cạnh tranh đối với các NHTMCP có cùng quy mô khác.
<b>Năm 2020</b>			
1	Tiêu chuẩn Bảo mật thanh toán thẻ (PCI DSS)	Hệ thống bảo mật của Vietbank đạt chứng nhận tiêu chuẩn PCI DSS và được kiểm định hàng năm.	Gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, gián tiếp gia tăng thu nhập từ dịch vụ cho ngân hàng.
<b>Năm 2021</b>			
1	Dự án triển khai định danh khách hàng trực tuyến (eKYC)	Mở tài khoản thanh toán online qua kênh eKYC web response và app eKYC cho nhân viên Vietbank, áp dụng công nghệ kỹ thuật eKYC định danh khách hàng trực tuyến. Hiện tại dự án đang tạm dừng.	Mở rộng được đối tượng khách hàng của Vietbank, gia tăng tệp khách hàng cũng như cải thiện thu nhập dịch vụ và các thu nhập khác.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank
2	Tính tuân thủ, hợp lý của nguyên tắc và kết quả tính toán tỷ lệ an toàn vốn của giải pháp tính tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng	Việc tính tỷ lệ an toàn vốn được thực hiện theo Quy chế tỷ lệ an toàn vốn và các Quy trình thu thập, quản lý dữ liệu để xác định các cấu phần tính CAR theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Trong đó quy định chi tiết phương pháp xác định các cấu phần tính CAR; quy định trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc thu thập, quản lý dữ liệu, tính toán, rà soát và báo cáo về CAR.	Vietbank kiểm soát hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, đảm bảo mức an toàn vốn cho các hoạt động của ngân hàng.
<b>Năm 2022</b>			
1	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking)	Phối hợp với Finastra triển khai dự án chuyển đổi hệ thống Corebanking, với nhiều phân hệ tiên tiến: Trade Innovation, Kondor+, ...  Hoàn thành triển khai hệ thống smart teller.	Vietbank là một trong những ngân hàng tiên phong đầu tư mô hình Core Banking hiện đại này, với nhiều tính năng và tiện ích vượt trội, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.
2	Dự án triển khai định danh khách hàng trực tuyến (eKYC)	Mở tài khoản thanh toán online qua App Vietbank Digital, áp dụng công nghệ kỹ thuật eKYC định danh khách hàng trực tuyến. Khách hàng được đăng ký dịch vụ Mobile Banking và SMS Banking.	Gia tăng tệp khách hàng cũng như đa dạng kênh dịch vụ, mở rộng đối tượng phục vụ khách hàng của Vietbank.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank
3	Chấm điểm xếp hạng tín dụng khách hàng (Scoring)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã hoàn thiện 02 bộ tiêu chí chấm điểm, bao gồm: KHCN có TSBĐ và KHDN có TSBĐ;</li> <li>- Đang tiếp tục nghiên cứu bộ tiêu chí chấm điểm KHCN không có TSBĐ, KHCN cấp thẻ tín dụng.</li> </ul> <p>Hiện đang xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm để thực hiện chấm điểm XHTDNB đối với KHCN, KHDN.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại KH tốt/xấu, phân hạng được KH để phục vụ phê duyệt cấp tín dụng, đặc biệt là hỗ trợ phê duyệt nhanh đối với tín dụng bán lẻ.</li> </ul> <p>Phục vụ phân loại nhóm nợ, tính trích lập dự phòng rủi ro theo yêu cầu của NHNN.</p>
<b>- Năm 2023</b>			
1	Cải tiến Chương trình Smart Teller trên hệ thống Corebanking giao dịch tại quầy	- Mở tài khoản thanh toán và tích hợp đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử trong một màn hình hạch toán.	- Rút ngắn thời gian thực hiện từ 4 phút 5 giây giảm còn 1 phút 05 giây
		- Mở mã khách hàng cá nhân tích hợp trong một màn hình hạch toán	- Rút ngắn thời gian thực hiện từ 8 phút 23 giây giảm còn 5 phút 07 giây
		- Mở mã khách hàng tổ chức tích hợp trong một màn hình hạch toán	- Rút ngắn thời gian thực hiện từ 13 phút 05 giây giảm còn 7 phút 05 giây
		- Chuyển giao quyền sở hữu tài khoản tiền gửi/tiết kiệm có kỳ hạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhận đúng thông tin CSH chuyển giao.</li> <li>- Rút ngắn thời gian thực hiện từ 8 phút 32 giây giảm còn 1 phút 45 giây</li> </ul>



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng mở quỹ đầu và cuối ngày của giao dịch viên và thủ quỹ</li> <li>- Truy vấn chuyển tiền trên Citad</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ngắn thời gian thực hiện từ 06 phút 23 giây giảm còn 2 phút 42 giây</li> <li>- Rút ngắn thời gian thực hiện từ 04 phút 20 giây giảm còn 2 phút 23 giây</li> </ul>
2	Chấm điểm xếp hạng tín dụng KH (Scoring)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai pilot Tờ trình cấp tín dụng điện tử KHCN.</li> <li>- Dự kiến ngày 31/08/2023, chuyển dữ liệu chấm điểm KHCN đến Đối tác KPMG để xây dựng bộ tiêu chí KHCN cấp Thẻ tín dụng tín chấp, vay tín chấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại KH tốt/xấu, phân hạng được KH để phục vụ phê duyệt cấp tín dụng, đặc biệt là hỗ trợ phê duyệt nhanh đối với tín dụng bán lẻ.</li> <li>- Phục vụ phân loại nhóm nợ, tính trích lập dự phòng rủi ro theo yêu cầu của NHNN.</li> </ul>
3	Dự án triển khai định danh khách hàng trực tuyến (eKYC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành triển khai mở tài khoản thanh toán online qua App Vietbank Digital, áp dụng công nghệ kỹ thuật eKYC định danh khách hàng trực tuyến. Khách hàng được đăng ký dịch vụ Mobile Banking và SMS Banking.</li> <li>- Nâng hạng mức chuyển tiền 5 triệu đồng /ngày và và 100 triệu đồng/tháng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng tệp khách hàng, gia tăng công cụ hỗ trợ các TTKD tiếp cận và chăm sóc khách hàng.</li> <li>- Nâng khả năng cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và định hướng của NHNN.</li> </ul>
4	Xây dựng định biên nhân sự tại TTKD; Xây dựng lại Hệ thống chức danh, Mô tả công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã hoàn thành việc định biên nhân sự tại TTKD phù hợp với kế hoạch kinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nguồn lực hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTKD</li> </ul>

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của Vietbank
	việc và hệ thống tiêu chuẩn chức danh tại Vietbank	doanh và tình hình thực tế. - Đã hoàn thành việc rà soát và xây dựng lại hệ thống chức danh, MTCV và hệ thống tiêu chuẩn các chức danh tại TTKD. - Hiện đang thực hiện rà soát đối với các chức danh tại các Khối/ Phòng/ Ban Hội sở	và các đơn vị hội sở; phù hợp với tình hình thực tế. - Nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ nhân sự tại TTKD và Hội sở để phục vụ hoạt động kinh doanh.

*Nguồn: Vietbank*

**10.6. Chiến lược kinh doanh**
**10.6.1. Mục tiêu chiến lược**

- Quy mô Tổng tài sản đến năm 2025 đạt mức 170.000 tỷ đồng.
- Hoạt động an toàn, hiệu quả, đảm bảo thanh khoản và đáp ứng đầy đủ các chỉ số theo quy định của NHNN.
- Nâng cao năng lực tài chính, nâng cao năng lực quản trị theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Phấn đấu phát triển Vietbank trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam và trở thành ngân hàng có tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Mục tiêu đến cuối năm 2025, Vietbank cơ bản triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao.
- Hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu Vietbank trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Phát triển mô hình ngân hàng số, không ngừng chuyển đổi số mạnh mẽ, gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng và tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả nhằm đem lại giá trị cao nhất cho khách hàng và nhà đầu tư.
- Phấn đấu tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của Vietbank lên khoảng 12-16% vào cuối năm 2025. Đồng thời, tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng vào các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon.



**10.6.2. Tầm nhìn chiến lược**

- Trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo phương châm: **TĂNG TRƯỞNG - AN TOÀN - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ.**
- Sứ mệnh: Tối ưu hóa mọi mặt hoạt động nhằm mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác, nhà đầu tư và đội ngũ cán bộ nhân viên. Tích cực đóng góp và đồng hành cùng sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

**10.6.3. Giá trị cốt lõi**

- Uy tín: Cam kết giữ trọn uy tín là kim chỉ nam của Vietbank trong mọi hành động. Sự hài lòng, tín nhiệm của các chủ thể chính là thước đo cho sự thành công và phát triển của Vietbank.
- Chất lượng: Vietbank luôn không ngừng đổi mới sáng tạo để cung ứng những sản phẩm dịch vụ và giải pháp tài chính tối ưu, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Nhân sự: Tại Vietbank, đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá và là nhân tố cốt lõi đóng góp vào sự phát triển. Vietbank luôn chú trọng xây dựng nguồn nhân sự có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp để tạo ra giá trị đặc trưng và lợi thế cạnh tranh của Ngân hàng.

**10.6.4. Nguồn vốn và nguồn lực**

Để thực hiện chiến lược đề ra, Vietbank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng cường năng lực nguồn vốn và nguồn lực khác bao gồm nguồn nhân lực, năng lực vận hành và năng lực công nghệ thông tin, cụ thể:

**- Đối với năng lực nguồn vốn:**

Vietbank thực hiện tăng vốn cấp 1 thông qua trình các cơ quan có thẩm quyền cho phép Vietbank:

- Giữ lại lợi nhuận/chia cổ tức bằng cổ phiếu
- Tăng vốn điều lệ từ vốn góp bổ sung

Ngoài ra, Vietbank tiếp tục triển khai các giải pháp khác để tăng cường năng lực vốn, bao gồm: Phát hành trái phiếu thứ cấp, tái cơ cấu trái phiếu thứ cấp của tổ chức tín dụng khác thuộc danh mục đầu tư và quản lý kiểm soát tài sản có rủi ro (RWA) chủ động thông qua chỉ tiêu hạn mức RWA, điều hành lãi suất theo rủi ro, triển khai định hướng tín dụng và thúc đẩy kinh doanh theo hướng giảm thiểu chi phí vốn tự có. Trong giai đoạn tới, Vietbank đặt trọng tâm phấn đấu nâng cao năng lực vốn thông qua xây dựng và triển khai kế hoạch vốn theo chuẩn mực Basel II, trong đó duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) mục tiêu theo quy định hiện hành.

**- Đối với nguồn lực nhân sự:**

Vietbank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của Vietbank, đảm bảo hiệu quả hoạt động, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.

**- Đối với nguồn lực công nghệ thông tin:**



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Vietbank sẽ tiếp tục chuyển đổi số mạnh mẽ, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào hoạt động ngân hàng, hướng tới mô hình ngân hàng số vào năm 2025. Theo đó, các mục tiêu/định hướng chiến lược, các giải pháp phát triển ngân hàng số, chuyển đổi số, phát triển đội ngũ nhân sự công nghệ thông tin.

Tập trung phát triển sản phẩm, dịch vụ phi tín dụng qua kênh Internet Banking, Mobile banking, liên kết với các đối tác cung ứng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng.
- Xây dựng kiến trúc hệ thống Data Lake đảm bảo mục tiêu dài hạn về phân tích dữ liệu phục vụ nhu cầu kinh doanh, quản trị của ngân hàng trên nền tảng đám mây;
  - ✓ Đẩy mạnh tự động hóa và hiện đại hóa các quy trình nghiệp vụ, tăng cường tích hợp công nghệ thông tin vào các hoạt động của ngân hàng góp phần tăng năng suất làm việc, tăng tính chính xác của các hoạt động, giảm chi phí vận hành, tăng năng lực quản trị rủi ro; giảm tỷ lệ chi phí trên thu nhập;
  - ✓ Tối ưu hóa hệ thống Corebanking nhằm triệt để khai thác tính năng vượt trội của hệ thống Corebanking, liên tục cập nhật và hoàn thiện hệ thống Corebanking nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý;
  - ✓ Đồng nhất nền tảng công nghệ lõi và kiến trúc công nghệ thông tin (Open Banking, Open API) nhằm giảm thiểu các ứng dụng riêng lẻ, đáp ứng nhu cầu kết nối ngày càng tăng các ứng dụng vệ tinh. Nâng cao năng lực xử lý hệ thống;
  - ✓ Nâng cấp ứng dụng Mobile App cho khách hàng cá nhân (tên gọi là Vietbank Digital), tiến tới thực hiện việc hợp nhất OMNI (IBK và MB) nhằm mang lại sự trải nghiệm tốt nhất cho người dùng;
  - ✓ Triển khai nền tảng số (OMNI SME) ứng dụng Mobile App dành cho khách hàng doanh nghiệp;
  - ✓ Tối ưu hóa cơ sở hạ tầng và bảo mật, ưu tiên sử dụng dịch vụ điện toán đám mây (private cloud) các hệ thống công nghệ thông tin quan trọng, đảm bảo an toàn hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi trong việc kết nối và cung ứng dịch vụ đa tiện ích cho khách hàng trong giai đoạn chuyển đổi số, đảm bảo an toàn và bảo mật trong các giao dịch số của khách hàng.

### 10.6.5. Định hướng chiến lược phát triển trung hạn

- Đến năm 2025, Tổng tài sản đạt mức 170.000 tỷ đồng; Vốn điều lệ 10.000 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế là 1.600 tỷ đồng
- Nguồn vốn: Tăng tổng tài sản dựa trên nền tảng chính từ tăng trưởng huy động vốn, tỷ lệ huy động trên tổng tài sản dao động gần 80 - 90%, đa dạng nguồn vốn huy động. Theo đó, không tập trung quá vào nguồn vốn truyền thống, mà năng động tìm thêm các nguồn vốn có kỳ hạn dài và giá hợp lý thông qua các hình thức phát hành kỳ phiếu, trái phiếu.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Dự nợ tín dụng: tăng đủ theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân bổ.
- Tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ bán lẻ, theo đó tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ trong cơ cấu thu nhập.
- Tỷ trọng tổng thu thuần từ dịch vụ/tổng thu nhập thuần của Ngân hàng hàng năm sẽ đạt tỷ lệ bình quân 12-16%.
- Đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng về sản phẩm dịch vụ tài chính theo định hướng ngân hàng bán lẻ, trong đó chú trọng hoạt động bán chéo sản phẩm dịch vụ với các đối tác có liên kết, nhằm cung ứng cho thị trường các sản phẩm tài chính trọn gói với giá thành hợp lý. Tạo sự khác biệt trong sản phẩm dịch vụ nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cũng như nâng cao tính cạnh tranh của Ngân hàng.
- Phát triển các sản phẩm mới trong lĩnh vực tiền tệ như sản phẩm phái sinh, các sản phẩm cơ cấu (structured products), các sản phẩm chứng khoán nợ....
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt  $\geq 11\%$ ;
- Tỷ lệ Nợ xấu: thấp hơn 3%;
- Hệ số an toàn vốn tối thiểu (theo Thông tư 41/2016 của NHNN) đạt  $\geq 11\%$ . Đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN chuẩn Basel II (Thông tư 41 & Thông tư 13).
- Chiến lược nguồn nhân lực: Số lượng CBNV đến năm 2025 là 3.500 – 4.000 người. Theo đó:
  - o Tuyển dụng được những nhân sự giỏi có năng lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng nội bộ.
  - o Phát hiện nhân sự giỏi nội bộ, đào tạo chuẩn bị cho nhân sự kế thừa.
  - o Xây dựng các chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhằm ổn định nhân sự.
  - o Xây dựng chính sách và tiêu chí đánh giá thi đua (KPI) tiên tiến, minh bạch và công bằng.
  - o Xây dựng chính sách lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả của nhân sự toàn hệ thống.

**11. Chính sách đối với người lao động**
**11.1. Số lượng, cơ cấu người lao động của Vietbank**
**Bảng 32: Số lượng, cơ cấu người lao động của Vietbank**

STT	Tính chất phân loại	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%
I	Theo giới tính	2.561	100%	2.516	100%	2.549	100%
1	Nam	1.076	42%	1.072	42,6%	1.071	42%
2	Nữ	1.485	58%	1.444	57,4%	1.478	58%
II	Theo trình độ	2.561	100%	2.516	100%	2.549	100%
1	Trên Đại học	20	0,8%	110	4,4%	33	1,3%
2	Cử nhân	2.146	83,8%	1.994	79,3%	2.161	84,8%



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tính chất phân loại	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%
3	Cao đẳng	226	8,8%	280	11,1%	219	8.6%
4	Khác	169	6,6%	132	5,2%	136	5.3%
<b>III</b>	<b>Theo hợp đồng</b>	<b>2.561</b>	<b>100%</b>	<b>2.516</b>	<b>100%</b>	<b>2.549</b>	<b>100%</b>
1	Lao động thường xuyên	2.561	100%	2.516	100%	2.549	100%
2	Lao động thời vụ	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%

Nguồn: Vietbank

**11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**
**❖ Chính sách đào tạo:**

- Đào tạo nhân viên là công tác được ưu tiên hàng đầu của Ngân hàng để xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng.
- Chương trình đào tạo xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh, mục tiêu ngắn hạn, dài hạn của Ngân hàng kết hợp với tiến trình nghề nghiệp của nhân viên. Nội dung đào tạo chú trọng vào tính thực tiễn, được thiết kế và cung cấp trên cơ sở yêu cầu năng lực cần thiết cho công việc. Cơ hội đào tạo và phát triển là bình đẳng đối với mọi nhân viên căn cứ vào tiềm năng phát triển của nhân viên, nhu cầu kinh doanh và định hướng phát triển của Ngân hàng.
- Ngoài Giảng Viên của TTĐT, các Trường Đơn Vị cần có trách nhiệm tham gia công tác đào tạo để truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng cho nhân viên. Việc tham gia công tác đào tạo nhân viên là một trong những tiêu chuẩn đánh giá kết quả hoàn thành công việc hàng năm của Trường đơn vị.
- Nhân viên Ngân hàng tích cực học tập, rèn luyện để đạt được tiêu chuẩn nghề nghiệp cho công việc hiện tại và cho công việc có trách nhiệm cao hơn trong tiến trình nghề nghiệp của mình. Ngân hàng khuyến khích và sẽ tạo điều kiện để nhân viên tự nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng, kiến thức và tích cực tham gia các hoạt động đào tạo để trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với đồng nghiệp.
- Công tác đào tạo phải đúng thời điểm; theo tiêu chuẩn năng lực, chức danh; theo yêu cầu kinh doanh thực tế tại đơn vị và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng. Công tác đào tạo phải lấy hiệu quả, chất lượng làm phương châm, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Ngân hàng trên cơ sở tiết kiệm thời gian và kinh phí.



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### ❖ Chính sách lương thưởng, phúc lợi, trợ cấp:

- Về chế độ phụ cấp, Bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên chính thức của Vietbank đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động;
- Chế độ phúc lợi: Nhân viên chính thức của Vietbank được hưởng các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, chế độ nghỉ mát...;
- Chế độ lương, thưởng, thăng tiến:
  - Duy trì và đảm bảo thu nhập cho NLD;
  - Duy trì chế độ thưởng căn cứ theo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị và kết quả xếp loại cá nhân định kỳ, thực hiện và triển khai chính sách điều chỉnh lương định kỳ, Cơ chế khuyến khích thưởng vượt chỉ tiêu cho CBNV thuộc lực lượng kinh doanh (Khách hàng Cá nhân/ Khách hàng Doanh nghiệp).
  - Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp: Ngân hàng đã xây dựng Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp cho từng chức danh tại các đơn vị, qua đó, từng nhân sự có thể tự định hướng và xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp cho bản thân.
- Các chế độ khác: Chính sách vay ưu đãi dành cho CBNV Vietbank: CBNV được vay tại Vietbank với lãi suất cho vay ưu đãi. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kết quả hoàn thành công việc được đánh giá hàng kỳ. CBNV hoàn thành công việc càng xuất sắc, lãi suất cho vay càng được điều chỉnh thấp hơn so với lãi suất cho vay thông thường.

### 11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Ngân hàng không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ, HĐQT của Vietbank sẽ quyết định quy chế cụ thể theo từng lần phát hành.

Đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động gần nhất năm 2018, theo đó, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 49/2018/QĐ-HĐQT ngày 22/09/2018 về việc thông qua tiêu chuẩn, danh sách người lao động tham gia mua cổ phiếu Vietbank.

## 12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Vietbank, cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên trên cơ sở đề nghị của HĐQT. Vietbank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ Vietbank và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và Pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, VIETBANK vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

- Năm 2021, Vietbank hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2019 của Vietbank cho cổ đông hiện hữu, số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu, giá phát hành: 10.000 đồng/cổ

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

phiếu (xem chi tiết mục 7 - quá trình tăng vốn của Vietbank tại trang 24, căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 77/2020/NQ-HĐQT (trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) ngày 23/11/2020).

- Năm 2022: Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022, Vietbank không thực hiện chia cổ tức.

**Bảng 33: Tình hình chi trả cổ tức của Vietbank**

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2019	14% (bằng cổ phiếu)	Đã hoàn tất
2020	0%	Không có
2021	0%	Không có
2022	0%	Không có

*Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, năm 2021 và năm 2022 của Vietbank*

### 13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

#### 13.1. Về đợt chào bán trái phiếu gần nhất:

Trong 02 năm liên tục tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Vietbank đã thực hiện 02 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 12/07/2022 với thông tin cụ thể như sau:

Đợt chào bán	Số lượng trái phiếu chào bán (theo giấy phép)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)
Đợt 1	100.000	1.000.000.000.000
Đợt 2	100.000	1.000.000.000.000
Đợt 3	100.000	1.000.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>300.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>

*Ghi chú:*

- Trường hợp các đợt chào bán trước chưa bán hết số lượng như dự kiến, số trái phiếu chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang đợt chào bán tiếp theo.
- Đối với đợt chào bán trái phiếu Đợt 3, Vietbank dự kiến sẽ triển khai chào bán từ Quý IV năm 2023 đến hết Quý II năm 2024.

Tính tới thời điểm ký Bản cáo bạch này, Vietbank đã hoàn tất chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1 và Đợt 2 theo giấy chứng nhận nêu trên với tổng số lượng trái phiếu chào bán thành công là 200.000 trái phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 2.000.000.000.000 đồng. Thông tin về các đợt chào bán cụ thể như sau:

#### ❖ **Đợt 1:**

- Kết quả chào bán trái phiếu Đợt 1:



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Tổng số trái phiếu đã phân phối: 10.000 trái phiếu.

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 100.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Đợt 1 (theo Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB12033 tại ngày 18/04/2023 của Vietbank số 82/2023/ASCO-BCKT-NV ký ngày 19/04/2023 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO) cụ thể như sau:

Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn trái phiếu theo phương án phát hành	Sử dụng vốn theo thực tế	
		Phương án sử dụng thực tế	Số tiền đã sử dụng (đồng)
VBB12033	Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước	Sử dụng phù hợp với mục đích theo phương án phát hành	100.000.000.000

- Ý kiến của kiểm toán viên (theo báo cáo kiểm toán độc lập số 82/2023/ASCO-BCKT-NV ký ngày 19/04/2023 bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO): Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033 tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, đã được lập, trên khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn như đã trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

❖ **Đợt 2:**

- Kết quả chào bán trái phiếu Đợt 2:

Tổng số trái phiếu đã phân phối: 190.000 trái phiếu.

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.900.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Đợt 2 cụ thể như sau:

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn trái phiếu theo phương án phát hành	Sử dụng vốn theo thực tế	
		Phương án sử dụng thực tế	Số tiền đã sử dụng (đồng)
VBB123034	Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức.	Sử dụng phù hợp với mục đích theo phương án phát hành	1.900.000.000.000

- Ý kiến của kiểm toán viên (theo báo cáo kiểm toán độc lập số 114/2023/ASCO ký ngày 31/08/2023 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá ASCO): Báo cáo tình hình sử dụng vốn và Bản thuyết minh thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 Đợt 2, mã Trái phiếu: VBB123034 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, đã được lập, trên khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn như đã trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

**13.2. Về đợt chào bán cổ phiếu gần nhất:**

Vietbank không thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng trong vòng 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành**
**14.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi**

Tính đến 30/09/2023, tổng dư nợ trái phiếu của Vietbank là 3.411,17 tỷ đồng, trong đó:

- Trái phiếu chào bán riêng lẻ: 1.411,17 tỷ đồng, chiếm 41% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.
- Trái phiếu chào bán ra công chúng: 2.000 tỷ đồng, chiếm 59% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn, Vietbank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho các nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**14.2. Các cam kết đưa ra**
**Bảng 34: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Bảo lãnh vay vốn	20.869	50	50
Cam kết giao dịch hối đoái	32.610.009	6.902.521	20.523.102
- Cam kết mua ngoại tệ	1.117.200	116.250	3.250.800
- Cam kết bán ngoại tệ	778.275	116.250	1.757.840
- Cam kết giao dịch hoán đổi	30.714.534	6.670.021	15.514.462
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39.922	24.793	35.910
Bảo lãnh khác	1.302.138	1.068.336	903.062
Cam kết khác	12.323.054	12.321.048	6.779.007
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.295.992</b>	<b>20.316.748</b>	<b>28.241.131</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**Bảng 35: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Bảo lãnh vay vốn	20.869	50	50
Cam kết giao dịch hối đoái	32.610.009	6.902.521	20.523.102
- Cam kết mua ngoại tệ	1.117.200	116.250	3.250.800
- Cam kết bán ngoại tệ	778.275	116.250	1.757.840
- Cam kết giao dịch hoán đổi	30.714.534	6.670.021	15.514.462
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39.922	24.793	35.910
Bảo lãnh khác	1.302.138	1.068.336	903.062
Cam kết khác	12.323.054	12.321.048	6.779.007
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.295.992</b>	<b>20.316.748</b>	<b>28.241.131</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**14.3. Cam kết vốn**

Ngân hàng có cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị với số dư tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2022 cụ thể như sau:

**Bảng 36: Thông tin về cam kết vốn (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Cam kết vốn	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các cam kết vốn về chi tiêu vốn	495.453	511.916	51.624

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**Bảng 37: Thông tin về cam kết vốn (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Cam kết vốn	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các cam kết vốn về chi tiêu vốn	495.453	511.916	51.624

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**14.4. Cam kết thuê hoạt động**

Ngân hàng và công ty con thuê văn phòng cho một số chi nhánh dưới dạng thuê hoạt động. Tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 cụ thể như sau:

**Bảng 38: Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Đến hạn trong 1 năm	104.215	135.415	163.386
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	212.914	224.493	350.247
Đến hạn sau 5 năm	28.151	27.488	41.823
<b>Tổng cộng</b>	<b>345.280</b>	<b>387.396</b>	<b>555.456</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**Bảng 39: Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Đến hạn trong 1 năm	104.215	135.415	163.386
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	212.914	224.493	350.247
Đến hạn sau 5 năm	28.151	27.488	41.823
<b>Tổng cộng</b>	<b>345.280</b>	<b>387.396</b>	<b>555.456</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Ngoài ra, Vietbank và công ty con cho thuê mặt bằng chưa sử dụng hết tại một số đơn vị kinh doanh dưới dạng cho thuê hoạt động. Tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng cho thuê tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 cụ thể như sau:

**Bảng 40: Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Đến hạn trong 1 năm	5.168	2.937	89
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	5.938	1.046	1.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.106</b>	<b>3.983</b>	<b>1.189</b>

*Nguồn: Vietbank*
**Bảng 41: Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Đến hạn trong 1 năm	5.168	2.937	89
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	5.938	1.046	1.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.106</b>	<b>3.983</b>	<b>1.189</b>

*Nguồn: Vietbank*

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**
**1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh

**Bảng 42: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	9T/2023
Tổng giá trị tài sản	103.377.281	111.306.635	7,12%	125.079.152
Thu nhập lãi thuần	1.486.208	1.810.880	17,93%	1.276.083
Tổng thu nhập hoạt động <sup>1</sup>	2.257.681	2.324.570	2,88%	1.548.814
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.115.368	957.033	-16,54%	507.132
Lợi nhuận trước thuế	635.782	656.112	3,10%	418.552
Lợi nhuận sau thuế	506.595	522.627	3,07%	333.260
Tỷ lệ chia lợi nhuận trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 43: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	9T/2023
Tổng giá trị tài sản	103.377.671	111.306.750	7,12%	125.080.751
Thu nhập lãi thuần	1.486.190	1.810.864	17,93%	1.276.039
Tổng thu nhập hoạt động <sup>1</sup>	2.252.577	2.321.078	2,95%	1.544.404
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.114.651	957.779	-16,38%	506.473
Lợi nhuận trước thuế	635.065	656.858	3,32%	417.893
Lợi nhuận sau thuế	505.878	523.373	3,34%	332.601
Tỷ lệ chia lợi nhuận trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

<sup>1</sup> Tổng thu nhập hoạt động = Thu nhập lãi thuần + Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ + Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối + Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư + Lãi thuần từ hoạt động khác.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Năm 2022, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của Vietbank đạt 2.325 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi thuần ghi nhận đạt 1.811 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động trước thuế hợp nhất đạt 656 tỷ đồng, tương đương thực hiện được 82% kế hoạch năm 2022 và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Ngân hàng đạt 523 tỷ đồng.

Trong 9 tháng năm 2023, Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của Vietbank ghi nhận đạt 1.549 tỷ đồng, giảm 12,34% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nhập từ lãi thuần ghi nhận đạt hơn 1.276 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động trước thuế đạt 419 tỷ đồng. Tổng giá trị tài sản đạt hơn 125 nghìn tỷ đồng, tăng 11,01% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 507 tỷ đồng, tương ứng lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng đạt 333 tỷ đồng.

**1.1.2. Các chỉ tiêu khác**
**Bảng 44: Cơ cấu thu nhập hoạt động (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	1.486.208	65,83%	1.810.880	77,90%	1.276.083	82,39%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	94.808	4,20%	121.714	5,24%	77.808	5,02%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,39%	57.453	3,71%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,06%	61.667	2,65%	42.462	2,74%
Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,39%	274.699	11,82%	95.008	6,13%
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>2.257.681</b>	<b>100%</b>	<b>2.324.570</b>	<b>100%</b>	<b>1.548.814</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 45: Cơ cấu thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	1.486.190	65,98%	1.810.864	78,02%	1.276.039	82,62%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	89.722	3,98%	118.237	5,09%	73.442	4,76%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,40%	57.453	3,72%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,11%	61.667	2,66%	42.462	2,75%
Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,40%	274.700	11,84%	95.008	6,15%
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>2.252.577</b>	<b>100%</b>	<b>2.321.078</b>	<b>100%</b>	<b>1.544.404</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*



## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Kết thúc năm 2022, Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của Vietbank đạt gần 2.325 tỷ đồng tăng 67 tỷ tương đương tăng 2,88% so với năm 2021. Thu nhập lãi thuần năm 2022 đạt 1.811 tỷ đồng, tăng 325 tỷ tương đương tăng 17,93% so năm 2021; Lãi thuần từ dịch vụ đạt gần 122 tỷ đồng, tăng 27 tỷ tương đương tăng 22,11% so năm 2021; Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 11,8 tỷ đồng, tăng khoảng 44 tỷ tương đương tăng 78,84% so với năm 2021; Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 275 tỷ đồng, tăng 85 tỷ tương đương tăng 31,08% so năm 2021. Trong khi đó, Lãi thuần từ Mua bán chứng khoán đầu tư đạt gần 62 tỷ đồng, giảm so với năm 2021 gần 414 tỷ đồng.

Trong 9 tháng năm 2023, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của Ngân hàng ghi nhận đạt gần 1.549 tỷ đồng, giảm 12.34% so với cùng kỳ năm 2022 (tổng thu nhập hoạt động 9 tháng năm 2022 đạt gần 1.740 tỷ đồng).

### 1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có):

Không có.

### 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

- Năm 2021 xảy ra đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không chỉ tới nền kinh tế thế giới mà còn ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Vietbank. Tuy vậy, Vietbank vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan và mở rộng những nguồn doanh thu khác ngoài nguồn thu từ lãi như nguồn thu từ kinh doanh chứng khoán, kinh doanh ngoại hối.
- Năm 2022 là năm phục hồi nền kinh tế sau đại dịch Covid-19, nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn: Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, lạm phát cao; rủi ro bất ổn tài chính khi một số ngân hàng tại Mỹ, Châu Âu khó khăn, đóng cửa; hoạt động sản xuất, kinh doanh nói chung gặp nhiều khó khăn; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp...Bối cảnh đó đặt ra nhiều sức ép và thách thức đan xen đối với hoạt động tín dụng của Vietbank. Trong bối cảnh khó khăn như vậy, Vietbank vẫn nỗ lực thực hiện các giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, lành mạnh và bền vững.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

- Thông tư 03/2023/TT-NHNN: Ngày 23/4/2023, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 03/2023/TT-NHNN ngưng hiệu lực thi hành của khoản 11 Điều 4 Thông tư 16/2021/TT-NHNN từ ngày 24/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Theo đó, từ ngày 24/4/2023 đến 31/12/2023, Tổ chức phát hành được mua lại trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết) mà Tổ chức phát hành đã bán và/hoặc trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết mà Tổ chức phát hành đã



bán khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 1 Thông tư 03/2023/TT-NHNN mà không cần chờ sau 12 tháng.

Nhìn chung quy định này sẽ tạm thời gỡ nút thắt thanh khoản trên thị trường khi cho phép các tổ chức tín dụng nói chung cũng như Tổ chức phát hành nói riêng mua lại trái phiếu doanh nghiệp mà không cần chờ sau 1 năm.

- **Thông tư 06/2023/TT-NHNN:** Ngày 28/6/2023, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 06/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 39/2016/TT-NHNN (có hiệu lực từ ngày 01/9/2023). Theo đó, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng từ ngày 01/9/2023 có một số nội dung thay đổi chính gồm: (i) bổ sung phương án sử dụng vốn trong hồ sơ cho vay đối với các khoản vay mua nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà ở; chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà ở; (ii) bổ sung thêm quy định về một số nhu cầu vốn không được cho vay; (iii) bổ sung thêm quy định về các nội dung cần được thể hiện trong quy định nội bộ về cho vay của tổ chức tín dụng; (iv) bổ sung thêm quy định về hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử.

Nhìn chung, Thông tư 06/2023/TT-NHNN được ban hành với các mục tiêu chính là kiểm soát các mục đích cho vay để hướng dòng vốn đến dự án an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng tại các Tổ chức tín dụng và xây dựng cơ sở hành lang pháp lý cho hoạt động cho vay bằng phương tiện điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận vốn nhanh của người dân, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

##### ❖ Báo cáo về Vốn điều lệ

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 1 năm 2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2023.

Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN của Ngân hàng được thay thế bổ sung bằng Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 2 năm 2023. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006. Vốn điều lệ của Ngân hàng đến thời điểm tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 là 4.776.827 triệu đồng

**Bảng 46: Báo cáo về vốn điều lệ của Vietbank (hợp nhất)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827	4.776.827

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*



**Bảng 47: Báo cáo về vốn điều lệ của Vietbank (riêng lẻ)**
*Đơn vị tính: triệu đồng đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827	4.776.827

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**❖ Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh**
**Bảng 48: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Vietbank (hợp nhất)**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I	Vốn chủ sở hữu	5.744.166	6.266.793	6.578.241
1	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827	4.776.827
2	Các quỹ	320.264	398.770	398.770
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(3.928)
4	Lợi nhuận chưa phân phối	647.075	1.091.196	1.406.572
II	Nợ phải trả	97.633.115	105.039.842	118.500.911
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	1.266.389	9.311
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	21.353.634	20.384.708	19.337.007
3	Tiền gửi của khách hàng	66.755.406	75.988.224	85.847.982
4	Phát hành giấy tờ có giá	7.635.170	5.122.170	10.111.170
5	Các khoản nợ khác	1.877.242	2.278.351	3.195.441
	<b>Tổng nguồn vốn kinh doanh</b>	<b>103.377.281</b>	<b>111.306.635</b>	<b>125.079.152</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*
**Bảng 49: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Vietbank (riêng lẻ)**
*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I	Vốn chủ sở hữu	5.743.419	6.266.792	6.577.466
1	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827	4.776.827
2	Các quỹ	320.264	398.770	398.770
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(3.928)
4	Lợi nhuận chưa phân phối	646.328	1.091.195	1.405.797



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
II	<b>Nợ phải trả</b>	<b>97.634.252</b>	<b>105.039.958</b>	<b>118.503.285</b>
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	1.266.389	9.311
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	21.353.634	20.384.708	19.337.007
3	Tiền gửi của khách hàng	66.757.140	75.988.810	85.850.827
4	Phát hành giấy tờ có giá	7.635.170	5.122.170	10.111.170
5	Các khoản nợ khác	1.876.645	2.277.881	3.194.970
	<b>Tổng nguồn vốn kinh doanh</b>	<b>103.377.671</b>	<b>111.306.750</b>	<b>125.080.751</b>

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank

**❖ Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh**
**Bảng 50: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Vietbank (hợp nhất)**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Tiền mặt	553.510	644.124	568.376
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	4.636.328	1.786.003	2.389.428
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	14.639.146	17.517.051	27.687.752
4	Chứng khoán kinh doanh	-	-	200.134
5	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18.017	19.619	3.833
6	Cho vay khách hàng	49.612.464	63.007.037	70.490.188
7	Chứng khoán đầu tư	29.145.492	23.450.896	19.959.458
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-
9	Tài sản cố định	813.189	853.171	787.178
10	Tài sản Có khác	3.959.135	4.028.734	2.992.805
	<b>Tổng cộng</b>	<b>103.377.281</b>	<b>111.306.635</b>	<b>125.079.152</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank

**Bảng 51: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Vietbank (riêng lẻ)**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Tiền mặt	553.510	644.124	568.376

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	4.636.328	1.786.003	2.389.428
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	14.639.146	17.517.051	27.687.752
4	Chứng khoán kinh doanh	-	-	200.134
5	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18.017	19.619	3.833
6	Cho vay khách hàng	49.612.464	63.007.037	70.490.188
7	Chứng khoán đầu tư	29.145.492	23.450.896	19.959.458
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	390	116	-
9	Tài sản cố định	813.189	853.171	787.178
10	Tài sản Có khác	3.959.135	4.028.733	2.994.404
<b>Tổng cộng</b>		<b>103.377.671</b>	<b>111.306.750</b>	<b>125.080.751</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Tình hình sử dụng vốn: Ngân hàng cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho quá hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

#### 2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

##### ❖ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 15 năm



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**❖ Tài sản cố định vô hình**
**i. Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**ii. Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 15 năm.

Hiện nay, chính sách trích khấu hao của Vietbank được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ký ngày 25/04/2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các Thông tư sửa đổi, bổ sung. Theo đó, chính sách trích khấu hao của Vietbank được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi và theo đúng quy định của pháp luật.

**2.1.3. Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên Vietbank giai đoạn 2021 – 09/2023 cụ thể như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	19,38	20,16	18,9

*Nguồn: Vietbank*

Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên của Vietbank ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn.

**2.1.4. Tình hình công nợ**

**Bảng 52: Tình hình công nợ (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>53.771.599</b>	<b>67.235.771</b>	<b>73.482.993</b>
Cho vay các TCTD khác	200.000	200.000	-
Cho vay khách hàng (gồm dự phòng)	49.612.464	63.007.037	70.490.188
Các khoản phải thu	2.396.258	2.233.021	556.951
Các khoản lãi, phí phải thu	1.446.957	1.651.273	2.242.480
Tài sản Có khác	134.956	162.916	204.382

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(19.036)	(18.476)	(11.008)
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>97.633.115</b>	<b>105.039.842</b>	<b>118.500.911</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	1.266.389	9.311
Tiền gửi và vay các TCTD khác	21.353.634	20.384.708	19.337.007
Tiền gửi của khách hàng	66.755.406	75.988.224	85.847.982
Phát hành giấy tờ có giá	7.635.170	5.122.170	10.111.170
Các khoản nợ khác	1.877.242	2.278.351	3.195.441

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Theo BCTC Hợp nhất, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2022 là 67.236 tỷ đồng, tăng 20,03% so với năm 2021, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2022 là 93,71% và duy trì ở mức 63.007 tỷ đồng, tăng 21,26% so với 2021.
- Các khoản phải thu chiếm 3,32% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.233 tỷ đồng, giảm 7,31% so với năm 2021.
- Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.651 tỷ đồng, tăng 12,37% so với năm 2021.
- Cho vay các TCTD khác chiếm tỷ trọng thấp nhất là 0,30% và đạt 200 tỷ đồng.
- Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 18 tỷ đồng, so với 2021 giảm 3,03%.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 là 105.040 tỷ đồng, tăng 7,05% so với năm 2021, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng đạt 75.988 tỷ đồng chiếm 72,34%, tăng 12,15% so với năm 2021.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 20.385 tỷ đồng chiếm 19,41% trong Tổng nợ phải trả, giảm 4,75% so với năm 2021.
- Phát hành giấy tờ có giá đạt 5.122 tỷ đồng chiếm 4,88% trong Tổng nợ phải trả, giảm mạnh so với năm 2021 là 49,06%.
- Các khoản nợ khác ở mức 2.278 tỷ đồng chiếm 2,17% trong Tổng nợ phải trả, tăng so với năm 2021 là 17,61%.

Theo BCTC hợp nhất quý 3/2023 do Vietbank tự lập, tổng nợ phải thu của ngân hàng tại 30/09/2023 là 73.483 tỷ đồng, tăng 16,49% so với cùng kỳ năm 2022 và Tổng nợ phải trả tại ngày 30/09/2023 là 118.500 tỷ đồng, tăng 13,03% so với cùng kỳ năm 2022.

Vietbank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Vietbank không có khoản nợ quá hạn.



Bảng 53: Tình hình công nợ (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>Tổng Nợ phải thu</b>	<b>53.771.599</b>	<b>67.235.770</b>	<b>73.484.592</b>
Cho vay các TCTD khác	200.000	200.000	-
Cho vay khách hàng	49.612.464	63.007.037	70.490.188
Các khoản phải thu	2.396.258	2.233.020	558.686
Các khoản lãi, phí phải thu	1.446.957	1.651.273	2.242.480
Tài sản Có khác	134.956	162.916	204.246
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(19.036)	(18.476)	(11.008)
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>97.634.252</b>	<b>105.039.958</b>	<b>118.503.285</b>
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	1.266.389	9.311
Tiền gửi và vay các TCTD khác	21.353.634	20.384.708	19.337.007
Tiền gửi của khách hàng	66.757.140	75.988.810	85.850.827
Phát hành giấy tờ có giá	7.635.170	5.122.170	10.111.170
Các khoản nợ khác	1.876.645	2.277.881	3.194.970

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank

Theo BCTC Riêng lẻ, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2022 là 67.236 tỷ đồng, tăng 20,03% so với năm 2021, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2022 là 93,71% và duy trì ở mức 63.007 tỷ đồng, tăng 21,26% so với 2021.
- Các khoản phải thu chiếm 3,32% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.233 tỷ đồng, giảm 7,31% so với năm 2021.
- Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.651 tỷ đồng, tăng 12,37% so với năm 2021.
- Cho vay các TCTD khác chiếm tỷ trọng thấp nhất là 0,30% và đạt 200 tỷ đồng.
- Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 18 tỷ đồng, so với 2021 giảm 3,03%.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 là 105.040 tỷ đồng, tăng 7,05% so với năm 2021, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng đạt 75.989 tỷ đồng chiếm 72,34%, tăng 12,15% so với năm 2021.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 20.385 tỷ đồng chiếm 19,41% trong Tổng nợ phải trả, giảm 4,75% so với năm 2021.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Phát hành giấy tờ có giá đạt 5.122 tỷ đồng chiếm 4,88% trong Tổng nợ phải trả, giảm mạnh so với năm 2021 là 49,06%.
- Các khoản nợ khác ở mức 2.278 tỷ đồng chiếm 2,17% trong Tổng nợ phải trả, tăng so với năm 2021 là 17,61%.

Căn cứ theo BCTC riêng lẻ 9 tháng năm 2023 do Vietbank tự lập tổng nợ phải thu của ngân hàng tại 30/09/2023 là 73.485 tỷ đồng, tăng 16,49% so với cùng kỳ năm 2022 và tổng nợ phải trả tại ngày 30/09/2023 là 118.503 tỷ đồng, tăng 13,03% so với cùng kỳ năm 2022.

Vietbank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, Vietbank không có khoản nợ quá hạn.

**2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định**

Kể từ khi chính thức hoạt động đến nay, Tổ Chức Phát Hành luôn hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Số dư các khoản phải nộp theo luật định tại 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 của Vietbank cụ thể như sau:

**Bảng 54: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Thuế giá trị gia tăng	2.487	1.428	1.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.214	21.108	8.479
Thuế thu nhập cá nhân	1.917	3.146	4.839
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.618</b>	<b>25.682</b>	<b>14.755</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

**Bảng 55: Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Thuế giá trị gia tăng	2.282	1.411	1.156
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.214	21.108	8.479
Thuế thu nhập cá nhân	1.822	3.049	4.658
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.318</b>	<b>25.568</b>	<b>14.293</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank*

Ngoài ra, bên cạnh các khoản thuế phải nộp theo luật định, Vietbank luôn hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... theo quy định của pháp luật, cụ thể



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

số dư các khoản chi đóng góp theo lương của Vietbank tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/09/2023 cụ thể như sau:

**Bảng 56: Các khoản chi đóng góp theo lương (Hợp nhất)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	9 tháng 2023
Bảo hiểm xã hội	39.045	39.681	31.784
Bảo hiểm y tế	6.819	6.943	5.469
Bảo hiểm tai nạn	6	-	-
Kinh phí công đoàn	4.840	4.892	3.836
Các khoản chi đóng góp khác theo chế độ	1.751	597	1.874
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.461</b>	<b>52.115</b>	<b>42.963</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank và số liệu do Vietbank cung cấp*

**Bảng 57: Các khoản chi đóng góp theo lương (Riêng lẻ)**
*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	9 tháng 2023
Bảo hiểm xã hội	38.841	39.514	31.649
Bảo hiểm y tế	6.784	6.914	5.446
Bảo hiểm tai nạn	6	-	-
Kinh phí công đoàn	4.840	4.892	3.836
Các khoản chi đóng góp khác theo chế độ	1.742	597	1.866
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.213</b>	<b>51.917</b>	<b>42.796</b>

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank và số liệu do Vietbank cung cấp*

**2.1.6. Trích lập các quỹ**

Tổ Chức Phát Hành luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Vietbank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Vietbank.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của Vietbank cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Thuyết minh	Năm 2021 (*)	Năm 2022 (**)
1	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất		635.782	656.112
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		129.187	133.485
<b>A</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất</b>	<b>(1) – (2)</b>	<b>506.595</b>	<b>522.627</b>
B	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		505.878	523.373
C	Trích lập các quỹ bắt buộc	C1 + C2	75.882	78.506
C1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	B x 5%	25.294	26.169
C2	Quỹ dự phòng tài chính	B x 10%	50.588	52.337
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích lập các Quỹ bắt buộc</b>	<b>A – C</b>	<b>430.713</b>	<b>444.121</b>
E	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	E1 + E2	40.179	0
E1	Quỹ khen thưởng		40.179	0
E2	Quỹ phúc lợi		0	0
F	Chia cổ tức	D – E – F	0	0
<b>G</b>	<b>Lợi nhuận giữ lại không chia</b>		<b>390.534</b>	<b>444.121</b>

Nguồn:

(\*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Vietbank ngày 26/04/2022

(\*\*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Vietbank ngày 26/04/2023

Số dư các quỹ của Vietbank trong 02 năm gần nhất và đến ngày 30/09/2023 cụ thể như sau:

**Bảng 58: Số dư các quỹ (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Quỹ dự phòng tài chính	212.311	264.648	264.648
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	107.953	134.122	134.122
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	95.394	61.271	75.143
<b>Tổng cộng</b>	<b>415.658</b>	<b>460.041</b>	<b>473.913</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2023 của Vietbank



**Bảng 59: Số dư các quỹ (Riêng lẻ)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Quỹ dự phòng tài chính	212.311	264.648	264.648
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	107.953	134.122	134.122
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	95.394	61.271	75.143
<b>Tổng cộng</b>	<b>415.658</b>	<b>460.041</b>	<b>473.913</b>

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022 và BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của Vietbank

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Tổ Chức Phát Hành không phát sinh những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 60: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
<b>1. Chỉ tiêu về vốn</b>			
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.776.827	4.776.827
- Vốn tự có	triệu đồng	8.146.985	8.859.874
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	10,25	10,24
<b>2. Chất lượng tài sản</b>			
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,65	3,65
- Tỷ lệ nợ xấu	%	2,25	2,47
		Theo TT11	Theo TT11
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	49,07	57,35
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,76	95,61
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>			
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,26	11,91
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	33,25	33,10

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	55,19	63,60
<b>4. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,54	10,93
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,65	0,61
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,60	1,76
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,52	0,49
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,19	8,70
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	1.061	1.094
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,55	8,68
- Thu nhập ròng từ HĐ dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	14,91	18,55

Nguồn: Vietbank

**Bảng 61: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ)**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
<b>1. Chỉ tiêu về vốn</b>			
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.776.827	4.776.827
- Vốn tự có	triệu đồng	8.146.239	8.859.873
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	10,05	10,24
<b>2. Chất lượng tài sản</b>			
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	3,65	3,65
- Tỷ lệ nợ xấu	%	2,25 Theo TT11	2,47 Theo TT11
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	49,07	57,35
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,76	95,61
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>			
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,26	11,91



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	33,25	33,10
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	55,19	63,60
<b>4. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,52	10,94
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,65	0,61
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,60	1,76
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,52	0,49
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,18	8,72
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	1.061	1.094
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,57	8,69
- Thu nhập ròng từ HĐ dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	14,13	18,00

Nguồn: Vietbank

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có): Không có.

### 2.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

2.3.1. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2021 của Vietbank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam:

#### Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 số 21-01-00383-22-2 ngày 31/03/2022 cụ thể như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Báo cáo tài chính riêng năm 2021

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam tại Báo cáo tài chính riêng năm 2021 số 21-01-00383-22-1 ngày 31/03/2022 cụ thể như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh



## **NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.3.2. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2022 của Vietbank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam:**

### **Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022**

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 số 22-01-00328-23-2 ngày 30/03/2023 cụ thể như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Báo cáo tài chính riêng năm 2022**

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG Việt Nam tại Báo cáo tài chính riêng năm 2022 số 22-01-00328-23-1 ngày 30/03/2023 cụ thể như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.3.3. Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

### **Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023**

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 cụ thể như sau: Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023**

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 cụ thể như sau: Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**2.4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**
**2.4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023 của Vietbank**

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Vietbank đối với các ngành kinh doanh mũi nhọn, lợi thế cạnh tranh của Ngân hàng và tiềm năng phát triển thị trường của ngành, kế hoạch doanh thu lợi nhuận, và cổ tức của Ngân hàng trong năm 2023, cụ thể như sau:

**Bảng 62: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2023**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023		Ghi chú
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với TH 2022	
Tổng tài sản	Tỷ đồng	125.000	12%	(*)
Tổng dư nợ cho vay	Tỷ đồng	75.600	12%	(*)
Huy động từ khách hàng (gồm GTCG)	Tỷ đồng	95.000	17%	(*)
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	Tỷ đồng	2.445	36%	(**)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	960	46%	(*)
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	768	49%	(**)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	%	31,4%	9,5%	(**)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,0%	33%	(**)
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	%	0%	0%	(**)
Tỷ lệ nợ xấu (N345/Tổng DN cấp tín dụng theo TT11/NHNN)	%	≤ 2,5%	N/A	(*)

## NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

---

### Nguồn:

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Vietbank.

(\*\*) Số liệu do Vietbank tính toán để hoàn thiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

### 2.4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua kế hoạch kinh doanh nêu trên tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023.

### 2.4.3. Cơ sở đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Vietbank tiếp tục hoạt động theo hướng an toàn bền vững và đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định;
- Vietbank sẽ tập trung vào việc nâng cao chuẩn mực hoạt động và hiệu quả quản trị điều hành; nâng cao chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa giá trị cho khách hàng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với cơ chế đãi ngộ nhân tài;
- Vietbank chú trọng phát triển hệ khách hàng truyền thống theo định hướng bán lẻ đồng thời ưu tiên cung ứng vốn cho các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ mà Chính phủ ưu tiên và sẵn sàng đón đầu sự phục hồi của nền kinh tế;
- Bảo toàn danh mục khách hàng hiện hữu và gia tăng tiện ích, khai thác tối đa hiệu quả khách hàng mang lại;
- Duy trì tốc độ tăng trưởng huy động, đặc biệt là nguồn vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư, vốn huy động không kỳ hạn, tăng huy động bằng đồng USD. Thực hiện đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để tiếp tục cải thiện giá vốn, nâng cao các chỉ số hiệu quả hoạt động;
- Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch gắn liền với quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ nhân sự, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tăng năng suất và hiệu quả hoạt động;
- Cải thiện tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập thuần, tỷ trọng chi phí lương/tổng chi phí hoạt động, từng bước nâng cao hiệu quả và hiệu suất lao động.
- Năm 2023 cần chú trọng khai thác những khách hàng đã phát triển, đồng thời đưa ra những gói sản phẩm hoặc những điều kiện ràng buộc về tăng số lượng khách hàng mới. Kết nối và mở rộng với các đối tác/ hệ sinh thái và thâm nhập sâu rộng hệ sinh thái đã và đang kết nối để khai thác hiệu quả hơn.

### 2.4.4. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

#### ❖ Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn

Trên cơ sở các thông tin thu thập được về nền kinh tế và ngành Ngân hàng nói chung, các số liệu về thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay do Ngân hàng cung cấp và theo các



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Rồng Việt cho rằng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Vietbank dự kiến cho năm 2023 là phù hợp và khả thi với tình hình hoạt động của Vietbank nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin do phía Vietbank cung cấp mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo (Các thông tin hay tài liệu do Tổ Chức Phát Hành cung cấp được xem là xác thực, chính xác và Rồng Việt không có nghĩa vụ hay trách nhiệm phải kiểm tra hay xác minh về tính xác thực và chính xác của các thông tin hay tài liệu này). Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần phát hành thêm cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng tất cả thông tin liên quan đến Tổ Chức Phát Hành (bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin trình bày tại Bản cáo bạch này và các thông tin liên quan khác) trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Vietbank và phải tự chịu trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình.

❖ **Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có)**

Không có.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*

**VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**
**1. Thông tin cổ đông sáng lập**

Tính đến thời điểm hiện nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập của Ngân hàng đã hết hiệu lực.

**2. Thông tin về cổ đông lớn**

Tại ngày 30/09/2023 Vietbank không có cổ đông lớn.

**3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**
**3.1. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị**
**Bảng 63: Danh sách thành viên HĐQT Vietbank**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Nhất Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập
3	Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
4	Bà Quách Tố Dung	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên HĐQT

*Nguồn: Vietbank*

**3.1.1 Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: Dương Nhất Nguyên  
 Năm sinh: 1983  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
10/2008 - 08/2009	Giám đốc đầu tư - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
09/2009 - 10/2011	Sinh viên MBA, Devry University và Keller Graduate, San Jose, CA, USA
11/2011 - 01/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm
02/2013 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc của Vietbank



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

05/2016 - 05/2016	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD của Vietbank
05/2016 - 08/2017	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của Vietbank
08/2017 – 04/2021	Phó Chủ tịch HĐQT của Vietbank
04/2021 – nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức Hội đồng quản trị chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ Không có chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 16.051.200 cổ phần, tỷ lệ 3,36% vốn điều lệ

Thông tin, số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại Vietbank	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Dương Ngọc Hòa	Bố	Không có	21.742.080	4,55%
2	Trần Thị Lâm	Mẹ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Ủy ban Nhân sự	114.000	0,02%
3	Dương Mai Anh	Em gái	Không có	10.068.480	2,11%
4	Dương Bảo Anh	Em gái	Không có	8.124.096	1,70%

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại Dư nợ thẻ là 118.083.884 đồng 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Dương Nhất Nguyên và người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Ông Dương Nhất Nguyên	Ông Dương Nhất Nguyên là Người nội bộ của Vietbank, ủy quyền cho bà Khuu Thị Phương Hằng đại diện giao dịch với Vietbank.	Hợp đồng thuê nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank thuê toàn bộ căn nhà số 70-72 Đường 17A, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM.</li> <li>- Thời hạn: Thuê 7 năm (từ 1/10/2017 đến 30/9/2024).</li> <li>- Giá thuê: 70 triệu đồng/tháng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	<p>Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 67/NQ-HĐQT.16 ngày 03/10/2016.</li> <li>- Hợp đồng thuê nhà số 0802/2018/HĐTN.HCM.</li> <li>- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê nhà ngày 29/04/2022.</li> </ul>
2	Dương Văn Anh	Em gái của ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT Vietbank	Hợp đồng thuê nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank thuê nhà của bà Dương Văn Anh tại số 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP.HCM</li> <li>- Thời hạn thuê: 05 năm (từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2026)</li> <li>- Giá thuê: 230,5 triệu đồng/tháng.</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	<p>Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 48/2021/NQ-HĐQT ngày 9/7/2021.</li> <li>- Hợp đồng thuê nhà số 0907/2021/HĐTN.HCM</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 63/2021/NQ-HĐQT ngày 9/8/2022.</li> <li>- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ngày 09/08/2022.</li> </ul>
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan (bà Dương Mai Anh và Dương Văn Anh là em gái của ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT Vietbank)	Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ	<p>1. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ kết nối cổng thanh toán Vietbank – Vidiva</li> <li>- Dịch vụ thu hộ</li> <li>- Dịch vụ ví điện tử</li> </ul>	<p>Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 55/2021/NQ-HĐQT ngày 29/6/2021.</li> </ul>



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		của Người nội bộ sở hữu từ 5% vốn điều lệ.		2. Giá trị giao dịch: - Vidiva đã hoàn ứng số tiền Vietbank ứng trước cho dịch vụ chi hoa hồng môi giới số tiền 10 tỷ đồng. Số tiền Vietbank đã thanh toán cho dịch vụ chi hoa hồng môi giới cho Vidiva đến ngày 30/09/2023 là 8.470.000. Vietbank đã chuyển tiền tạm ứng 10 tỷ đồng (đã hoàn ứng 7.150.000 đồng theo từng đợt và đã hoàn ứng toàn bộ). - Phí dịch vụ Vietbank đã thu Vidiva trong 9 tháng đầu năm 2023 là 16.500 đồng (lũy kế phát sinh dịch vụ đến giờ là 2.873.865 đồng). 3. Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có	- Hợp đồng hợp tác và cung cấp dịch vụ Vietbank – Vidiva (số 3006 ngày 30/6/2021) và các phụ lục 1, 2, 3, - Hợp đồng dịch vụ tư vấn ngày 1/10/2021 - Nghị quyết 91/2021/NQ-HĐQT ngày 18/11/2021 phê duyệt thông qua chính sách phát triển KH mới, trong đó có nội dung tạm ứng 10 tỷ đồng.
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan (bà Dương Mai Anh và Dương Văn Anh là em gái của ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT Vietbank)	Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ	1. Nội dung: Vietbank cung cấp dịch vụ bảo trợ cho Vidiva đối với sản phẩm Pay by Account của Mastercard, đồng thời Vidiva ủy quyền cho Vietbank thực	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau: - Nghị quyết HĐQT số 45/2023/NQ-HĐQT ngày 24/05/2023 với các nội dung sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		của Người nội bộ sở hữu từ 5% vốn điều lệ.		<p>hiện các quyền, nghĩa vụ thanh toán, quyết toán với Mastercard.</p> <p>2. Thực hiện giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank và Vidiva đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tổ chức bảo trợ cho sản phẩm Pay by Account số CHCM_HDCCDVBT PAYBYACC 01.25052023 ngày 25/05/2023.</li> <li>- Vidiva đã mở các tài khoản nộp tiền vào tài khoản ký quỹ, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ TK đảm bảo thanh toán: 000 000 246 791</li> <li>✓ TK thu phí: 000 001 089 240</li> <li>✓ TK ký quỹ: 000003220978</li> <li>✓ TK ký quỹ dự phòng: 000003220980</li> </ul> </li> <li>- Vidiva đã nộp tiền vào: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ TK ký quỹ số tiền 1,2 tỷ đồng (# 50.000 USD) ngày 30/05/2023.</li> <li>✓ TK ký quỹ dự phòng số tiền 300 triệu đồng ngày 30/05/2023.</li> </ul> </li> <li>- Vietbank đã mở tài khoản quyết toán tại ngân hàng BIDV và Habib (Mỹ).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Giao dịch và mẫu hợp đồng cung ứng bảo trợ cho tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ký kết giữa Vietbank với Vidiva.</li> <li>✓ Giao Vietbank – CN Hồ Chí Minh là đơn vị đầu mối ký kết hợp đồng với Công ty Vidiva.</li> </ul>



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
				3. Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có	
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan (bà Dương Mai Anh và Dương Vân Anh là em gái của ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT Vietbank) của Người nội bộ sở hữu từ 5% vốn điều lệ.	Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank và Vidiva tiếp tục gia hạn hợp đồng chi hoa hồng mỗi giới đến ngày 31/12/2024.</li> <li>- Liên kết tài khoản ví giữa chủ tài khoản Vietbank – Ví Ting.</li> <li>- Triển khai mở tài khoản Vietbank eKYC thông qua Ví Ting.</li> <li>- Hợp đồng chi hoa hồng mỗi giới Vietbank sẽ thanh toán cho Vidiva là: 100.000 VNĐ/ 1 tài khoản với tổng số lượng tài khoản theo thỏa thuận 100.000 tài khoản.</li> <li>- Công ty Vidiva đã thực hiện hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại theo hợp đồng mỗi giới cho Vietbank.</li> </ul> <p>Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</p>	<p>Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 19/01/2023</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 52/2023/NQ-HĐQT ngày 06/6/2023.</li> </ul>

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
6	Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la	Tổ chức mà người liên quan (mẹ ông Dương Nhất Nguyên - CT HĐQT Vietbank) là Chủ tịch HĐQT và Người nội bộ Vietbank là đại diện vốn góp và là thành viên HĐQT (bà Quách Tố Dung - TV HĐQT)	Hợp đồng tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dư nợ tín dụng đến 30/09/2023: 228.995 triệu đồng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	19612BB/HDTD.20 ngày 23/11/2020.
7	Công ty TNHH BV QT CITY	Tổ chức mà người liên quan (mẹ ông Dương Nhất Nguyên-CT HĐQT Vietbank) là Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dư nợ tín dụng đến 30/9/2023: 480.622 triệu đồng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2210 BB/HDTDHo.2021 ngày 24/12/2021.</li> <li>- 66BB/HDTDCC.2022 ngày 23/02/2022.</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 13/2022/NQ-HĐQT ngày 28/02/2022.</li> <li>- 06BB/HĐTDCC.2023 ngày 13/01/2023.</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 07/2023/NQ-HĐQT ngày 18/01/2023.</li> </ul>

Nguồn: Vietbank



Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	1.338.383.833 đồng	1.499.999.999 đồng	6.222.222.221 đồng
Tiền lương	Không có	Không có	Không có
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ liên quan	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la	Đầu tư, xây dựng, khai thác và cung cấp dịch vụ có liên quan trong Dự án Khu Y tế kỹ thuật cao	Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la là khách hàng của Vietbank. Tổ chức mà người liên quan (mẹ ông Dương Nhất Nguyên-CT HĐQT Vietbank) là Chủ tịch HĐQT và Người nội bộ Vietbank là đại diện vốn góp và là thành viên HĐQT (bà Quách Tố Dung – TV HĐQT)	Các hợp đồng kinh tế giữa 2 bên phải được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp về giao dịch các bên liên quan
2	Công ty TNHH BV QT CITY	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	Công ty TNHH BV QT CITY là khách hàng của Vietbank Tổ chức mà người liên quan (mẹ ông Dương Nhất Nguyên-CT HĐQT Vietbank) là Chủ tịch HĐQT	

**3.1.2. Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên: Nguyễn Hữu Trung  
 Năm sinh: 1951  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác:

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
08/1975 - 01/1984	Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada
02/1984 - 08/2008	Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada
09/2008 - 01/2009	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2009 - 04/2016	Cố vấn Hội đồng Quản trị của Công ty TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long
06/2011 - 04/2013	Cố vấn tài chính, Công ty của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA)
05/2016 - 06/2020	Giám đốc điều hành Khối tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG
04/2021 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại Vietbank
16/10/2021 – 13/08/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại Vietbank kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/09/2023: Dư nợ thẻ là 111.229.808 đồng

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và Ông Nguyễn Hữu Trung và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	1.149.494.949 đồng	2.361.486.756 đồng	2.072.222.226 đồng
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có.	Không có.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.1.3. Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **Lương Thị Hương Giang**  
 Năm sinh: **1976**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
09/1998 - 01/2016	Trưởng Phòng kế toán, Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
02/2016 - 08/2016	Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh
09/2016 - 04/2021	Phó Giám đốc truyền thông Marketing, Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của Vietbank
04/2021 – 30/8/2023	Thành viên Hội đồng Quản trị Vietbank kiêm nhiệm Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của Vietbank.
01/9/2023 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức phát hành: **Thành viên HĐQT Vietbank**

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: **Không có**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: **0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ**
- Cá nhân sở hữu: **6.840.000 cổ phần, chiếm 1,43% vốn điều lệ**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: **Không có**

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/09/2023: **Không có**

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và Bà Lương Thị Hương Giang và người nội bộ: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	450.661.620 đồng	943.947.474 đồng	619.208.626 đồng.
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.1.4. Bà Quách Tố Dung – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Quách Tố Dung  
 Năm sinh: 1957  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý kinh tế, tài chính;  
 Cử nhân Quản trị kinh doanh;  
 Cử nhân Chính trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
05/1975 - 05/1978	Cán bộ - Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1978 - 05/1988	Phó Chủ tịch, Chủ tịch, Bí thư Phường 4 - UBND Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1988 - 05/1994	UV Ban thường vụ Quận Ủy Quận 11 - UBND Phường 6, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1994 - 12/1999	UV Ban thường vụ Quận Ủy, Phó Chủ tịch UBND Quận 11 – UBND 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2000 - 12/2012	Phó Giám đốc Thường trực - Sở Công Nghiệp sau là Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2013 - 03/2018	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2020 - 04/2020	Chủ tịch HĐQTV - Công ty TNHH BĐS Nguyên Khang
04/2018 – 02/2022	Chủ tịch HĐQTV - Công ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

02/2022 - nay	Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la
01/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Vũ Quang Dung và Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la

Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Vũ Quang Dung

Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Sỹ Phát

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại Vietbank	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH Vũ Quang Dung	Doanh nghiệp mà bà Quách Tố Dung là Chủ tịch HĐQT	Không có	23.666.153	4,95%
2	Công ty TNHH Sỹ Phát	Doanh nghiệp mà bà Quách Tố Dung là Chủ tịch HĐQT	Không có	22.715.886	4,76%

Những khoản nợ đối với Ngân hàng Không có.  
 tại 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với bà Quách Tố Dung và người có liên quan:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- ✓ Mỗi quan hệ với Vietbank: Bà Quách Tố Dung là Người quản lý – Thành viên HĐQT
  - ✓ Loại giao dịch: Hợp đồng tín dụng
  - ✓ Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch: Cấp tín dụng: 266.292 triệu đồng.
  - ✓ Cấp có thẩm quyền chấp thuận:
    - Biên bản tín dụng số 19612BB/HDTD.20 ngày 23/11/2020
  - ✓ Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng giao dịch: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	866.666.671 đồng	911.111.115 đồng	733.333.336 đồng.
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la

- ✓ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Đầu tư, xây dựng, khai thác và cung cấp dịch vụ có liên quan trong Dự án Khu Y tế kỹ thuật cao.
- ✓ Mỗi quan hệ liên quan:
  - Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la là khách hàng của Vietbank
  - Bà Quách Tố Dung là Người quản lý – Thành viên HĐQT
  - Tổ chức mà người liên quan (mẹ ông Dương Nhất Nguyên-CT HĐQT Vietbank) là Chủ tịch HĐQT
- ✓ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Các hợp đồng kinh tế giữa 2 bên phải được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ chấp thuận, tuân thủ Điều lệ Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp về giao dịch các bên liên quan.

**3.1.5. Bà Lê Thị Xuân Lan – Thành viên HĐQT**

Họ và tên: Lê Thị Xuân Lan  
 Năm sinh: 1961  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/1979 - 06/1983	Kế toán của Tổ sản xuất Thành Long



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

07/1983 - 11/1987	Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Long
12/1987 - 01/1996	Kế toán trưởng Công ty Đại Hồng Phát
02/1996 - 12/1999	Kế toán trưởng Công ty Đại Đông Nguyên
01/2000 - 12/2010	Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm
01/2011 - 07/2014	Quản lý tài chính Cơ sở sản xuất Dây viền Thanh
08/2014 - 06/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Chợ Đũi
06/2015 - 10/2015	Thành viên Ban kiểm soát Vietbank
10/2015 - 04/2021	Trưởng Ban kiểm soát Vietbank
04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/09/2023: Dư nợ thẻ là 1.916.800 đồng.

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với Bà Lê Thị Xuân Lan và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên HĐQT Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	446.464.650 đồng	777.777.783 đồng	611.111.115 đồng.
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.2. Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát**

**Bảng 64: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát Vietbank**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên Ban Kiểm soát

*Nguồn: Vietbank*

**3.2.1. Ông Hứa Ngọc Nghĩa – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: Hứa Ngọc Nghĩa  
 Năm sinh: 1980  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
11/2002 - 06/2008	Nhân viên, chuyên viên - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
07/2008 - 06/2012	Thành viên HĐQT Ngân hàng 100% vốn Việt Nam - Sacombank Cambodia
08/2012 - 09/2014	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP chứng khoán Langexang Lào PRD
06/2012 - 07/2018	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
07/2008 - 06/2018	Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
08/2018 - 05/2020	Chuyên viên tư vấn độc lập về chứng khoán, quản lý đầu tư, thu xếp vốn, quản lý tài sản
05/2020 – 04/2021	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
04/2021 – nay	Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Trưởng Ban kiểm soát

chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Không có

tổ chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán

tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/09/2023: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với Ông Hứa Ngọc Nghĩa và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên BKS Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	726.000.000 đồng	715.555.556 đồng	605.000.000 đồng.
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.2.2. Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Xuân Dung**  
 Năm sinh: 1987  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
2011 - 2015	Nhân viên kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
2015 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán  
 tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có  
 những người có liên quan đồng thời  
 là cổ đông, người nội bộ của  
 Vietbank:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng Dư nợ thẻ là 499.723.520 đồng  
 tại 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Người có liên quan với Vietbank với Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên BKS Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	400.152.216 đồng	404.828.884 đồng	310.983.885 đồng.
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.2.3. Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: **Mạc Hữu Danh**  
 Năm sinh: 1969  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
1991 - 1995	Phó phòng Đối Ngoại - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Hồ Chí Minh
1995 - 2005	Trưởng phòng Thanh toán & Chuyển ngân – Deutsche Bank, CN Hồ Chí Minh
2005 - 2006	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

2006 - 2013	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
2013 - 2017	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
2019 - 2020	Phó Ban kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
05/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/09/2023: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với Ông Mạc Hữu Danh và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên BKS Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	971.835.336 đồng	888.555.560 đồng	763.583.336 đồng
Tiền lương	Không có.	Không có.	Không có.
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*

**3.3. Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành**

**Bảng 65: Danh sách thành viên Ban Điều hành Vietbank**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
2	Bà Ngô Trần Đoàn Trinh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Đỗ Khoa Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Lê Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Trần Thị Lâm	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc
10	Bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên	Kế toán trưởng

*Nguồn: Vietbank*

**3.3.1 Bà Trần Tuấn Anh – Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Trần Tuấn Anh**  
 Năm sinh: **1976**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Luật học chuyên ngành Luật Kinh tế, Cử nhân Luật học, Cử nhân tài chính – tín dụng.**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
05/1999 – 02/2009	Chuyên viên Phòng Dịch vụ Địa ốc; Phó phòng Dịch vụ Địa ốc; Trưởng Ban pháp chế Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM
02/2009 – 05/2010	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Pháp chế Ngân hàng TMCP Bản Việt
05/2010 – 10/2011	Thành viên HĐQT chuyên trách Ngân hàng TMCP Bản Việt
11/2011 – 09/2012	Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

10/2012 – 07/2013	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
10/2013 – 07/2014	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long
07/2014 – 05/2016	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Phòng Pháp chế và Xử lý nợ Ngân hàng TMCP Kiên Long
05/2016 – 02/2018	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
02/2018 – 04/2018	Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
04/2018 – 10/2021	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
10/2021 – 04/2023	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long
07/2023 – 08/2023	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
08/2023 – đến nay	Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức Tổng Giám đốc

phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ Không có

chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại

Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có

những người có liên quan đồng thời là cổ

đồng, người nội bộ của Vietbank:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại Dư nợ thẻ là 1.138.000 đồng

thời điểm 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Bà Trần Tuấn Anh và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau: Không có

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	Không có	Không có	1.005.495.658 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**3.3.2. Bà Ngô Trần Đoàn Trinh – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên: **Ngô Trần Đoàn Trinh**  
 Năm sinh: **1970**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
01/1992 - 02/1996	Nhân viên Kế toán – Công ty TNHH Khai thác, Chế biến Khoáng sản Khánh Hòa
03/1995 - 04/1999	Chuyên viên Kế toán, Bí thư Chi đoàn - Cục Đầu tư phát triển TP.HCM
05/1999 - 12/1999	Phó trưởng phòng kế toán – Cục Đầu tư phát triển TP.HCM
12/1999 - 02/2001	Phó trưởng phòng Kế toán – Kho bạc nhà nước TP.HCM
03/2001 - 06/2006	Chuyên viên phòng Kế toán Tài chính – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
	Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
	Phó trưởng phòng Tín dụng TW I – Quỹ hỗ trợ Phát triển TP.HCM
07/2007 - 10/2016	Nhân viên phòng Phân tích và Quản lý tín dụng – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
	Trưởng phòng Phân tích và Quản lý tín dụng - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
11/2016 - 09/2017	Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
09/2017 - 11/2017	Giám đốc Khối Tín dụng kiêm Giám đốc khối Quản lý Rủi ro - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
11/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 22.800 cổ phần, tỷ lệ 0,004% vốn điều lệ



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/09/2023: Dư nợ thẻ là 260.000 đồng

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Bà Ngô Trần Đoàn Trinh và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	1.841.192.500 đồng	1.971.488.710 đồng	1.766.716.000 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.3.3. Ông Phạm Danh – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Danh**  
 Năm sinh: 1980  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính, tiền tệ, tín dụng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/2003 - 02/2007	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2007 - 02/2009	Phó giám đốc CN Sài Gòn – Pacific Bank
03/2009 - 08/2009	Trưởng phòng Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
09/2009 - 01/2013	Giám đốc Phòng giao dịch Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
02/2013 - 11/2016	Phó Giám đốc CN TP.HCM kiêm Giám đốc PGD Vạn Hạnh – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
11/2016 - 11/2017	Giám đốc CN Sài Gòn – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
11/2017 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 11.400 cổ phần, tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/09/2023: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Phạm Danh và người có liên quan: Không có.
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	2.670.608.538 đồng	2.319.787.339 đồng	1.888.893.714 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.3.4. Ông Nguyễn Trọng Phúc – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Trọng Phúc  
 Năm sinh: 1976  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng  
 Cử nhân Luật  
 Quá trình công tác:



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
01/2003 - 08/2004	Chuyên viên Tín dụng Doanh Nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu
09/2003 - 03/2005	Trưởng phòng Phát triển sản phẩm thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Á Châu
04/2005 - 11/2005	Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Dương – Ngân hàng TMCP Á Châu
11/2005 - 02/2007	Giám đốc Chi nhánh Tân Thuận – Ngân hàng TMCP Á Châu
02/2007 - 03/2008	Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Á Châu
04/2008 - 08/2010	Phó Tổng Giám đốc/TV HĐQT Công ty Cổ phần Phúc Sinh
12/2010 - 04/2016	Giám đốc TTKD lớn Quận 1 – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam Giám đốc Vùng Tây HCM – Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
07/2016 - 09/2016	Trợ lý HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
09/2016 - 07/2017	Giám đốc Chi nhánh TP.HCM - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
10/2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Phó Tổng giám đốc  
chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Không có  
tổ chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán  
tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có  
những người có liên quan đồng thời là  
cổ đông, người nội bộ của Vietbank::

Những khoản nợ đối với Ngân hàng Không có  
tại 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Nguyễn Trọng Phúc và người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

*[Phần còn lại của trang này được chú ý bỏ trống]*

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	2.022.934.292 đồng	2.387.980.515 đồng	1.755.380.000 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

### 3.3.5. Ông Nguyễn Tiến Sỹ – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Tiến Sỹ  
 Năm sinh: 1977  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
06/2003 - 10/2018	Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH KYMCO Việt Nam
06/2010 - 06/2015	Giám đốc – Công ty Ô tô Xe máy Tiến Sỹ
11/2018 - 11/2020	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH BĐS Thành phố
03/2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 5.700 cổ phần chiếm 0,001% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại 30/09/2023: Dư nợ thẻ là 28.011.120 đồng

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với ông Nguyễn Tiến Sỹ và người có liên quan: Không có.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	1.624.122.222 đồng	2.421.794.772 đồng	1.834.240.000 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.3.6. Ông Đỗ Khoa Hiệp – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên: **Đỗ Khoa Hiệp**  
 Năm sinh: **1978**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Quản lý, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
2001 - 2005	Kỹ sư vận hành – Công ty TNHH Fujikura
2006 - 2007	Giám đốc nhân sự - ELCA Information Technology
2008 - 2010	Giám đốc đại diện Việt Nam – KXIOP
2009 - 2010	Chuyên viên tư vấn – KPMG Việt Nam
2010 - 2011	Chuyên viên tư vấn – Renoir Consulting
02/2012 - 08/2015	Trưởng phòng quản lý rủi ro vận hành – Ngân hàng TMCP Á Châu
08/2015 - 04/2020	Giám đốc Khối quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Á Châu
05/2020 - 03/2022	Giám đốc Khối vận hành - Ngân hàng TMCP Á Châu
03/2022 – đến nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: **Phó Tổng giám đốc**

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: **Không có**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: **0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ**
- Cá nhân sở hữu: **0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ**

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại Dư nợ thẻ là 9.937.574 đồng thời điểm 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Đỗ Khoa Hiệp và người có liên quan : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	Không có	2.132.113.811 đồng	2.481.822.826 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.3.7. Ông Lê Huy Dũng – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Lê Huy Dũng**  
 Năm sinh: **1967**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Ngân hàng**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
10/1989-03/1991	Nhân viên tín dụng và kế hoạch – Ngân hàng Habubank
04/1991-09/1997	Nhân viên tín dụng – Ngân hàng Vietcombank
10/1997-12/2001	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng tín dụng – Ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nội
01/2002-09/2004	Giám đốc – Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng
10/2004-12/2006	Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc chi nhánh Hưng Yên – Ngân hàng ACB
01/2007-08/2009	Giám đốc chi nhánh (Sở giao dịch) – Ngân hàng ACB
09/2009-05/2013	Tổng Giám đốc – Ngân hàng Đại Á



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

06/2013- 07/2017	Giám đốc Vùng/ Trưởng văn phòng đại diện tại Hà Nội – Ngân hàng ACB
05/2015-01/2020	Chủ tịch HĐQTV – Công ty TNHH ĐT TMDV Đại Á
08/2017-03/2020	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
03/2020-03/2021	Q.Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
03/2021-10/2021	Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
11/2021 – 02/2023	Cố vấn HĐQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
13/02/2023 – nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức Phó Tổng giám đốc

phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ Không có

chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại

Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 99.180 cổ phần (chiếm 0,02% vốn điều lệ)

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có

những người có liên quan đồng thời là cổ

đồng, người nội bộ của Vietbank:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại Dư nợ thẻ là 1.964.088 đồng

thời điểm 30/09/2023:

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Lê Huy Dũng và người có liên quan : Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	395.230.000 đồng	2.610.480.000 đồng	356.146.154 đồng
Tiền lương	3.808.480.000 đồng	Không có	1.703.246.522 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
**3.3.8. Bà Trần Thị Lâm – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Trần Thị Lâm  
 Năm sinh: 1959  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
09/1977 – 11/1980	Sinh viên – Trường Trung học y tế Nghĩa Bình
01/1981 – 12/1983	Y sỹ – Liên đoàn địa chất 502
01/1984 – 11/1999	Kinh doanh tự do; Ngành nghề nông lâm sản, mua bán hàng hóa
12/1999 – 07/2007	Giám đốc – CTCP Ô tô – Xe máy Hoa Lâm
08/2007 – 04/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc – CTCP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
11/2010 – 11/2017	Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư và Thương mại An Khang
06/2017 – 10/2022	Thành viên Thường trực Ủy ban Nhân sự - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
02/2006 – đến nay	Chủ tịch HĐQT – CTCP Vi mạch Điện tử Việt Vmicro
07/2008 – đến nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Y tế Hoa Lâm – Shangri-la
12/2017 – đến nay	Phó Giám đốc Tài chính – CTCP Đầu tư và Thương mại An Khang
04/2022 – đến nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế CITY
10/2022 – đến nay	Thành viên Ủy ban Nhân sự - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
05/2023 – đến nay	Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ủy ban Nhân sự

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – CTCP Vi mạch Điện tử Việt Vmicro

Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Y tế Hoa Lâm – Shangri-la

Phó Giám đốc Tài chính – CTCP Đầu tư và Thương mại An Khang

Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế CITY



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 114.000 cổ phần, tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại Vietbank	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Dương Ngọc Hòa	Chồng	Không có	21.742.080	4,55%
2	Dương Nhất Nguyên	Con trai	Chủ tịch HĐQT	16.051.200	3,36%
3	Dương Mai Anh	Con gái	Không có	10.068.480	2,11%
4	Dương Bảo Anh	Con gái	Không có	8.124.096	1,70%

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/09/2023: Dư nợ thẻ là 15.214.064 đồng

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Trần Thị Lâm và người có liên quan với Vietbank (tính đến 30/9/2023):

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Ông Dương Nhất Nguyên	Ông Dương Nhất Nguyên – là con trai của bà Trần Thị Lâm, ủy quyền cho bà Khuê Thị Phương Hằng đại diện giao dịch với Vietbank.	Hợp đồng thuê nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank thuê toàn bộ căn nhà số 70-72 Đường 17A, P. Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM.</li> <li>- Thời hạn: Thuê 7 năm (từ 1/10/2017 đến 30/9/2024).</li> <li>- Giá thuê: 70 triệu đồng/tháng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 67/NQ-HĐQT.16 ngày 03/10/2016.</li> <li>- Hợp đồng thuê nhà số 0802/2018/HĐTN.HCM.</li> <li>- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê nhà ngày 29/04/2022.</li> </ul>
2	Dương Văn Anh	Con gái của bà Trần Thị Lâm – Phó Tổng Giám đốc Vietbank	Hợp đồng thuê nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank thuê nhà của bà Dương Văn Anh tại số 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, TP.HCM</li> <li>- Thời hạn thuê: 05 năm (từ tháng 7/2021 đến tháng 7/2026)</li> <li>- Giá thuê: 230,5 triệu đồng/tháng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 48/2021/NQ-HĐQT ngày 9/7/2021.</li> <li>- Hợp đồng thuê nhà số 0907/2021/HĐTN.HCM.</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 63/2021/NQ-HĐQT ngày 9/8/2022.</li> <li>- Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ngày 09/08/2022.</li> </ul>
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan (bà Dương Mai Anh và Dương Văn Anh là con gái của bà	Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ	1. Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ kết nối cổng thanh toán Vietbank – Vidiva</li> <li>- Dịch vụ thu hộ</li> </ul>	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 55/2021/NQ-HĐQT ngày 29/6/2021.</li> </ul>



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		Trần Thị Lâm – Phó Tổng Giám đốc Vietbank) của Người nội bộ sở hữu từ 5% vốn điều lệ.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ ví điện tử</li> <li>2. Giá trị giao dịch:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vidiva đã hoàn ứng số tiền Vietbank ứng trước cho dịch vụ chi hoa hồng môi giới số tiền 10 tỷ đồng. Số tiền Vietbank đã thanh toán cho dịch vụ chi hoa hồng môi giới cho Vidiva đến ngày 30/09/2023 là 8.470.000. Vietbank đã chuyển tiền tạm ứng 10 tỷ đồng (đã hoàn ứng 7.150.000 đồng theo từng đợt và đã hoàn ứng toàn bộ).</li> <li>- Phí dịch vụ Vietbank đã thu Vidiva trong 9 tháng đầu năm 2023 là 16.500 đồng (lũy kế phát sinh dịch vụ đến giờ là 2.873.865 đồng).</li> </ul> </li> <li>3. Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng hợp tác và cung cấp dịch vụ Vietbank – Vidiva (số 3006 ngày 30/6/2021) và các phụ lục 1, 2, 3,</li> <li>- Hợp đồng dịch vụ tư vấn ngày 1/10/2021</li> <li>- Nghị quyết 91/2021/NQ-HĐQT ngày 18/11/2021 phê duyệt thông qua chính sách phát triển KH mới, trong đó có nội dung tạm ứng 10 tỷ đồng.</li> </ul>
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan (bà Dương Mai Anh và Dương Văn Anh là con gái của bà Trần Thị Lâm – Phó Tổng	Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ	1. Nội dung: Vietbank cung cấp dịch vụ bảo trợ cho Vidiva đối với sản phẩm Pay by Account của Mastercard, đồng thời	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		Giám đốc Vietbank) của Người nội bộ sở hữu từ 5% vốn điều lệ.		<p>Vidiva ủy quyền cho Vietbank thực hiện các quyền, nghĩa vụ thanh toán, quyết toán với Mastercard.</p> <p>2. Thực hiện giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank và Vidiva đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tổ chức bảo trợ cho sản phẩm Pay by Account số CHCM_HDCCDVBT PAYBYACC 01.25052023 ngày 25/05/2023.</li> <li>- Vidiva đã mở các tài khoản nộp tiền vào tài khoản ký quỹ, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ TK đảm bảo thanh toán: 000 000 246 791</li> <li>✓ TK thu phí: 000 001 089 240</li> <li>✓ TK ký quỹ: 000003220978</li> <li>✓ TK ký quỹ dự phòng: 000003220980</li> </ul> </li> <li>- Vidiva đã nộp tiền vào: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ TK ký quỹ số tiền 1,2 tỷ đồng (# 50.000 USD) ngày 30/05/2023.</li> <li>✓ TK ký quỹ dự phòng số tiền 300 triệu đồng ngày 30/05/2023.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 45/2023/NQ-HĐQT ngày 24/05/2023 với các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Giao dịch và mẫu hợp đồng cung ứng bảo trợ cho tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ký kết giữa Vietbank với Vidiva.</li> <li>✓ Giao Vietbank – CN Hồ Chí Minh là đơn vị đầu mối ký kết hợp đồng với Công ty Vidiva.</li> </ul> </li> </ul>



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
				Vietbank đã mở tài khoản quyết toán tại ngân hàng BIDV và Habib (Mỹ). 3. Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có	
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Vidiva	Tổ chức mà Người liên quan (bà Dương Mai Anh và Dương Vân Anh là con gái của bà Trần Thị Lâm – Phó Tổng Giám đốc Vietbank) của Người nội bộ sở hữu từ 5% vốn điều lệ.	Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ	<p>Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vietbank và Vidiva tiếp tục gia hạn hợp đồng chi hoa hồng môi giới đến ngày 31/12/2024.</li> <li>- Liên kết tài khoản ví giữa chủ tài khoản Vietbank – Ví Ting.</li> <li>- Triển khai mở tài khoản Vietbank ekYC thông qua Ví Ting.</li> <li>- Hợp đồng chi hoa hồng môi giới Vietbank sẽ thanh toán cho Vidiva là: 100.000 VNĐ/ 1 tài khoản với tổng số lượng tài khoản theo thỏa thuận 100.000 tài khoản.</li> <li>- Công ty Vidiva đã thực hiện hoàn trả số tiền tạm ứng còn lại theo hợp đồng môi giới cho Vietbank.</li> </ul> <p>Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</p>	<p>Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 19/01/2023</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 52/2023/NQ-HĐQT ngày 06/6/2023.</li> </ul>

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Vietbank	Loại giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch và các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
6	Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la	Bà Trần Thị Lâm là Người quản lý – Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dư nợ tín dụng đến ngày 30/9/2023: 228.995 triệu đồng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 19612BB/HDTD.20 ngày 23/11/2020.</li> </ul>
7	Công ty TNHH BV QT CITY	Bà Trần Thị Lâm là Người quản lý – Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dư nợ tín dụng đến ngày 30/9/2023: 480.622 triệu đồng</li> <li>- Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng: Không có</li> </ul>	Do Hội đồng quản trị chấp thuận trên cơ sở các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 2210 BB/HDTDHo.2021 ngày 24/12/2021</li> <li>- 66BB/HDTDCC.2022 ngày 23/02/2022</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 13/2022/NQ-HĐQT ngày 28/02/2022.</li> <li>- 06BB/HĐTDC.2023 ngày 13/01/2023.</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 07/2023/NQ-HĐQT ngày 18/01/2023.</li> </ul>

Nguồn: Vietbank

[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Thành viên Ban Giám đốc Vietbank như sau:

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	Không có	Không có	892.831.818 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank:

- Bà Trần Thị Lâm hiện là Người quản lý – Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la và Công ty TNHH BV QT CITY. Vì vậy, Bà Trần Thị Lâm sẽ được nhận lợi nhuận sau thuế của 02 Công ty nêu trên sau khi chia tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh của các công ty.
- Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la và Công ty TNHH BV QT CITY hiện có dư nợ tín dụng tại Vietbank tại ngày 30/09/2023 cụ thể như sau:
  - ✓ Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la: 228.995 triệu đồng
  - ✓ Công ty TNHH BV QT CITY: 480.622 triệu đồng

Thông tin chi tiết giữa Công ty TNHH Y Tế Hoa Lâm Shangri-la và Công ty TNHH BV QT CITY với Vietbank đã được đề cập tại Mục VI.3.3.8 – “Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Trần Thị Lâm và người có liên quan với Vietbank”

**3.3.9. Bà Phạm Thị Mỹ Chi – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **Phạm Thị Mỹ Chi**  
 Năm sinh: **1964**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính – Tín dụng**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
10/1986 – 10/1990	Giáo viên – Khoa Kế toán – Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM (tên cũ: Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng cơ sở II)
11/1990 -09/1992	Giao dịch viên, Chuyên viên tín dụng, Kiểm soát viên – Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Hội sở
10/1992 – 12/1995	Phó Phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Hội sở
01/1996 – 07/1996	Trưởng Phòng Kế toán – Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Hội sở
08/1996 – 11/2007	Kế toán trưởng – Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Hội sở

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

12/2007 – 07/2009	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng – Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Hội sở
08/2009 – 05/2013	Phó Tổng Giám đốc (phụ trách Kế toán – Tài chính) – Ngân hàng TMCP Bản Việt – Hội sở
04/2014 – 06/2014	Phó Phòng Kế toán tài chính – Ngân hàng TMCP Kiên Long – Hội sở
07/2014 – 06/2018	Kế toán trưởng, kiêm Giám đốc Phòng Kế toán tài chính – Ngân hàng TMCP Kiên Long – Hội sở
07/2018 – 09/2020	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, kiêm Giám đốc Phòng Kế toán tài chính – Ngân hàng TMCP Kiên Long – Hội sở
10/2020 – 10/2023	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng – Ngân hàng TMCP Kiên Long – Hội sở
11/2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Ban Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc kiêm Chánh Văn phòng Ban Tổng Giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Vietbank: Không có

Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại thời điểm 30/09/2023: Không có

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank và Bà Phạm Thị Mỹ Chi: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Kế toán trưởng Vietbank như sau

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	Không có	Không có	Không có
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

**3.3.10. Bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên – Kế toán trưởng**

Họ và tên: **Võ Nguyễn Thanh Nhiên**  
 Năm sinh: **1981**  
 Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Trình độ văn hóa: **12/12**  
 Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính Tín dụng**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
02/2004 – 05/2004	Kế toán viên – Công ty Viettel Post – Bưu cục Quận 5
06/2004 - 05/2022	Kế toán viên – Hội sở & PGD Tân Bình – Ngân hàng Nam Á
	Kiểm soát viên – PGD Tân Bình – Ngân hàng Nam Á
	Trưởng nhóm kế toán – Ban Dự án Công nghệ Ngân hàng – Hội sở – Ngân hàng Nam Á
	Phó Phòng Kế toán – Hội sở – Ngân hàng Nam Á
	Trưởng phòng Quản lý Giao dịch & kho quỹ – Hội sở – Ngân hàng Nam Á
	Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Hội sở – Ngân hàng Nam Á
	Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin – Hội sở – Ngân hàng Nam Á
06/2022- đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ Kế toán trưởng  
 chức phát hành:

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các Không có  
 tổ chức khác:

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán  
 tại Vietbank (tại ngày 30/09/2023):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Không có  
 những người có liên quan đồng thời  
 là cổ đông, người nội bộ của  
 Vietbank:

Những khoản nợ đối với Ngân hàng Không có  
 tại thời điểm 30/09/2023:

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank và Bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2021 đến 9 tháng năm 2023 của Kế toán trưởng Vietbank như sau

	2021	2022	9T/2023
Thù lao	Không có	Không có	Không có
Tiền lương	Không có	592.019.546 đồng	981.444.600 đồng
Các lợi ích khác	Không có	Không có	Không có

Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Vietbank hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Vietbank: Không có

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN****1. Loại cổ phiếu**

Loại cổ phiếu được Tổ chức phát hành chào bán là cổ phần phổ thông.

**2. Mệnh giá cổ phiếu**

Mệnh giá của cổ phiếu được chào bán là 10.000 đồng.

**3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán**

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 100.313.360 cổ phiếu.

**4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá**

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá là 1.003.133.600.000 đồng.

**5. Giá chào bán dự kiến**

Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu

**6. Phương pháp tính giá****❖ Phương pháp tính giá**

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2021 (căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán): 12.025 đồng/cổ phiếu.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022 (căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán): 13.119 đồng/cổ phiếu.

- Giá giao dịch cổ phiếu bình quân trong phiên ngày 04/04/2022 (ngày xây dựng Tờ trình phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2022): 16.500 đồng/cổ phiếu.

**❖ Xác định giá chào bán**

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Vietbank, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Vietbank nên HĐQT đã trình và được ĐHCĐ thường niên năm 2021 thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**7. Phương thức phân phối**

- |                                       |   |   |
|---------------------------------------|---|---|
| - Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán  | : | 100.313.360 cổ phiếu  |
| - Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá | : | 1.003.133.600.000 đồng  |
| - Giá chào bán                        | : | 10.000 đồng/cổ phiếu  |
| - Tỷ lệ thực hiện quyền               | : | 21% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành |

- thêm với tỷ lệ phân phối 100 : 21 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ mua thêm 21 cổ phiếu phát hành thêm)
- Phương thức chào bán : Vietbank chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
  - Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại ngày thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định pháp luật
  - Nguyên tắc làm tròn : Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu.  
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.  
Toàn bộ số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu
  - Hạn chế chuyển nhượng : không đăng ký, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.
  - Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được phân phối hết (do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua và/hoặc do các nguyên nhân khác) và số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) sẽ được HĐQT chào bán cho các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng (theo danh sách cổ đông chốt để thực hiện nhận quyền mua cổ phiếu) với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu).
    - ✓ Trường hợp chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán và/hoặc chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên: HĐQT sẽ thực hiện lấy kiến ĐHCĐ bằng văn bản để thông qua Danh sách Nhà đầu tư dự kiến phân phối.
    - ✓ Trường hợp chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dưới 10% vốn điều lệ: ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:
      - o Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm lực về tài chính.
      - o Có tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

**8. Đăng ký mua cổ phiếu**
**❖ Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu**

Tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực hoặc thời hạn khác dài hơn do Vietbank thông báo.

**❖ Phương thức đăng ký:**

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Ngân hàng và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa của Ngân hàng.

**❖ Phương thức thanh toán:**

Tiền mua cổ phiếu phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định tại điểm 12 phần VII của Bản cáo bạch này.

**❖ Chuyển nhượng quyền mua:**

- Cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu có thể nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền mua này cho người khác theo giá thỏa thuận của hai bên.
- Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng cổ phần không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba.
- Việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 05 ngày so với ngày hết hạn đặt mua cổ phần chào bán.

**❖ Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:**

Không có.

**❖ Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:**

Không áp dụng.

**9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu**

STT	Nội dung công việc	Thời gian (dự kiến)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu.	T
2	Vietbank thực hiện công bố thông tin về Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu.	T + 1 – T+3

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Nội dung công việc	Thời gian (dự kiến)
3	Thông báo với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.	T + 1 – T+3
4	Chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.	T + 13
5	Nhận danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.	T + 15
6	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu	Từ T + 16
7	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	T + 16 – T + 31
8	Cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu	T + 16 – T + 36
9	Trung tâm lưu ký Chứng khoán gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần	T + 38 – T+40
10	HDQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết	T + 40 – T + 50
11	Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	T + 51 – T + 60
12	Triển khai chuyển giao cổ phiếu và đăng ký lưu ký, đăng ký giao dịch bổ sung	Trong vòng 30 ngày sau ngày hoàn tất đợt chào bán

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp.

**10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)**

Không có.

**11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu**

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

Toàn bộ số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

**12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa như sau:

Chủ tài khoản: NH TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK)

Số tài khoản: 1029958509

Mở tại: Vietcombank Chi nhánh Đông Sài Gòn - TP.HCM



**13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Về đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ của Vietbank, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có công văn số 5872/NHNN-TTGSNH ngày 25/7/2023, theo đó, Thống đốc Ngân hàng nhà nước có ý kiến như sau:

- Chấp thuận việc Vietbank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 1.003.133.600.000 đồng (*Một nghìn không trăm lẻ ba tỷ, một trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn*) thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới) theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ Vietbank thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 và HĐQT Vietbank thông qua tại Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/06/2022, Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022 và Nghị quyết số 66/2023/NQ-HĐQT ngày 28/6/2023.
- Yêu cầu Vietbank có trách nhiệm:
  - + Thực hiện việc phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, bao gồm tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của các cổ đông, cổ đông và người có liên quan của những cổ đông này theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn của NHNN sau khi tăng vốn.
  - + Thông báo bằng văn bản cho các đối tượng mua cổ phần của Vietbank thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo đúng quy định tại Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung), Điều 12 Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung) của NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, trong đó bao gồm cả nghĩa vụ: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Vietbank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Vietbank; không được góp vốn, mua cổ phần của Vietbank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật; Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Vietbank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Vietbank. Tổ chức tín dụng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự của các cổ phần.
- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, Vietbank thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung) của NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**14. Hủy bỏ đợt chào bán**

Không có.



## 15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ theo công văn số 2294/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 25/05/2021, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín là 30% vốn điều lệ.

Tính đến ngày 30/09/2023, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VBB là 0,005%. Trong đợt chào bán này, cổ phiếu sẽ được chào bán cho các nhà đầu tư là cổ đông hiện hữu, do đó, không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VBB, đồng nghĩa với việc VBB vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu, căn cứ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại VBB theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu của đợt chào bán, VBB sẽ phối hợp với VSD kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu cho nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VBB sau đợt chào bán không vượt quá 30% vốn điều lệ, đồng thời tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật. Cụ thể, cổ đông nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài khác sẽ không được quyền mua cổ phiếu của Ngân hàng.

Trong trường hợp xử lý đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu không được chào bán hết, HĐQT sẽ quyết định việc bán số cổ phiếu này cho các đối tượng khác với điều kiện đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín không vượt quá 30%. HĐQT VBB cam kết thực hiện các phương án đảm bảo nêu trên và các phương án cần thiết khác để đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng đúng quy định về sở hữu nước ngoài tại VBB và các quy định pháp luật có liên quan.

## 16. Các loại thuế có liên quan

### 16.1. Đối với Ngân hàng

#### ❖ Thuế giá trị gia tăng

Ngân hàng chịu thuế giá trị gia tăng theo thuế suất là 10% theo Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

#### ❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

#### ❖ Các loại thuế khác

Ngân hàng kê khai và nộp thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành.

### 16.2. Đối với Nhà đầu tư

#### 16.2.1. Đối với Nhà đầu tư cá nhân

#### ❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với Nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số



12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

**Đối với Nhà đầu tư nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

❖ **Thu nhập cổ tức**

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

16.2.2. Đối với Nhà đầu tư tổ chức

❖ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

**Đối với tổ chức trong nước:** Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**Đối với tổ chức nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

❖ **Thu nhập từ cổ tức**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

17. Thông tin về các cam kết

❖ **Cam kết về việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung**

Ngân hàng cam kết sẽ thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tại văn bản số 65/2023/CV-VB của Vietbank ký ngày 08/08/2023.

❖ **Cam kết về việc không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án**

Vietbank cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích, đáp ứng các điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Luật Chứng khoán 2019 số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 tại văn bản số 2630/2023/CV-VB của Vietbank ký ngày 08/08/2023.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

**VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Việc tăng Vốn điều lệ của Vietbank là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Vietbank giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

- Đảm bảo tuân thủ cam kết của Vietbank với NHNN theo Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ giai đoạn 2016 - 2020 (đã được NHNN thông qua);
- Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và hướng đến tuân thủ theo quy định BASEL II, cũng như nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng;
- Bổ sung nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh khác sinh lời cho Ngân hàng

**IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Vietbank đã thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 26/4/2022 và được HĐQT Vietbank (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/06/2022 và Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022.

Cụ thể, kế hoạch sử dụng vốn nêu tại Nghị quyết HĐQT số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022 cụ thể như sau: *"Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu năm 2022 là 1.003.133.600.000 đồng được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc kinh doanh, đầu tư trái phiếu và duy trì các tỷ lệ bảo đảm tuân thủ cho các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lời cho hoạt động kinh doanh của Vietbank"*.

Căn cứ tình hình thị trường hiện nay cũng như nhu cầu thực tế của Ngân hàng, ngày 08/8/2023, HĐQT Vietbank đã họp và thông qua Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐQT về việc thông qua kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, toàn bộ số tiền dự kiến thu được là 1.003.133.600.000 đồng, sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
A	Đầu tư trái phiếu	350.000.000.000	Tháng 12/2023 – Quý 1/2024
B	Cho vay và duy trì các tỷ lệ bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn tài chính trong hoạt động Ngân hàng	653.133.600.000	
1	Cho vay sản xuất kinh doanh, đầu tư	350.000.000.000	



**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
2	Cho vay nông nghiệp, nông thôn và tiêu dùng	200.000.000.000	Tháng 12/2023 – Quý 1/2024
3	Cho vay nhà, đất	50.000.000.000	
4	Cho vay khác	53.133.600.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.003.133.600.000</b>	

*Nguồn: Nghị quyết HĐQT số 97/2023/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023 của Vietbank*

Nguồn vốn phân bổ được luân chuyển linh động trong các hoạt động cho vay của Ngân hàng, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đồng thời với việc duy trì các tỷ lệ đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của Vietbank.

## X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

#### ❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

Tầng 1 đến Tầng 8 Tòa nhà Viet Dragon, Số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 6299 2006

Fax: (028) 6291 7986

Website: <https://vdsc.com.vn>

#### ❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

##### **BCTC NĂM 2021 VÀ BCTC NĂM 2022: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG**

Lầu 10, Tòa nhà Sunwah Tower, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

Website: <https://www.kpmg.com/>

##### **BCTC NĂM 2023: CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website: <https://www.ey.com/>

### 2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt phát hành

Trên cơ sở các thông tin do tổ chức phát hành cung cấp, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có một số đánh giá như sau:

- Vietbank có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban lãnh đạo điều hành giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn. Việc gia tăng nguồn vốn trong đợt phát hành này là một bước tiến rất cần thiết và phù hợp cho Vietbank để nâng cao năng lực kinh doanh, thu hút và giữ nhân tài. Với việc sử dụng nguồn tiền thu được từ đợt chào bán theo phương án chi tiết đã trình bày tại Bản cáo bạch này sẽ giúp Vietbank duy trì các tỷ lệ

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

---

bảo đảm tuân thủ cho các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lời cho hoạt động kinh doanh của Vietbank.

- Khối lượng chào bán đợt này là 100.313.360 cổ phiếu được phát hành mới, là đợt chào bán có quy mô trung bình so với quy mô các đợt chào bán của các Ngân hàng trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây.

Trên cơ sở đó, tổ chức tư vấn nhận định đợt chào bán lần này của Vietbank sẽ có tính khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin do phía Vietbank cung cấp mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo (Các thông tin hay tài liệu do Tổ Chức Phát Hành cung cấp được xem là xác thực, chính xác và Rõng Việt không có nghĩa vụ hay trách nhiệm phải kiểm tra hay xác minh về tính xác thực và chính xác của các thông tin hay tài liệu này). Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần phát hành thêm cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng tất cả thông tin liên quan đến Tổ Chức Phát Hành (bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin trình bày tại Bản cáo bạch này và các thông tin liên quan khác) trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Vietbank và phải tự chịu trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình.

**XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý bỏ trống]*



**XII. PHỤ LỤC**

**Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động,

**Phụ lục II:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Vietbank.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Vietbank.

**Phụ lục III:** Nghị quyết Hội đồng Quản trị:

- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/06/2022 về việc bổ sung, sửa đổi và triển khai Phương án tăng vốn điều lệ của Vietbank năm 2022.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022 về việc bổ sung, sửa đổi và triển khai Phương án tăng vốn điều lệ của Vietbank năm 2022.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 66/2023/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023 về việc triển khai thực hiện hồ sơ tăng vốn điều lệ năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2023/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023 về việc thông qua tiếp tục triển khai Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và một số vấn đề liên quan.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 111/2023/NQ-HĐQT ngày 06/09/2023 về việc thông qua nội dung hạn chế chuyển nhượng đối với số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ phát sinh theo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 169/2023/NQ-HĐQT ngày 06/11/2023 về việc thông qua điều chỉnh, sửa đổi phương thức xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết theo phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và hồ sơ liên quan đến phát hành cổ phiếu ra công chúng.

**Phụ lục IV:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

**Phụ lục V:** Báo cáo tài chính của Vietbank:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 (riêng lẻ và hợp nhất)
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (riêng lẻ và hợp nhất)
- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2023 (riêng lẻ và hợp nhất)
- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023 (riêng lẻ và hợp nhất)

**Phụ lục VI:** Các Phụ lục khác, bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng tại ngày 18/04/2023;
- Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022, Đợt 2, mã trái phiếu VBB123034

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11. tháng 12. năm 2023

CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ NGUYỄN THANH NHIÊN

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN



Số: 4873/2023/CV-VB

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 12 năm 2023

## THÔNG BÁO

Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu  
từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

Kính gửi: - TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Tổ chức phát hành: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**  
Tên giao dịch: **VIETBANK**  
Trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.  
Điện thoại: (0299) 3621454 Fax: (0299) 3621858

Chúng tôi thông báo đến Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín  
Mã chứng khoán: VBB  
Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng/cổ phiếu  
Sàn giao dịch: UpCOM  
Ngày đăng ký cuối cùng: 09/01/2024

1. Lý do và mục đích: Thực hiện quyền mua cổ phiếu.

2. Nội dung cụ thể:

- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành: 100.313.360 cổ phiếu;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Tỷ lệ thực hiện: 100:21 (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 100 quyền được mua 21 cổ phiếu mới)
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):
  - + Phương án làm tròn: Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu.





- + Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được phân phối hết (do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua và/hoặc do các nguyên nhân khác) và số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) sẽ được HĐQT chào bán cho các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng (theo danh sách cổ đông chốt để thực hiện nhận quyền mua cổ phiếu) với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu). Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.
  - Trường hợp chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán và/hoặc chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên: HĐQT sẽ thực hiện lấy kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để thông qua Danh sách Nhà đầu tư dự kiến phân phối.
  - Trường hợp chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dưới 10% vốn điều lệ: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn nhà đầu tư và số lượng cổ phiếu được phân bổ cho từng nhà đầu tư trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như sau:
    - + Là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có tiềm lực về tài chính.
    - + Có tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 208 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông A sẽ được nhận 208 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:21, cổ đông A sẽ được quyền mua thêm 43,68 cổ phiếu. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông sẽ được quyền mua 43 cổ phiếu mới.
- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
  - + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: từ ngày 16/01/2024 đến ngày 21/02/2024;
  - + Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần.
  - + Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá 30%: cổ đông nước ngoài và các nhà đầu tư nước ngoài khác sẽ không được quyền mua quyền mua cổ phiếu của Ngân hàng.
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
  - + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: từ ngày 16/01/2024 đến ngày 28/02/2024.
  - + Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng.
- Địa điểm thực hiện:
  - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký




đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua cổ phiếu tại Văn Phòng tại thành phố Hồ Chí Minh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (62A Cách Mạng Tháng 8, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh) vào lúc 8g30 đến 16g00 các ngày làm việc trong tuần (trừ các ngày lễ, tết) vào các ngày làm việc trong tuần và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa.
- Thông tin về tài khoản phong tỏa đặt mua chứng khoán:
  - + Tên chủ tài khoản: NH TMCP VIET NAM THUONG TIN (VIETBANK)
  - + Số tài khoản: 1029958509
  - + Nơi mở tài khoản: Vietcombank Chi nhánh Đông Sài Gòn - TP.HCM

**Đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào cổng giao tiếp điện tử.**

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSDC. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- HNX, UBCKNN;
- Quý cổ đông;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN TUẤN ANH

